

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

**ĐÀO CÔNG HÙNG**

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ**

**Hà Nội - 2019**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

**ĐÀO CÔNG HÙNG**

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH**

LUẬN ÁN TIẾN SỸ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

MÃ SỐ: 62.58.01.06

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

1. PGS.TS.KTS LƯƠNG TÚ QUYÊN
2. TS.KTS NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

**Hà Nội - 2019**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với PGS.TS.KTS Lương Tú Quyên và TS.KTS Nguyễn Thị Lan Phương đã tận tình hướng dẫn, cho tôi nhiều kiến thức và đã động viên tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu, Khoa sau đại học - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đã quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp tôi hoàn thành luận án.

Tôi cũng xin được chân thành cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia, các thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp đã đóng góp cho tôi nhiều ý kiến trong quá trình nghiên cứu.

Xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình, bạn bè, cơ quan tôi công tác đã động viên, giúp đỡ và chia sẻ những khó khăn với tôi.

*Hà Nội, tháng 12 năm 2019*

**Tác giả luận án**

**Đào Công Hùng**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của cá nhân tôi. Các số liệu là trung thực, kết quả nêu trong luận án chưa công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Tác giả luận án**

**Đào Công Hùng**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                         |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| Lời cảm ơn .....                                                                                                        | i    |
| Lời cam đoan.....                                                                                                       | ii   |
| Mục lục.....                                                                                                            | iii  |
| Danh mục viết tắt .....                                                                                                 | viii |
| Danh mục bảng biểu.....                                                                                                 | ix   |
| Danh mục hình vẽ .....                                                                                                  | x    |
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....                                                                                                     | 1    |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài .....                                                                                      | 1    |
| 2. Mục đích nghiên cứu.....                                                                                             | 3    |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....                                                                                 | 3    |
| 4. Nội dung nghiên cứu.....                                                                                             | 4    |
| 5. Phương pháp nghiên cứu.....                                                                                          | 4    |
| 6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài .....                                                                       | 5    |
| 7. Các kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của luận án.....                                                        | 6    |
| 8. Các khái niệm và giải thích từ ngữ .....                                                                             | 6    |
| 9. Cấu trúc của luận án.....                                                                                            | 8    |
| <b>NỘI DUNG</b> .....                                                                                                   | 9    |
| <b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH</b> .....                      | 9    |
| <b>1.1. Khái quát về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới đô thị xanh trên thế giới và Việt Nam</b> ..... | 9    |
| 1.1.1. Xu hướng hình thành và phát triển đô thị xanh trên thế giới.....                                                 | 9    |
| 1.1.2. Tình hình quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan theo hướng đô thị xanh trên thế giới.....                     | 12   |
| 1.1.3. Tình hình phát triển các đô thị theo hướng đô thị xanh ở Việt Nam ....                                           | 18   |

|                                                                                                                                                   |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.1.4. Tình hình quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới đô thị xanh tại Việt Nam .....                                                | 21        |
| <b>1.2. Thực trạng công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang.....</b>                                                 | <b>27</b> |
| 1.2.1. Khái quát về thành phố Bắc Giang .....                                                                                                     | 27        |
| 1.2.2. Thực trạng không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang.....                                                                       | 31        |
| 1.2.3. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang .....                                         | 37        |
| 1.2.4. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước thành phố Bắc Giang ...                                                                         | 41        |
| 1.2.5. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan thành phố Bắc Giang .....                                 | 44        |
| <b>1.3. Các đề tài và công trình nghiên cứu có liên quan.....</b>                                                                                 | <b>45</b> |
| 1.3.1. Các luận án tiến sĩ có liên quan.....                                                                                                      | 45        |
| 1.3.2. Các công trình nghiên cứu khoa học.....                                                                                                    | 48        |
| <b>1.4. Đánh giá tổng hợp và những vấn đề cần giải quyết của luận án.....</b>                                                                     | <b>50</b> |
| 1.4.1. Đánh giá tổng hợp công tác quản lý KG KT CQ của TP Bắc Giang... 50                                                                         |           |
| 1.4.2. Nhận diện các vấn đề cần giải quyết của luận án .....                                                                                      | 52        |
| <b>CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN THÀNH PHỐ BẮC GIANG HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH .....</b>                          | <b>55</b> |
| <b>2.1. Cơ sở lý thuyết.....</b>                                                                                                                  | <b>55</b> |
| 2.1.1. Khái niệm đô thị xanh.....                                                                                                                 | 55        |
| 2.1.2. Mô hình và tiêu chí đô thị xanh .....                                                                                                      | 59        |
| 2.1.3. Phát triển đô thị bền vững .....                                                                                                           | 68        |
| 2.1.4. Lý luận về quản lý đô thị và nội dung quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh ..... | 71        |
| <b>2.2. Cơ sở pháp lý .....</b>                                                                                                                   | <b>74</b> |
| 2.2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật .....                                                                                                       | 74        |

|                                                                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.2.2. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.....                                                                                                | 79        |
| 2.2.3. Các đồ án quy hoạch có liên quan.....                                                                                                    | 80        |
| 2.2.4. Các Nghị quyết, Quyết định có liên quan.....                                                                                             | 83        |
| 2.2.5. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cảnh quan TP Bắc Giang .....                                                                        | 84        |
| <b>2.3. Các yếu tố tác động đến quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh .....</b>                    | <b>87</b> |
| 2.3.1. Bối cảnh phát triển thành phố Bắc Giang đến năm 2035 .....                                                                               | 87        |
| 2.3.2. Thể chế và công cụ quản lý đô thị .....                                                                                                  | 88        |
| 2.3.3. Khung cảnh quan thiên nhiên thành phố Bắc Giang .....                                                                                    | 90        |
| 2.3.4. Khoa học và công nghệ .....                                                                                                              | 91        |
| 2.3.5. Vai trò của cộng đồng dân cư .....                                                                                                       | 92        |
| 2.3.6. Lối sống và văn hóa địa phương.....                                                                                                      | 93        |
| <b>2.4. Một số bài học kinh nghiệm .....</b>                                                                                                    | <b>94</b> |
| 2.4.1. Bài học thứ nhất: Về xây dựng cơ sở pháp lý và công cụ quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới đô thị xanh.....               | 94        |
| 2.4.2. Bài học thứ hai: Về nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân về đô thị xanh.....                                 | 94        |
| 2.4.3. Bài học thứ ba: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KGKTCQ...                                                                          | 95        |
| 2.4.4. Bài học thứ tư: Phát triển hạ tầng giao thông xanh ...                                                                                   | 95        |
| 2.4.5. Bài học thứ năm: phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và sự tham gia của người dân trong công tác quản lý KG, KT, CQ hướng tới ĐTX..... | 96        |
| 2.4.6. Bài học thứ sáu: Về hợp tác, liên kết mạng lưới đô thị xanh.....                                                                         | 96        |
| <b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN THÀNH PHỐ BẮC GIANG HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH.....</b>                              | <b>97</b> |
| <b>3.1. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc .....</b>                                                                                             | <b>97</b> |
| 3.1.1. Quan điểm .....                                                                                                                          | 97        |
| 3.1.2. Mục tiêu.....                                                                                                                            | 98        |

|                                                                                                                                                     |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3.1.3. Nguyên tắc.....                                                                                                                              | 98         |
| 3.2. Định hướng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.....                                                                     | 99         |
| 3.3. Các tiêu chí quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh .....                                          | 102        |
| 3.3.1. Cơ sở để thiết lập các tiêu chí .....                                                                                                        | 102        |
| 3.3.2. Các tiêu chí quản lý KG KT CQ của thành phố Bắc Giang trở thành đô thị xanh vào năm 2050.....                                                | 102        |
| 3.3.3. Các tiêu chí quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh đến năm 2035 .....                                                   | 105        |
| <b>3.4. Các yêu cầu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan TP Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.....</b>                                            | <b>109</b> |
| 3.4.1. Yêu cầu về xanh hóa cảnh quan.....                                                                                                           | 109        |
| 3.4.2. Yêu cầu về quản lý KT CQ và nâng cao chất lượng mỹ quan đô thị .                                                                             | 111        |
| 3.4.3. Yêu cầu về phát triển kết cấu hạ tầng xanh và bảo vệ môi trường                                                                              | 112        |
| <b>3.5. Các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.....</b>                                   | <b>113</b> |
| 3.5.1. Nhóm giải pháp 1: Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX..... | 113        |
| 3.5.2. Nhóm giải pháp 2: Phân vùng quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh... ..                         | 118        |
| 3.5.3. Nhóm giải pháp 3: Triển khai các hoạt động quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh... ..          | 121        |
| 3.5.4. Nhóm giải pháp 4: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.....      | 133        |

|                                                                                                                                                                          |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3.5.5. Nhóm giải pháp 5: Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan TP Bắc Giang hướng tới đô thị xanh..... | 136        |
| <b>3.6. Kết quả nghiên cứu và bàn luận .....</b>                                                                                                                         | <b>140</b> |
| 3.6.1. Các kết quả nghiên cứu chủ yếu của luận án.....                                                                                                                   | 140        |
| 3.6.2. Những đóng góp mới của luận án.....                                                                                                                               | 141        |
| 3.6.3. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu có đóng góp mới .....                                                                                                          | 142        |
| <b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>                                                                                                                                        | <b>147</b> |
| <b>1.Kết luận .....</b>                                                                                                                                                  | <b>147</b> |
| <b>2.Kiến nghị.....</b>                                                                                                                                                  | <b>149</b> |
| <b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN</b>                                                                                                            |            |
| <b>ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b>                                                                                                                                                |            |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                                                                                |            |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                                                                                           |            |

## DANH MỤC VIẾT TẮT

| <b>Chữ viết tắt</b> | <b>Tên đầy đủ</b>                |
|---------------------|----------------------------------|
| <b>KG</b>           | Không gian                       |
| <b>KT</b>           | Kiến trúc                        |
| <b>CQ</b>           | Cảnh quan                        |
| <b>KGKTCQ</b>       | Không gian, kiến trúc, cảnh quan |
| <b>KGĐT</b>         | Không gian đô thị                |
| <b>KGX</b>          | Không gian xanh                  |
| <b>CTX</b>          | Kiến trúc xanh                   |
| <b>KTĐT</b>         | Kiến trúc đô thị                 |
| <b>CQĐT</b>         | Cảnh quan đô thị                 |
| <b>BĐKH</b>         | Biến đổi khí hậu                 |
| <b>ĐT</b>           | Đô thị                           |
| <b>ĐTX</b>          | Đô thị xanh                      |
| <b>HTĐTX</b>        | Hướng tới đô thị xanh            |
| <b>ĐTST</b>         | Đô thị sinh thái                 |
| <b>ĐTTM</b>         | Đô thị thông minh                |
| <b>GTCC</b>         | Giao thông công cộng             |
| <b>PTBV</b>         | Phát triển bền vững              |
| <b>QH</b>           | Quy hoạch                        |
| <b>QHĐT</b>         | Quy hoạch đô thị                 |
| <b>QHC</b>          | Quy hoạch chung                  |
| <b>QHPK</b>         | Quy hoạch phân khu               |
| <b>QHCT</b>         | Quy hoạch chi tiết               |
| <b>QHXD</b>         | Quy hoạch xây dựng               |
| <b>CTPTĐT</b>       | Chương trình phát triển đô thị   |
| <b>TP</b>           | Thành phố                        |
| <b>QL</b>           | Quản lý                          |
| <b>QLĐT</b>         | Quản lý đô thị                   |
| <b>TTX</b>          | Tăng trưởng xanh                 |
| <b>UBND</b>         | Ủy ban nhân dân                  |
| <b>CP</b>           | Chính Phủ                        |
| <b>QH</b>           | Quốc hội                         |
| <b>QCVN</b>         | Quy chuẩn Việt Nam               |
| <b>QL</b>           | Quốc lộ                          |
| <b>TL</b>           | Tỉnh lộ                          |
| <b>GPMB</b>         | Giải phóng mặt bằng              |
| <b>PT</b>           | Phát triển                       |
| <b>PTĐT</b>         | Phát triển đô thị                |

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

| <b>Số hiệu<br/>bảng biểu</b> | <b>Tên bảng biểu</b>                                                                                 | <b>Trang</b> |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <i>Bảng 1.1</i>              | <i>Tổng hợp hiện trạng dân số và diện tích TP Bắc Giang</i>                                          | <i>28</i>    |
| <i>Bảng 2.1</i>              | <i>Bảng đánh giá khả năng áp dụng các chỉ tiêu của Koica vào TP Bắc Giang</i>                        | <i>65</i>    |
| <i>Bảng 3.1</i>              | <i>Bảng đánh giá mức độ hiệu quả của công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX</i> | <i>107</i>   |
| <i>Bảng 3.2</i>              | <i>Yêu cầu quy mô diện tích KGX của TP Bắc Giang đến năm 2035</i>                                    | <i>109</i>   |
| <i>Bảng 3.3</i>              | <i>Quy định trồng cây trên hè phố</i>                                                                | <i>123</i>   |
| <i>Bảng 3.4</i>              | <i>Các hình thức và nội dung tham gia của cộng đồng</i>                                              | <i>140</i>   |

## DANH MỤC HÌNH VẼ

| Số hiệu hình | Tên hình                                                                                                                                         | Trang |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Hình 1       | Sơ đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu của luận án                                                                                                  | 3     |
| Hình 1.1     | Không gian xanh thành phố Stockholm - một trong những đô thị được xếp hạng bền vững nhất trên thế giới                                           | 11    |
| Hình 1.2     | Không gian xanh thành phố Bodhgaya, Ấn Độ                                                                                                        | 11    |
| Hình 1.3     | Xây dựng công trình xanh ở Singapore                                                                                                             | 13    |
| Hình 1.4     | Bản vẽ mô tả hệ thống vận chuyển rác ngầm ở Songdo, Hàn Quốc                                                                                     | 14    |
| Hình 1.5     | Tuyến đường dành cho xe đạp đi qua những tuyến phố nhiều cây xanh                                                                                | 15    |
| Hình 1.6     | TP Amsterdam, Hà Lan là TP có tỷ lệ đi xe đạp cao                                                                                                | 15    |
| Hình 1.7     | Với các dự án tập trung vào di động, làm việc, nhà ở và không gian công cộng, Amsterdam sẽ giảm phát thải CO <sup>2</sup> xuống 30% vào năm 2025 | 15    |
| Hình 1.8     | Hình ảnh đô thị xanh ở TP Melbourne                                                                                                              | 16    |
| Hình 1.9     | Quy trình chuyển đổi quyền phát triển nhằm mục đích bảo vệ môi trường của Curitiba, Brazil                                                       | 17    |
| Hình 1.10    | Không gian xanh trong khu đô thị Ecopark                                                                                                         | 20    |
| Hình 1.11    | Không gian xanh trong khu đô thị Phú Mỹ Hưng                                                                                                     | 20    |
| Hình 1.12    | Sơ đồ vị trí và mối liên hệ của thành phố Bắc Giang trong vùng thủ đô Hà Nội                                                                     | 28    |
| Hình 1.13    | Vị trí thành phố Bắc Giang trong tỉnh Bắc Giang                                                                                                  | 28    |
| Hình 1.14    | Khu trung tâm hành chính                                                                                                                         | 34    |
| Hình 1.15    | Hiện trạng khu phố thương mại, thành phố Bắc Giang                                                                                               | 34    |
| Hình 1.16    | Khu vực hồ Làng Thương, một điểm nhấn cảnh quan TP                                                                                               | 34    |
| Hình 1.17    | Khu dân cư mới                                                                                                                                   | 34    |
| Hình 1.18    | Cảnh quan sông Thương                                                                                                                            | 36    |
| Hình 1.19    | Hiện trạng các vùng cảnh quan thành phố Bắc Giang                                                                                                | 36    |
| Hình 1.20    | Hình ảnh kiến trúc cảnh quan các tuyến phố chính                                                                                                 | 38    |
| Hình 1.21    | Tình trạng lấn chiếm vỉa hè các tuyến đường trong thành phố                                                                                      | 38    |
| Hình 1.22    | Hệ thống thoát nước của thành phố chưa tốt                                                                                                       | 40    |
| Hình 1.23    | Rác thải tập kết ở lòng đường                                                                                                                    | 40    |
| Hình 1.24    | Hệ thống dây điện và thông tin liên lạc                                                                                                          | 40    |
| Hình 1.25    | Mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị Việt Nam từ trung ương đến địa phương                                                                      | 43    |
| Hình 1.26    | Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý đô thị thành phố Bắc Giang                                                                                          | 43    |

|           |                                                                                           |     |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Hình 2.1  | Các yếu tố cấu thành đô thị xanh theo dự án Hỗ trợ QH ĐTX VN của KOICA                    | 58  |
| Hình 2.2  | Sơ đồ khái niệm đô thị xanh                                                               | 59  |
| Hình 2.3  | Sơ đồ mô hình đô thị xanh                                                                 | 61  |
| Hình 2.4  | Sơ đồ các tiêu chí đô thị xanh                                                            | 64  |
| Hình 2.5  | Sơ đồ các tiêu chí đô thị xanh đề xuất áp dụng cho TP Bắc Giang                           | 67  |
| Hình 2.6  | Mối quan hệ giữa các yếu tố của phát triển bền vững                                       | 69  |
| Hình 2.7  | Mô hình phát triển bền vững kiểu quả trứng                                                | 69  |
| Hình 2.8  | Mô hình phát triển đô thị bền vững                                                        | 70  |
| Hình 2.9  | Vị trí của QL KG, KT, CQ trong QLĐT                                                       | 72  |
| Hình 2.10 | Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050  | 81  |
| Hình 2.11 | Đồ án Quy hoạch phân khu số 2 thành phố Bắc Giang                                         | 82  |
| Hình 2.12 | Đồ án Quy hoạch phân khu số 3 thành phố Bắc Giang                                         | 82  |
| Hình 2.13 | Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trực thương mại dịch vụ                          | 86  |
| Hình 2.14 | Sơ đồ hệ thống bộ máy quản lý nhà nước và thể chế ban hành.                               | 90  |
| Hình 3.1  | Sơ đồ tổ chức lập quy hoạch, quản lý KG, KT, CQ thành phố Bắc Giang                       | 116 |
| Hình 3.2  | Sơ đồ quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu                                                    | 117 |
| Hình 3.3  | Bảng thuộc tính sau khi được kết nối với dữ liệu KG                                       | 117 |
| Hình 3.4  | Sơ đồ phân vùng quản lý KG KT CQ TP Bắc Giang                                             | 121 |
| Hình 3.5  | Sơ đồ bố trí trồng cây xanh đường phố                                                     | 123 |
| Hình 3.6  | Quản lý chỉ giới xây dựng, chiều cao các tuyến phố chính                                  | 125 |
| Hình 3.7  | Quản lý mặt đứng kiến trúc của phố đi bộ khu đô thị phía Nam                              | 126 |
| Hình 3.8  | Quản lý KG, KT, CQ của phố đi bộ khu đô thị phía Nam                                      | 126 |
| Hình 3.9  | Quản lý chỉ giới xây dựng, chiều cao các tuyến phố chính                                  | 126 |
| Hình 3.10 | Kích thước và hình thức treo biển quảng cáo                                               | 130 |
| Hình 3.11 | Quy định sử dụng vỉa hè                                                                   | 131 |
| Hình 3.12 | Sơ đồ xử lý nước thải theo mô hình tuần hoàn                                              | 132 |
| Hình 3.13 | Bộ máy quản lý KG, KT, CQ TP Bắc Giang                                                    | 135 |
| Hình 3.14 | Sơ đồ vai trò của cộng đồng trong quản lý KG KT CQ                                        | 136 |
| Hình 3.15 | Sơ đồ mối quan hệ tương hỗ giữa KG, KT, CQ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư | 138 |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, các đô thị của Việt Nam đã và đang phát triển nhanh chóng, đóng góp quan trọng cho kinh tế- xã hội của cả nước, tuy nhiên cũng nảy sinh nhiều vấn đề bất cập. Quá trình ĐT hóa nhanh chóng dẫn đến việc khai thác, sử dụng cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và năng lượng, làm môi trường ĐT ngày càng bị ô nhiễm và suy thoái. Hơn thế nữa, nước ta lại đang phải đối mặt với nhiều thách thức như: Tác động của nền kinh tế thị trường, Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng trên quy mô toàn cầu. Chính vì vậy, việc phát triển ĐT theo hướng xanh hóa, thân thiện, hài hòa với tự nhiên đang là một hướng đi mới, nhằm bảo vệ, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, hướng tới cuộc sống an toàn, hạnh phúc của người dân.

Trên thế giới hiện nay, một số nước đã nghiên cứu và xây dựng thành công các mô hình phát triển ĐT khác nhau như: ĐTX, DTST, Đô thị thông minh...; đặc điểm chung của các ĐT này là thiết lập mối quan hệ bền vững giữa con người với thiên nhiên. Trong số đó, ĐTX được xem là trọng tâm và mục tiêu phát triển bền vững của nhiều TP trên thế giới, nhằm quản lý tốt các chất thải, khí CO<sub>2</sub>; bảo vệ hệ sinh thái; ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ở Việt Nam, mô hình ĐTX cũng đang được nghiên cứu áp dụng và phát triển. Tuy nhiên, xây dựng ĐTX ở nước ta hiện nay chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, chỉ đề cập một cách chung chung như “xanh, sạch, đẹp”, chỉ quan tâm đến mật độ cây xanh, tăng tỷ lệ che phủ xanh, xanh hóa cảnh quan, còn nhiều vấn đề khác như tiết kiệm năng lượng, cân bằng sinh thái, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, bảo vệ môi trường bền vững, giảm thiểu khí phát thải nhà kính, ứng phó với BĐKH... chưa được giải quyết một cách đồng bộ. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu, các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, chưa có quy định

rõ ràng về ĐTX, vì vậy việc quản lý và phát triển ĐTX ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn.

Thành phố Bắc Giang (tiền thân là Phủ Lạng Thương) được hình thành từ thời Pháp thuộc, có bề dày lịch sử và mang trong mình nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. TP Bắc Giang có tốc độ tăng trưởng cao và ngày càng phát triển về kinh tế - xã hội, dân số và không gian đô thị, chất lượng ĐT ngày một nâng cao, cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ, gìn giữ. Mật độ xây dựng hiện nay còn chưa cao, giao thông chưa bị ùn tắc, công nghiệp mới phát triển, môi trường chưa bị ô nhiễm nhiều; trật tự xây dựng, KG KT CQ cơ bản được đảm bảo, còn nhiều quỹ đất để mở rộng, phát triển không gian xanh, hệ sinh thái tự nhiên và văn hóa vẫn còn được lưu giữ được các giá trị bản địa, đây là cơ sở đồng thời là lợi thế rất lớn để TP Bắc Giang áp dụng các mô hình phát triển ĐT tiên tiến trên thế giới.

Công tác quản lý KG KT CQ của TP Bắc Giang trong những năm qua vẫn còn nhiều hạn chế dẫn đến tình trạng xây dựng không phép, sai phép vẫn còn phổ biến; nhiều khu đô thị, công trình công cộng chưa nghiên cứu đến công trình xanh, kiến trúc xanh và giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các tuyến phố chưa có điểm nhấn, không đồng nhất về kiến trúc nên chưa tạo được hình ảnh đẹp cho thành phố, làm xuống cấp KG KT CQ đô thị, gây ô nhiễm môi trường, ngập úng cục bộ, đe dọa hệ sinh thái tự nhiên. Xuất phát từ những tồn tại nêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Nghị Quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 về “Đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” trong đó có nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của công tác quản lý KGKTCQ của thành phố đồng thời định hướng TP Bắc Giang phát triển theo hướng ĐTX. Điều chỉnh quy hoạch chung TP Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang cũng đã đề xuất các giải pháp quy hoạch TP Bắc Giang trở thành ĐTX. Tuy nhiên cho đến nay, chưa có những nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, bản chất của ĐTX cũng như

chưa có các cơ sở khoa học để thực hiện việc quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX một cách toàn diện và hệ thống ở thành phố Bắc Giang.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài *“Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh”* là cần thiết, mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn nhằm góp phần xây dựng thành phố Bắc Giang “xanh-sạch-đẹp”, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân đô thị, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa và điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và chống chịu với BĐKH.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề xuất các giải pháp quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang nhằm xây dựng và phát triển KG KT CQ thành phố theo hướng ĐTX, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân đô thị, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa và điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng- an ninh và chống chịu với BĐKH.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

*Hình 1. Sơ đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu của luận án.*

+ Về không gian: Toàn bộ không gian nằm trong ranh giới nội thành mở rộng của TP Bắc Giang (theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung TP Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050) với diện tích khoảng 6.677ha

+ Về thời gian: theo thời hạn của QHC TP Bắc Giang đến năm 2035.

#### **4. Nội dung nghiên cứu**

- Nghiên cứu tổng quan các vấn đề về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới ĐTX;

- Nghiên cứu tổng hợp cơ sở khoa học để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.

- Nghiên cứu, đề xuất nhóm giải pháp quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX áp dụng tại thành phố Bắc Giang.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án áp dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học chủ yếu sau:

- *Phương pháp điều tra khảo sát, thu thập, xử lý các tài liệu, số liệu và thông tin khoa học:* Điều tra, khảo sát thực trạng, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, văn hóa lịch sử. Thu thập các thông tin về quản lý KG KT CQ; các quy hoạch, dự án đầu tư; cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực từ đó phân tích, sàng lọc các nội dung cơ bản để đề xuất giải pháp quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang.

- *Phương pháp phân tích, chẩn đoán và nhận diện các vấn đề cần nghiên cứu:* Sử dụng tài liệu thứ cấp và kết quả điều tra khảo sát, thu thập các số liệu, tiến hành phân tích, nhận diện các vấn đề bất cập trong công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại TP Bắc Giang cần giải quyết.

- *Phương pháp chuyên gia:* Tổ chức hội thảo, tham khảo ý kiến tư vấn của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực

QLĐT, quản lý KG KT CQ ở Trung ương và địa phương, để áp dụng về lý luận và thực tiễn cho luận án.

- *Phương pháp so sánh*: Là phương pháp phân tích, đánh giá sự phát triển của TP Bắc Giang với các TP khác có điều kiện tương đồng để định hướng xây dựng TP Bắc Giang hướng tới ĐTX.

- *Phương pháp dự báo*: Là phương pháp dự báo bằng cách phân tích cơ sở khoa học, kết quả điều tra khảo sát thực tế ở hiện tại, quá khứ, dự báo các tình huống để có giải pháp hữu hiệu cho công tác quản lý KG KT CQ tại TP Bắc Giang.

- *Phương pháp tiếp cận hệ thống*: Là phương pháp phân tích, đánh giá và dự báo về hành vi của đối tượng nghiên cứu như là một hệ thống lớn: gồm nhiều phân hệ, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, tương hỗ với nhau như một thể thống nhất.

- *Phương pháp mô hình hóa*: Là việc sử dụng một số các mô hình đã áp dụng, để thể hiện một hệ thống phức tạp để nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu nhằm kiểm chứng và đánh giá thực trạng khu vực nghiên cứu.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- *Ý nghĩa khoa học*:

Góp phần cụ thể hóa, bổ sung và làm phong phú thêm các vấn đề lý luận khoa học và khái niệm về ĐTX; quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX trong điều kiện Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng.

- *Ý nghĩa thực tiễn*:

+ Góp phần hoàn thiện giải pháp quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX.

+ Các đề xuất của đề tài có thể tham khảo ứng dụng vào thực tiễn trong việc quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho các DT có điều kiện tương đồng.

+ Là tài liệu tham khảo, phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo trong lĩnh vực QHĐT, quản lý đô thị, quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX.

## **7. Các kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của luận án.**

### *7.1. Các kết quả nghiên cứu của luận án.*

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học, đã đạt được các kết quả sau:

a) Luận án đã nghiên cứu tổng quan về công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX trên thế giới và Việt Nam. Đánh giá thực trạng và rút ra các vấn đề cần giải quyết, khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về KG KT CQ hướng tới ĐTX tại thành phố Bắc Giang.

b) Nghiên cứu, tổng hợp cơ sở khoa học trong việc quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại thành phố Bắc Giang.

c) Đề xuất một số giải pháp quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX áp dụng cho thành phố Bắc Giang.

### *7.2. Những đóng góp mới của luận án.*

Luận án đã đưa ra 03 đóng góp mới như sau:

a) Nhận diện các vấn đề về đô thị xanh, quản lý KG KT CQ ở thành phố Bắc Giang; trên cơ sở đó hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX.

b) Xây dựng các tiêu chí để đánh giá hiệu quả quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh;

c) Đề xuất các nhóm giải pháp quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh; đặc biệt là giải pháp phân vùng quản lý KG KT CQ, các yêu cầu quản lý KG KT CQ đối với từng vùng để làm cơ sở hình thành các giải pháp quản lý nhà nước, sát thực, cụ thể và hiệu quả.

## **8. Các khái niệm và giải thích từ ngữ**

- *Không gian đô thị* là KG bao gồm các vật thể kiến trúc ĐT, cây xanh, mặt nước trong ĐT có ảnh hưởng trực tiếp đến CQ đô thị. [38]

- *Kiến trúc đô thị* là tổ hợp các vật thể trong ĐT, bao gồm các công trình kiến trúc, kỹ thuật, nghệ thuật, quảng cáo mà sự tồn tại, hình ảnh, kiểu dáng của chúng chi phối hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến CQ đô thị (kiến trúc đề cao tính ổn định, lâu dài). [38]

- *Cảnh quan đô thị* là KG cụ thể có nhiều hướng quan sát ở trong ĐT như KG trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong ĐT và KG sử dụng chung thuộc ĐT. [38]

- *Cảnh quan tự nhiên* là những CQ chỉ bao gồm những yếu tố tự nhiên là trạng thái vốn có của tự nhiên và chưa bị biến đổi do tác động của con người. Hầu hết các CQ tự nhiên đều hài hòa và thống nhất giữa các thành phần, các yếu tố tạo nên CQ đó. [24]

- *Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:* là QL nhà nước có hệ thống, bao gồm: quản lý QH, QL đầu tư xây dựng và phát triển, bảo tồn, tôn tạo di sản kiến trúc đô thị, QL khai thác sử dụng KG KT CQ đô thị...[7]

- *Quy hoạch đô thị* là việc tổ chức KG KT CQ đô thị, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong ĐT, được thể hiện thông qua đồ án QHĐT. [38]

- *Phát triển bền vững* là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. [40]

- *Đô thị bền vững* là ĐT có khả năng duy trì sự phát triển trong thời gian dài, có chất lượng cuộc sống tốt. Phát triển hài hòa giữa Kinh tế, Xã hội và Môi trường. [18]

- *Đô thị xanh* là ĐT sử dụng tài nguyên bền vững, hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính và có đủ khả năng ứng phó với BĐKH. [41]

- *Công trình xanh* là công trình đạt được hiệu quả cao trong sử dụng năng lượng và vật liệu, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường; đồng thời được thiết kế để có thể hạn chế tối đa những tác động không tốt của môi trường xây dựng tới sức khỏe con người và môi trường tự nhiên thông qua: Sử dụng năng lượng, nước và các nguồn tài nguyên khác một cách hiệu quả; bảo vệ sức khỏe người sử dụng và nâng cao năng suất lao động; giảm thiểu chất thải, ô nhiễm và hủy hoại môi trường [nguồn: Hội đồng công trình xanh Việt Nam (VGBC)].

## **9. Cấu trúc của luận án**

Luận án bao gồm: Mở đầu, kết luận, kiến nghị và ba chương, cụ thể như sau:

**Chương 1:** Tổng quan về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới đô thị xanh.

**Chương 2:** Cơ sở khoa học quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.

**Chương 3:** Giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.

## PHẦN NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH

#### **1.1. Khái quát về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới đô thị xanh trên thế giới và Việt Nam**

##### ***1.1.1. Xu hướng hình thành và phát triển đô thị xanh trên thế giới***

Trên thế giới hiện nay, một số nước đã nghiên cứu và xây dựng thành công mô hình phát triển ĐTX, ĐTST, ĐT thông minh...; đặc điểm chung của các ĐT này là thiết lập mối quan hệ bền vững giữa con người với thiên nhiên. Trong đó, ĐTX được xem là trọng tâm và mục tiêu phát triển bền vững của nhiều TP trên thế giới, nhằm quản lý tốt các chất thải, khí CO<sub>2</sub>; bảo vệ hệ sinh thái; ứng phó với biến đổi khí hậu, như mạng lưới thành phố xanh của Nhật Bản gồm 26 đô thị, trong đó các thành phố Kitakyushu, đã được mệnh danh là “Thủ đô môi trường của thế giới” và thành phố Yokohama được xây dựng theo mô hình đô thị xanh, dựa trên ba trụ cột “Kinh tế xanh; cộng đồng thông minh và sinh thái”. Năm 2013, 2014, tạp chí “Green Uptown” đã bình chọn 15 thành phố xanh nhất thế giới, gồm: Vancouver (Canada); Copenhagen (Đan Mạch); Portland, Oregon (Mỹ); Reykjavík (Iceland); CaBo (Nam Phi); San Francisco (Mỹ); Abu Dhabi ( Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất); Curitiba (Brazil); Dallas (Mỹ); Estocolmo (Thụy Điển); Oslo (Na Uy); Friburgo (Đức); Zermatt (Thụy sĩ). Các thành phố xanh đều có chung một mục tiêu chung là “Cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cao nhất của dân cư” với các biện pháp: Giao thông bền vững; tái chế và giảm thiểu sự phát sinh chất thải; kiểm soát khí thải gây ô nhiễm và hiệu ứng nhà kính; xây dựng có phép; sử dụng năng lượng tái tạo, phát triển không gian xanh v.v...

TP Curitiba - Brazil là một điển hình cho sự ưu đãi về thuế để phát triển các dự án về môi trường, sinh thái. TP có hơn 30 công viên và một lượng cây

xanh đáng kể. Trong vòng 30 năm, Curitiba đã tăng không gian xanh trung bình từ  $1\text{m}^2/\text{người}$  lên  $52\text{m}^2/\text{người}$  và con số này hứa hẹn vẫn sẽ tiếp tục tăng.

Tại Australia, TP Sydney và Melbourne đã áp dụng hình thức xanh hóa mái nhà tại các trung tâm thương mại nhằm thu hút du khách đồng thời cải thiện môi trường cho cư dân và người lao động. Chính quyền TP khuyến khích người dân trồng cây trên mái nhà và biến tường công sở thành những bức tường xanh.

Hơn 30 năm trước, TP Portland thuộc bang Oregon, Mỹ, đã dẫn đầu quy hoạch xanh bằng cách phá bỏ một tuyến đường cao tốc sáu làn và phát triển một công viên bờ sông tại đó. Hiện tại ở Portland có khoảng hơn 36.000 ha không gian xanh; 119km đường đi bộ, đi xe đạp; hơn 25 triệu héc ta rừng và trang trại.

Tại Hàn Quốc, ĐTX đã được đề cập ngay trong QH xây dựng đô thị, bao gồm QH cơ bản và kế hoạch QLĐT, nhằm đối phó với thảm họa môi trường tự nhiên do BĐKH bằng cách phát triển không gian ĐTX với hàm lượng carbon thấp.

Singapore hiện có 300 công viên với tổng diện tích khoảng 9.000 ha và được trồng hầu hết các loại cây nhiệt đới, bán nhiệt đới. Ý tưởng phát triển Singapore thành “*thành phố vườn*” được hình thành từ những năm 1960, gắn với ý tưởng QH tổng thể phát triển Singapore theo định hướng trở thành ĐT sạch. Singapore kết nối các công viên với nhau bằng các con đường, kết hợp trồng cây xanh trên các tòa nhà (công viên trên nóc). Đường phố quy định từng chủng loại cây, trong công viên, cây được tạo thành rừng cây tự nhiên. Công tác QL không gian xanh được chính phủ quan tâm, phát triển mảng xanh ĐT nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.

Các đô thị ở Châu Âu, tiêu chí ĐTX áp dụng tại EU gồm 7 tiêu chí sau: (1) *Không gian xanh*: ĐT có mật độ cây xanh cao, tỷ lệ cây xanh/người cao, không gian công cộng, không gian công viên, mặt nước được quan tâm; (2) *Công trình xanh*: Xanh hóa công trình, vật liệu xanh, tiết kiệm năng lượng, ưu

tiên tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, sử dụng năng lượng hiệu quả và vật liệu thân thiện môi trường; (3) *Giao thông xanh*: Nâng cao tỷ lệ giao thông công cộng, giảm các phương tiện cá nhân, giảm khí thải CO<sub>2</sub>, sử dụng khí tái chế; (4) *Công nghiệp xanh*: Công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, hạn chế ô nhiễm; (5) *Chất lượng môi trường đô thị xanh*: Môi trường không khí sạch, giảm rác thải, khói, bụi, độ ồn trong đô thị; (6) *Bảo tồn CQ văn hóa lịch sử danh lam thắng cảnh, CQ thiên nhiên*; (7) *Cộng đồng dân cư sống thân thiện với môi trường*.



Hình 1.1. Không gian xanh thành phố Stockholm - một trong những đô thị được xếp hạng bền vững nhất trên thế giới. [89]



Hình 1.2. Không gian xanh thành phố Bodhgaya, Ấn Độ. [89]

Tiêu chí TP môi trường theo Hiệp định TP Môi trường của Liên Hiệp Quốc - 2005. Hội nghị quốc tế đã đưa ra nhận định chung là các TP trên thế giới đang phải đối mặt với thách thức về ô nhiễm môi trường ngày càng tăng, tác động xấu của suy thoái môi trường, tài nguyên đối với đời sống của người dân ĐT. Các TP đã ký kết Hiệp định này để thực hiện chương trình hành động bao gồm 7 lĩnh vực riêng biệt, cụ thể: (1) *Năng lượng* (năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng; BDKH); (2) *Giảm chất thải* (TP không chất thải; trách nhiệm của nhà sản xuất; trách nhiệm của người tiêu dùng); (3) *Thiết kế thành phố* (công trình xanh; QHĐT; nhà ổ chuột); (4) *Thiên nhiên của TP* (công viên, vườn hoa; phục hồi nơi sinh cư của các loài; động vật hoang dã); (5) *Giao thông vận tải* (giao thông công cộng; phương tiện giao thông sạch; giảm tắc nghẽn); (6) *Sức khỏe môi trường* (chất độc giảm; hệ thống thực phẩm an

toàn sức khỏe; không khí sạch); (7) *Cấp nước và hiệu quả* (bảo tồn nguồn nước; giảm thiểu nước thải):

### ***1.1.2. Tình hình quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan theo hướng đô thị xanh trên thế giới***

Quản lý KG KT CQ đô thị là nội dung quan trọng trong công tác quản lý xây dựng đô thị theo QH, nó phản ánh hệ thống quản lý nhà nước của chính quyền đô thị ở mỗi quốc gia. Tại mỗi thời kỳ khác nhau, các chính sách về quản lý KG KT CQ tại các đô thị đều có sự thay đổi do có yếu tố tác động của sự phát triển kinh tế xã hội và BĐKH, nên các đô thị đã chú trọng đến công tác quản lý về KG KT CQ để gìn giữ cảnh quan thiên nhiên, văn hóa vùng miền, giảm thiểu CO<sub>2</sub>, ứng phó với BĐKH. Hiện nay trên thế giới một số nước đã rất thành công trong công tác quản lý cụ thể như sau:

#### ***a) Singapore:***

Tại châu Á, Singapore là một trong những quốc gia đi đầu về thiết kế KGX cho đô thị, một quốc gia có tốc độ ĐT hóa nhanh đến chóng mặt nhưng lại mang cho người dân cuộc sống chất lượng cao, môi trường tốt, ĐT bền vững do mật độ cây xanh rất cao đem lại sự hài hòa cảnh quan cho TP.

Singapore có được cảnh quan đô thị văn minh, hiện đại thân thiện với môi trường như ngày hôm nay nhờ vào quy hoạch tổng thể 1/5.000 có từ rất sớm ( năm 1971). Chính phủ Singapore đã làm tốt công tác quản lý QH, tôn trọng thiên nhiên bằng cách áp dụng một loạt chiến lược “*vườn trong phố, vườn tường, vườn mái*”. Theo quy định, những công trình cỡ lớn bắt buộc phải có không gian cho cây xanh mới được phép xây dựng, các khoảng trống trên đường phố đều được trồng cây xanh, nên các khu ĐT lớn của Singapore có tỷ lệ cây xanh rất cao (chiếm 30%). Chính phủ chọn ngày thứ nhất của tháng 11 là ngày trồng cây toàn quốc. Việc quản lý cây xanh rất nghiêm ngặt, ai xâm hại có thể bị phạt hoặc vào tù. [78].

Singapore đã quản lý thành công giao thông thông minh và kiến trúc xanh (ứng dụng năng lượng thấp trong các tòa nhà, tăng diện tích cây xanh của các tòa nhà và phát triển giao thông công cộng hiệu quả) đồng thời làm tốt công tác xây dựng chính quyền quản lý điện tử.



Hình 1.3. Xây dựng công trình xanh ở Singapore. [78]

*b) Nhật Bản:*

Trong thời kỳ kinh tế tăng trưởng cao, tình trạng phát triển ĐT tràn lan, tự phát đã xảy ra. Nhật Bản đã đưa ra phương pháp hạn chế mở rộng đô thị, kiểm soát mở rộng đô thị một cách chặt chẽ, đưa ra kế hoạch xây dựng hạ tầng đô thị bằng hệ thống phân chia thành các khu vực, bao gồm khu vực điều chỉnh đô thị, khu vực hóa đô thị. Chính vì thế Nhật Bản đã thành công trong việc xây dựng mô hình ĐTX và ĐTST.

Để thực hiện QH và đạt được mục tiêu đề ra chính quyền ĐT Tokyo đã thiết lập Trung tâm “*Xây dựng thành phố giảm thiểu carbon*” và “*Xây dựng đô thị xanh*” để lập và tiến hành các dự án chiến lược chính. Các dự án, công trình được sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và sử dụng tối đa hóa năng lượng tái tạo; xây dựng hệ thống giao thông bền vững; phát triển các công nghệ môi trường mới theo hướng chuyển dịch sang giảm thiểu carbon. Bên cạnh đó, chính quyền ban hành các chính sách để xây dựng hồ cảnh quan Tokyo dựa trên yếu tố mặt nước và các hành lang xanh: Thiết lập mạng lưới đường giao thông xanh; thiết lập không gian xanh vùng đệm giữa các không gian đô thị; tạo lập, bảo tồn vùng, trung tâm cảnh quan xanh tại các khu vực ngoại ô. Để thực hiện các dự này chính quyền ĐT ban hành các chính sách để đảm bảo tất cả các bên liên quan từ các cấp chính quyền tới khối tư nhân và người dân đều tham gia vào việc thực hiện quy hoạch. [87].

*c) Hàn Quốc:*

Hàn Quốc đã trở thành một trong những quốc gia đứng đầu về phát triển ĐTX, đô thị bền vững. Chính phủ Hàn Quốc quan tâm đến công tác quy hoạch vùng, kết nối, phân bố hợp lý giữa các đô thị với nhau (giữa đô thị và nông thôn, giữa sản xuất và nơi ở) lấy QH để quản lý và phát triển ĐT, nên việc quản lý QH của Hàn Quốc rất nghiêm ngặt và quản lý một cách bài bản. Quan điểm phát triển ĐT phải gắn với thiên nhiên và bảo tồn các khu di tích, bảo vệ môi trường. Chú trọng phát triển hệ hồng cây xanh mặt nước, quan tâm đến thiết kế công trình xanh; khuyến khích người dân trồng cây xanh, tham gia giao công cộng, hạn chế xe cá nhân.



*Hình 1.4 .Bản vẽ mô tả hệ thống vận chuyển rác ngầm ở Songdo, Hàn Quốc. [79]*

Hàn Quốc cũng áp dụng chính sách bắt buộc phân loại rác thải tại nguồn và chính sách đánh phí chất thải theo khối lượng xả thải, nhằm nâng cao tỷ suất tái chế chất thải; ban hành kế hoạch “thỏa thuận xanh” nhằm hướng tới nền kinh tế xanh bao gồm (các dự án thân thiện môi trường sinh thái cao, các ngành công nghiệp xanh).

*d) Italia:*

Thành phố Milan của Italya là TP làm rất tốt công tác quản lý phát triển ĐTX được mệnh danh là “*công viên rừng ở Milan*” Năm 1995, chính quyền thành phố Milan rất coi trọng công tác QH đô thị, lấy quy hoạch làm gốc để phát triển ĐT. Quy hoạch luôn được quan tâm, chú trọng đến QH hệ thống công viên cây xanh. Trọng tâm là dự án phát triển 9 công viên lớn ở trung tâm TP, kết hợp với hệ thống các quảng trường và vườn hoa trên khắp TP. [88]



*Hình 1.5. Tuyến đường dành cho xe đạp đi qua những tuyến phố nhiều cây xanh [89]*

Nhờ tích cực thực hiện các dự án phủ xanh TP, mật độ cây xanh công cộng ở Milan đã đảm bảo được nhu cầu của người dân và giữ cho không khí TP được trong lành. Do quy hoạch hợp lý, có nhiều cây xanh bóng mát cho các tuyến phố, nên người dân tham gia đi bộ và đi xe đạp nhiều.

*e) Hà Lan:*

Amsterdam là một trong những TP đầu tiên bị ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng do BĐKH, bởi vậy bằng nhiều cách khác nhau, các nhà lãnh đạo đã quyết tâm lựa chọn phát triển phương pháp vận chuyển giảm thiểu CO<sub>2</sub>. Đó là phương thức chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang hình thức công cộng thuận tiện nhất, đặc biệt nhấn mạnh sử dụng xe đạp. Chiến dịch loại bỏ dần xe tư nhân, phát triển xe đạp xuất phát từ những lo ngại về chất lượng cuộc sống và ô nhiễm không khí đã bắt đầu tăng khoảng thời gian đó. Vì thế, Amsterdam được quy hoạch ngay từ đầu với 450km đường xe đạp. Nhiều dự án đã thiết lập trong 4 lĩnh vực khác nhau (không gian công cộng bền vững, giao thông bền vững, cuộc sống bền vững và làm việc bền vững).



*Hình 1.6 . TP Amsterdam, Hà Lan là TP có tỷ lệ đi xe đạp cao [79]*



*Hình 1.7 . Với các dự án tập trung vào di động, làm việc, nhà ở và không gian công cộng, Amsterdam sẽ giảm phát thải CO<sub>2</sub> xuống 30% vào năm 2025 [79]*

*f) Australia:*

Thành phố Melbourne của Australia được vinh danh là thành phố đáng sống nhất thế giới. Melbourne có không khí trong lành, nhiều công viên cây xanh tại các khu đô thị, đường phố và tại các công trình.

Thành phố Melbourne làm tốt công tác quản lý QH kiến trúc; ban hành nhiều chính sách, kế hoạch để phát triển ĐTX, kiến trúc xanh, đồng thời có kế hoạch bảo vệ gìn giữ thiên nhiên và bảo tồn các công trình kiến trúc cổ.



*Hình 1.8. Hình ảnh đô thị xanh ở TP Melbourne. [78]*

TP có chính sách giảm thiểu khí thải CO<sub>2</sub> ra môi trường bằng việc phát triển giao thông công cộng (đi tàu điện miễn phí), khuyến khích người dân đi bộ và xe đạp. Ngoài ra còn ban hành các chính sách để khuyến khích sử dụng lại và tái chế rác thải từ các tòa nhà và rác thải khi xây dựng, rác thải xanh từ đồ ăn thừa và các vật chất thực vật được dùng tái chế để làm phân bón.

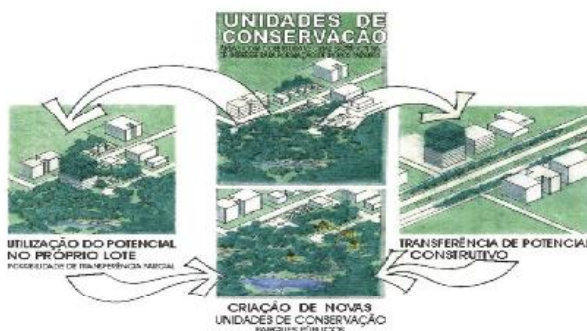
*g) Pháp:*

Ở Pháp, mô hình cộng đồng đô thị được hình thành từ những năm 1960. Về KGX, cộng đồng đô thị Lyon có 2 nhiệm vụ chính: (1) Gìn giữ và phát huy giá trị của các KG tự nhiên và KG nông nghiệp ở vùng ven của cộng đồng; (2) Quản lý cây xanh đường phố và một số công viên lớn. Thành phố Lyon là hạt nhân của cộng đồng đô thị Lyon, quản lý diện tích 400 ha KGX/70 km<sup>2</sup> đất toàn TP (gồm các công viên, điểm trang trí hoa, vườn thực vật, vườn thú). Chính sách của TP là tạo điều kiện để người dân đều được tiếp cận với các KGX, đảm bảo tính công bằng xã hội; các công viên được phân bố rải đều khắp địa bàn (mỗi công viên khoảng vài ngàn m<sup>2</sup>). Để quản lý, xây dựng và phát triển ĐT, chính quyền ĐT đã ban hành các chính sách để phát triển KGX; Cam kết sinh thái đô thị; Bảo vệ và phát triển di sản xanh của

cộng đồng đô thị; hỗ trợ nền nông nghiệp ở ĐT. Xác định mô hình đô thị phát triển theo hướng đa trung tâm, đa chức năng, lớp đệm chuyển tiếp từ ĐT này sang khu đô thị khác là vùng KGX tự nhiên.

#### *h) Brazil:*

Thành phố Curitiba của Brazil là một ví dụ cho thấy chi phí không phải là rào cản trong việc QH, phát triển và quản lý ĐT vừa mang tính sinh thái vừa đảm bảo mục tiêu phát triển. Curitiba đã PT được môi trường ĐT bền vững thông qua phương pháp QH tích hợp. Diện tích mảng xanh được gia tăng, phần lớn là những công viên được tạo ra để tăng cường khả năng chống ngập lụt, nhờ vào quy định khuyến khích chuyển nhượng quyền TP để bảo tồn KGX và các di sản văn hóa.



*Hình 1.9. Quy trình chuyển đổi quyền phát triển nhằm mục đích bảo vệ môi trường của Curitiba, Brazil [79]*

#### *k) Mỹ:*

Hệ thống đánh giá “*Sự phát triển khu xây dựng*” của Hội đồng công trình xanh Mỹ (LEED for Neighborhood Development) (LEED - ND), nhằm thiết lập một tiêu chuẩn chỉ đạo quốc gia để đánh giá thực tiễn PT khu phố xanh thân thiện với môi trường. “LEED-ND nhấn mạnh vào các yếu tố lựa chọn địa điểm, thiết kế và xây dựng các tòa nhà và cơ sở hạ tầng thành một khu phố, nhằm tạo ra CQ khu vực PT thông minh, khỏe mạnh và xanh”.

Hệ thống LEED - ND tập trung đánh giá vào ba nội dung chính là: (1) Vị trí và liên kết thông minh; (2) Mô hình và thiết kế xây dựng; (3) Cơ sở hạ

Với tinh thần sáng tạo, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Curitiba đã giải quyết thành công ngập lụt, rác thải, nhà ở xã hội tới bảo tồn di sản. Đây cũng là TP duy nhất của Nam Mỹ đạt mức trên trung bình về chỉ tiêu sinh thái trong bảng xếp hạng.

tầng và công trình xanh. LEED - ND là một hệ thống đánh giá chung cho một khu xây dựng, nhằm tạo ra khu vực phát triển thông minh, có cảnh quan thân thiện với môi trường, hệ sinh thái, tạo được tiện ích cuộc sống, khỏe mạnh cho người dân theo nghĩa “xanh” của phong trào công trình xanh đang thực hành trên thế giới. Vì vậy, cũng có thể gọi LEED - ND là Hệ thống tiêu chí đánh giá “Khu xây dựng xanh”

### ***1.1.3. Tình hình phát triển các đô thị theo hướng đô thị xanh ở Việt Nam***

Những năm gần đây, ở Việt Nam đã quan tâm, chú trọng đến việc phát triển các đô thị theo hướng ĐTX, ĐTST; hướng đến bảo tồn và phát huy các giá trị sinh thái, tự nhiên, danh lam thắng cảnh, bản sắc địa phương. Tuy nhiên, xây dựng ĐTX ở Việt Nam chưa được nghiên cứu một cách tổng thể và đầy đủ, mới chỉ đề cập đến lĩnh vực “xanh, sạch, đẹp”, chỉ quan tâm đến mật độ cây xanh, tăng tỷ lệ che phủ xanh, xanh hóa cảnh quan, còn nhiều vấn đề khác như tiết kiệm năng lượng, cân bằng sinh thái, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, bảo vệ môi trường bền vững, giảm thiểu khí phát thải nhà kính, ứng phó với BĐKH... chưa được giải quyết một cách đồng bộ. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu, các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, chưa có quy định rõ ràng về ĐTX, vì vậy việc quản lý và phát triển ĐTX ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn.

Xuất phát từ việc đô thị tăng nhanh, môi trường bị ô nhiễm, ứng phó với BĐKH. Năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ - TTg ngày 23/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về TTX cho thời kỳ 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2050. Chiến lược này gồm ba phần: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng sạch; xanh hoá sản xuất và xanh hoá lối sống, trong đó đã chỉ rõ “Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội... phải do con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất

và tinh thần của người dân”. Tuy nhiên, đến nay một số tỉnh mới bắt đầu ban hành các kế hoạch để đầu tư xây dựng phát triển đô thị TTX, còn vấn đề phát triển ĐTX vẫn còn hạn chế và mờ nhạt.

Hiện nay các đô thị của Việt Nam chưa có ĐT nào đạt đầy đủ các tiêu chí của ĐTX, mới đạt được một khía cạnh như: tăng tỷ lệ cây xanh ở các khu đô thị (Khu đô thị Ecopark, TP Đà Lạt); bảo tồn tôn tạo các công trình di tích, kiến trúc có giá trị (TP Huế, Hội An); phát triển giao thông xanh (khu phố đi bộ ở Hội An; TP Đà Nẵng; TP Huế); nhiều đô thị vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải, khí thải của các nhà máy sản xuất và khí thải CO<sub>2</sub> của các phương tiện giao thông như (Hà Nội, TP HCM; Formosa Hà Tĩnh...); tình trạng ngập úng do triều cường ở các tỉnh phía Nam thường xuyên xảy ra (TPHCM, Đồng Nai...); tình trạng rác thải ở các đô thị ngày một gia tăng, trong khi đó chưa có giải pháp tốt để thu gom và xử lý triệt để như (Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Thái Nguyên...).

Một số cơ quan, tổ chức quốc tế về các mô hình tổng thể ĐT với các tên gọi khác nhau như: ĐTX, ĐTST (Eco City), Đô thị kinh tế - sinh thái (E2 city), Đô thị kinh tế - môi trường và công bằng (E2 and Equity City), Đô thị thông minh (Smart City, Ubiquitous City)... Do đó, việc triển khai áp dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam cũng như điều kiện đặc thù của mỗi ĐT cần có những lộ trình, kế hoạch cụ thể. Gần đây, một số khu đô thị được định hướng phát triển theo hướng ĐTX:

- *Khu đô thị Ecopark*: Ecopark là khu đô thị có quy mô lớn với diện tích khoảng 499 ha, diện tích dành cho cây xanh, mặt nước khoảng 110 ha, chiếm khoảng 22%. QH không gian mở được thiết kế nhằm nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người và yếu tố thiên nhiên. Sự đa dạng về cây xanh đã tạo cảnh quan đẹp, phong phú, kết nối hài hòa giữa mặt nước, cây xanh và công trình xanh. KGX đã đóng vai trò nâng cao chất lượng cuộc sống trong khu đô

thị, không chỉ có những tác dụng thiết thực, trực tiếp phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân mà còn nâng cao chất lượng CQ của KG ngoài ra góp phần cải thiện, bảo tồn thiên nhiên và môi trường đô thị.



*Hình 1.10. Không gian xanh trong khu đô thị Ecopark.[85]*



*Hình 1.11. Không gian xanh trong khu đô thị Phú Mỹ Hưng.[84]*

**- Khu đô thị Phú Mỹ Hưng:**

Tổng diện tích khu A khoảng 433 ha, diện tích phủ xanh khoảng 124ha, chiếm 29%, diện tích mặt nước chiếm 50ha, bình quân 8,9 m<sup>2</sup> cây xanh/người. Phát triển cơ cấu bảo vệ môi trường là ưu điểm nổi bật của khu đô thị Phú Mỹ Hưng. Dựa trên thế mạnh đặc trưng của vùng sông nước phương Nam, có dòng sông cảnh quan bao quanh, đón các hướng gió, nắng... ngay từ đầu QH tổng thể Phú Mỹ Hưng đã nhấn mạnh khai thác tối đa thế mạnh thiên nhiên trên cơ sở tôn tạo và phát huy lợi thế địa hình sẵn có tạo một đô thị hiện đại chan hòa với thiên nhiên.

Tóm lại, mô hình phát triển của ĐT cần phải xem xét mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường xung quanh vì sự phát triển đô thị theo hướng ĐTX, ĐTST thân thiện với môi trường được xem là nhu cầu tất yếu nhằm phát triển ĐTBV trong tương lai của hệ thống đô thị Việt Nam.

#### ***1.1.4. Tình hình quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại Việt Nam***

Công tác quản lý KG KT CQ các đô thị của Việt Nam hiện nay quản lý cơ bản tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của nhà nước; các đô thị đều có quy hoạch chung xây dựng được duyệt, quy hoạch chi tiết đang dần được triển khai, làm cơ sở cho việc thu hút đầu tư, lập dự án đầu tư, cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Việc quản lý KG KT CQ bước đầu được quan tâm, nhiều đô thị đã có quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được duyệt; KG KT CQ được thay đổi, hạ tầng đô thị ngày càng được mở rộng và đồng bộ. Nhà nước đã rất quan tâm đến lĩnh vực này, đã ban hành nhiều các văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan như: Luật Quy hoạch, Luật kiến trúc, Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 38/NĐ-CP về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan... Tuy nhiên công tác quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX tại các ĐT của Việt Nam vẫn còn hạn chế và mờ nhạt. Chưa có khái niệm đầy đủ về ĐTX và phát triển ĐTX do vậy việc quản lý KGKTCQ theo hướng ĐTX cũng rất mờ nhạt chủ yếu là các nội dung quản lý KGKTCQ cơ bản và đều gặp phải những hạn chế nhất định như: Quy hoạch chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng được tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập Quốc tế dẫn đến phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần; một số ĐT chưa có quy chế quản lý QH kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và cấp phép xây dựng.

Công tác quản lý trật tự xây dựng ở các ĐT còn chưa tốt, tình trạng xây dựng không phép, sai phép vẫn còn phổ biến; không gian tự nhiên ngày càng bị xâm hại (bán đảo Sơn Trà TP Đà Nẵng); danh lam thắng cảnh, công trình

di tích lịch sử chưa được quản lý chặt chẽ; nhiều công trình công cộng, khu đô thị mới chưa có biện pháp quản lý để đạt được tiêu chí của công trình xanh, kiến trúc xanh; chưa có giải pháp ứng phó với BĐKH, chống sạt lở. Tình trạng nước thải, rác thải chưa quản lý nghiêm, vẫn còn tình trạng xả nước thải, rác thải xả trái phép ra môi trường (nhà máy nước sạch Sông Đà).

Công tác quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX hiện nay của các cơ quan quản lý nhà nước chủ yếu dựa vào Luật Quy hoạch đô thị 2009, Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của CP về quản lý KG KT CQ đô thị; Quy chuẩn quy hoạch 01:2008 và các văn bản pháp lý khác có liên quan. Tại Điều 6 Quy định đối với KG KT CQ đô thị của Nghị định số 38/2010/NĐ-CP chưa nêu ra cụ thể đối với KG đô thị, KT đô thị và CQ đô thị; chưa có các tiêu chí để phân khu vực, quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX nên khi xây dựng và thực hiện quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc tại các đô thị gặp nhiều khó khăn, điều này cần được nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung trong thời gian tới.

Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn đầy đủ của các Bộ, Ngành về khái niệm, định nghĩa hay tiêu chí của một ĐTX, nên công tác quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu căn cứ vào QHC, QHPK, QHCT và quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; trong khi đó QH chưa tiếp cận được phương pháp mới của thế giới, chưa gắn với các tiêu chí của ĐTX, đặc biệt chưa có giải pháp cụ thể để phát triển ĐT theo hướng ĐTX; chưa có tính đột phá trong đổi mới quy hoạch nên trong quá trình thực hiện còn tồn tại như sau:

- Không gian, kiến trúc, cảnh quan ĐT phát triển còn thiếu trật tự, đa dạng, không thống nhất và chưa có bản sắc riêng tại các ĐT, trật tự kiến trúc của toàn đô thị nói chung và từng đường phố, khu phố nói riêng chưa được thiết lập; việc cải tạo, xây dựng đô thị còn chắp vá không đồng bộ, cơ sở hạ

tầng còn thiếu và xuống cấp, thiên nhiên bị xâm hại, môi trường bị ô nhiễm, nên không có tính thống nhất trong tổng thể kiến trúc.

- Việc bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hoá, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và các công trình kiến trúc có giá trị còn nhiều bất cập, nhiều di sản văn hoá lịch sử và cảnh quan đã bị xuống cấp, thậm chí còn bị vi phạm nghiêm trọng, làm biến dạng hoặc mai một các giá trị văn hoá và lịch sử vốn có của các công trình theo thời gian.

- Quản lý chưa chủ động, chưa kiểm soát được quá trình phát triển ĐT; việc ban hành các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển ĐT còn hạn chế.

- Tình trạng xây dựng sai quy hoạch, không phép, sai phép vẫn còn phổ biến, trong khi đó đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý KG KT CQ tại các ĐT còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn nghiệp vụ. Các thủ tục hành chính trong giao đất, thẩm định dự án, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng còn rườm rà, phức tạp.

Thời gian qua, một số thành phố đã thực hiện tốt công tác quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX của Việt Nam như:

*a) Thành phố Đà Lạt:*

Đà Lạt khởi đầu từ năm 1893 là một TP được khảo sát kỹ lưỡng trong việc lựa chọn vị trí và được thiết kế xây dựng, có thể nói theo hướng một đô thị sinh thái, một ĐTX, dù khái niệm ĐTST chưa hoàn chỉnh và phổ biến như bây giờ. Đà Lạt vì thế qua quá trình phát triển định hình nét riêng đặc sắc bởi sự kết hợp hài hoà giữa công trình với CQ tự nhiên cao nguyên Lang Biang. Đó là cách làm QH của người Pháp mà đỉnh cao là đồ án quy hoạch tổng thể do KTS E. Hebrard thiết kế năm 1923. Mô hình ĐTST kiểu Pháp áp dụng ở Đà Lạt lúc bấy giờ thể hiện những nguyên tắc chính là tôn trọng đặc điểm địa hình và cảnh quan tự nhiên trong thiết kế và xây dựng. Nếu không có những

chủ trương và hướng đi đúng đắn, kịp thời, phù hợp với hoàn cảnh tình hình và năng lực của địa phương thì quá trình xây dựng, quy hoạch phát triển TP sẽ ngày càng khó khăn. Vấn đề quan trọng nhất trong công tác xây dựng phát triển TP Đà Lạt theo hướng PTBV là cần coi trọng công tác bảo tồn, giữ gìn những giá trị văn hóa - lịch sử, QH - KT xây dựng của quá khứ đồng thời với việc phát triển TP phù hợp với những yêu cầu của xã hội hiện tại và tương lai trong một tổng thể hài hòa, khoa học, hợp lý và có bản sắc riêng.

*b) Thành phố Huế:*

Từ năm 1993 cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới là đặc thù cần quan tâm. Cùng với nhu cầu thực tiễn phát triển đô thị, các quy hoạch chung cư, quy hoạch phân khu chi tiết đã từng bước được xây dựng và điều chỉnh, song đến nay trong quá trình tổ chức thực hiện còn những tồn tại cần xem xét mà trước hết là cơ chế, chính sách đặc thù là cơ chế quản lý để có lộ trình thích hợp thể hiện ở quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc.

Trong định hình và quản lý KG KT CQ khu vực ngoại thành: Thừa Thiên Huế với quy mô diện tích tự nhiên 5.062km<sup>2</sup> là thuận lợi về tiềm năng đất đai và cảnh quan với cấu trúc chùm đô thị thì rất cần xác định làm rõ hệ thống điểm dân cư nông nghiệp, xây dựng mô hình nông nghiệp đô thị. Nên hình thành ngay trong giai đoạn đầu mô hình sinh thái du lịch và làng nghề để có sự hài hoà giữa đô thị trung tâm và nông thôn mới là xu thế phát triển đô thị được chấp nhận là hợp lý hiện nay. Do vậy trong quy chế quản lý cần được nghiên cứu để quy định đặc thù với nông thôn (mô hình làng, xã) và khu vực công nghiệp của Thừa Thiên Huế.

Nhận diện quỹ di sản và cảnh quan, đến nay không chỉ trong nước và nước ngoài đều xác nhận di sản Thừa Thiên Huế nói chung và TP. Huế nói riêng là phong phú, đặc sắc với một số di sản được xem là duy nhất của Việt Nam và thế giới. Quỹ di sản này không chỉ thể hiện ở trong kinh thành Huế,

trong kiến trúc cung đình, nhà cửa, dinh thự của tầng lớp trên trong xã hội phong kiến mà còn thể hiện rõ trong cấu trúc các điểm dân cư với hình thức phố thị, làng nghề, nhà vườn đang hiện diện là sự chuyển hoá chọn lọc đang hòa quyện với cảnh quan từ thời phong kiến, Pháp thuộc và cả thời gian gần đây. Bảo tồn gắn với phát huy giá trị là xu thế các đô thị đang hướng tới để xác lập yêu cầu quản lý.

*c) Thành phố Đà Nẵng:*

Trong thời gian qua, Đà Nẵng đã phát triển mạnh và tương đối thành công về đô thị “*xanh, sạch, đẹp*”. Với ý tưởng lấy vịnh Đà Nẵng và sông Hàn làm bộ cục chủ đạo trong tổ chức KG, phát triển ĐT tại Đà Nẵng. UBND TP đã xây dựng QH đi trước một bước làm cơ sở để thu hút đầu tư, phát triển ĐT. Công tác quản lý KG KT CQ của TP được quan tâm, sau khi có quy hoạch chung được duyệt, TP đã triển khai các QHCT, đồng thời các quy hoạch đều được cắm mốc giới ra ngoài thực địa. Năm 2012 TP đã ban hành Quy định quản lý kiến trúc công trình trên địa bàn TP làm cơ sở để quản lý và cấp phép xây dựng. Đà Nẵng phát triển hệ thống cấu trúc xanh trên nền “đặc điểm cấu trúc cảnh quan tự nhiên”, đặc trưng sẵn có của đô thị (biển, sông, núi,...) kết hợp với triết lý QH xanh, kiến trúc xanh (gắn kết với thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường); phát triển hệ thống quảng trường và các KG cộng đồng, mở các tầm nhìn đẹp, thông thoáng, sinh động từ ĐT ra biển và ngược lại. Đảm bảo khả năng tiếp cận cho mọi đối tượng.

*d) Thành phố Hội An:*

Công tác quản lý quy hoạch KG KT CQ, quản lý di tích được đặc biệt chú trọng thông qua việc ban hành và thực hiện các quy chế cụ thể: Đồ án “Quy hoạch đầu tư tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du lịch giai đoạn 2012-2025” đã được Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện. Việc

quản lý kiến trúc xây dựng, cảnh quan khu vực nông thôn ngày càng được chú trọng; nhiều di tích lịch sử - văn hóa ngoài khu phố cổ cổ được tôn tạo, cộng đồng quản lý tốt. Quy mô, cấu trúc không gian và mỹ quan đô thị của Hội An được giữ gìn, tôn tạo và phát triển, góp phần đắc lực vào việc phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, 5 tiểu vùng kinh tế - xã hội gồm (khu vực đô thị trung tâm, khu vực đô thị cận trung tâm, khu vực đô thị bờ biển - ven sông, khu vực làng quê và khu vực Cù Lao Chàm) được xác định và định hướng đầu tư đã có những bước chuyển tích cực. Tuy nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội TP chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Một số công trình trọng điểm, mang tính chiến lược chưa được thực hiện; cơ sở hạ tầng một số khu vực thiếu đồng bộ, chậm được hoàn thiện; kết cấu hạ tầng ĐT có mặt còn bất cập; QHC xây dựng ĐT Hội An đến năm 2030 chậm được phê duyệt để làm cơ sở thực hiện; Quy chế quản lý QH, kiến trúc xây dựng của TP nảy sinh một số bất cập nhưng chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời, thêm vào đó, nhiều dự án chậm triển khai, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người dân và quá trình PT kinh tế xã hội.

Thành phố đã tập trung đầu tư nâng cấp các bãi biển, bờ biển phục vụ du lịch; tranh thủ các nguồn lực, giải quyết căn bản hạ tầng kỹ thuật thiết yếu nhằm phát triển tuyến du lịch Cù Lao Chàm đảm bảo chất lượng, đặc biệt là điện, nước sạch Cù Lao Chàm, cảng du lịch Cửa Đại; hoàn thiện các khu dân cư, chỉnh trang đô thị ven biển, xây dựng khu dân cư sinh thái hải đảo Cù Lao Chàm và khai thác hợp lý tài nguyên biển, đảo để phát triển. Khu vực các xã Cẩm Thanh, Cẩm Hà, Cẩm Kim định hướng xây dựng các làng quê sông nước gắn với các ngành nghề truyền thống như sản xuất nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, làng nghề,... trở thành sản phẩm du lịch độc đáo. Đặc biệt, trong xu hướng hiện nay, Hội An quan tâm về QH, KG phát triển, kiến trúc xây dựng đảm bảo phù hợp không bị phá vỡ bởi tác động đô thị hóa; phát huy

môi trường sinh thái để xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế xã hội bền vững, nâng cao đời sống của nhân dân.[78]

## **1.2. Thực trạng công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang**

### **1.2.1. Khái quát về thành phố Bắc Giang**

Thành phố Bắc Giang là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh Bắc Giang. TP Bắc Giang có bề dày lịch sử, được ra đời dưới thời pháp thuộc, có tên gọi là Phủ Lạng Thương, được nâng cấp từ thị xã lên TP vào năm 2005. TP Bắc Giang có tốc độ tăng trưởng cao, tốc độ đô thị hóa ngày một tăng lên, không gian đô thị được mở rộng từ 32,21km<sup>2</sup> lên 66,77km<sup>2</sup>, theo QHC được điều chỉnh năm 2017 mở rộng TP lên 144,17km<sup>2</sup>. TP Bắc Giang hiện nay có 16 đơn vị hành chính bao gồm 10 phường và 6 xã.

Với vị trí thuận lợi về giao thông, cách thủ đô Hà Nội 50 km về phía Bắc; có tuyến giao thông huyết mạch (đường bộ, đường sắt liên vận quốc tế) nối Thủ đô Hà Nội với TP Lạng Sơn và cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng; vị trí đầu mối giao thông quan trọng, nằm cận kề vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng CP về việc phê duyệt Điều chỉnh QH xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Bắc Giang được xác định là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), phát triển du lịch (Tây Yên Tử, Hồ Khuôn Thần, Hồ Cẩm Sơn...); là đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng. Những đặc điểm về vị trí địa lý của TP Bắc Giang nêu trên là điều kiện thuận lợi để TP có thể thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển.

Từ khi thành lập TP đến nay, hạ tầng kinh tế - xã hội của TP ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng, đã đáp ứng được nhu cầu phát triển của đô thị và đời sống của nhân dân.

*Hình 1.12. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ trong vùng thủ đô Hà Nội.[53]*

Với sự PT nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, không gian ĐT được mở rộng, tốc độ đô thị hóa nhanh, kết cấu hạ tầng đồng bộ, năm 2014 TP Bắc Giang được công nhận là đô thị loại II.

*Hình 1.13. Vị trí thành phố Bắc Giang trong tỉnh Bắc Giang.[53]*

a) Hiện trạng sử dụng đất:

*Bảng 1.1. Tổng hợp hiện trạng dân số và diện tích TP Bắc Giang.[53]*

|                            | Tên đơn vị hành chính             | Diện tích<br>(ha) | Dân số<br>(người) | Mật độ<br>(ng/km <sup>2</sup> ) |
|----------------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------------|
| <b>Thành phố Bắc Giang</b> |                                   | <b>6.677</b>      | <b>154.604</b>    | <b>2315,5</b>                   |
| <b>I</b>                   | <b>Khu vực nội thành hiện tại</b> | <b>2.210</b>      | <b>96.968</b>     | <b>4387,7</b>                   |
| 1                          | Phường Hoàng Văn Thụ              | 152               | 11.075            | 7286,2                          |
| 2                          | Phường Lê Lợi                     | 91                | 10.937            | 12018,7                         |
| 3                          | Phường Mỹ Độ                      | 163               | 5.367             | 3292,6                          |
| 4                          | Phường Ngô Quyền                  | 81                | 8.089             | 9986,4                          |

|           |                                   |              |               |               |
|-----------|-----------------------------------|--------------|---------------|---------------|
| 5         | Phường Trần Nguyên Hãn            | 87           | 13.856        | 15926,4       |
| 6         | Phường Trần Phú                   | 100          | 9.289         | 9289,0        |
| 7         | Phường Thọ Xương                  | 426          | 13.957        | 3276,3        |
| 8         | Phường Đinh Kế                    | 467          | 11.387        | 2438,3        |
| 9         | Phường Đa Mai                     | 361          | 6.590         | 1825,5        |
| 10        | Phường Xương Giang                | 282          | 6.421         | 2277,0        |
| <b>II</b> | <b>Khu vực ngoại thị hiện tại</b> | <b>4.467</b> | <b>57.636</b> | <b>1290,3</b> |
| 11        | Xã Song Mai                       | 999          | 9.689         | 969,9         |
| 12        | Xã Đình Trì                       | 631          | 10.935        | 1733,0        |
| 13        | Xã Đông Sơn                       | 851          | 9.035         | 1061,7        |
| 14        | Xã Song Khê                       | 449          | 7.034         | 1566,6        |
| 15        | Xã Tân Mỹ                         | 743          | 11.068        | 1489,6        |
| 16        | Xã Tân Tiến                       | 794          | 9.875         | 1243,7        |

*b) Hiện trạng về kinh tế:*

Cơ cấu kinh tế liên tục tăng. Tốc độ tăng trưởng (GTSX năm 2018) ước đạt 17,5%, trong đó: Thương mại - Dịch vụ đạt 18,4%, Công nghiệp, TTCN - XD đạt 17,5%, Nông nghiệp - Thủy sản đạt 3,3%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng Thương mại - Dịch vụ chiếm 46,6%, Công nghiệp - Xây dựng chiếm 50,4%, Nông nghiệp - Thủy sản chiếm 3%. [53].

*c) Hiện trạng dân số, lao động:*

Dân số toàn TP năm 2018 là 158.813 người, trong đó có 101.523 người là dân số thành thị chiếm khoảng 64% dân số toàn TP. Dân số trong độ tuổi lao động là 135.357 người chiếm 58,7% dân số toàn TP; lao động toàn đô thị đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân là 95.500 người; Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là 86,96% (theo niên giám thống kê năm 2018 của tỉnh Bắc Giang).

*d) Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:*

- Về đường bộ: Trên địa bàn TP Bắc Giang có 3 tuyến QL đi qua (QL1 và QL17 và QL 31; đường tỉnh 295B, 293, 299. Diện tích đất đường giao thông phường nội thị đạt khoảng 14,9%, các xã 7,2%.

- Về đường sắt: Có tuyến đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn đi qua.

- Về đường thủy: Có Sông Thương chảy qua với chiều dài khoảng 10km, có chiều sâu luồng cảng từ 1m-2m, chiều rộng luồng từ 20-30m.

- Bến xe, bãi đỗ xe: Có 1 bến xe Bắc Giang: Loại 3 với diện tích rất nhỏ 6.200 m<sup>2</sup>, nằm giữa đô thị nên khó khăn trong công tác vận tải, hành khách đi các vùng trong tỉnh và liên tỉnh. Bãi đỗ xe, trên địa bàn TP hiện tại có 08 bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích khoảng 3,22ha, mới đáp ứng được khoảng 14 % nhu cầu sử dụng hiện tại còn thiếu khoảng 21 ha bãi đỗ xe khu vực nội thị.

- Giao thông công cộng đã thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia; phương thức vận tải ngày một phong phú và đa dạng, chất lượng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân TP. Tuy nhiên chất lượng phục vụ còn chưa tốt, chưa đa dạng các tuyến trong và ngoài tỉnh, dẫn đến người dân sử dụng phương tiện cá nhân (ô tô, xe máy) còn nhiều.

- Thoát nước thải, vệ sinh môi trường: TP hiện có hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải với công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày/đêm. Tuy nhiên, trạm xử lý nhỏ, không đủ công suất để xử lý, nên nhiều khu vực của TP nước thải chưa được xử lý triệt để.

*e) Hiện trạng hạ tầng xã hội:*

- *Nhà ở:* có 03 khu chung cư cũ được xây dựng từ trước những năm 1980; 05 khu chung cư mới xây từ 5 đến 18 tầng tại khu dân cư số 1 và khu Đồng cửa; Nhà ở riêng lẻ khu vực nội thành có diện tích sàn nhà ở bình quân 15m<sup>2</sup> sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố khu vực nội thành chiếm 85%. TP Bắc Giang đã hình thành 06 khu đô thị mới ( khu đô thị mới KOSY; khu ĐT mới Bách Việt Lake Garden; khu ĐT Đồng Cửa 2; khu đô thị mới Mỹ Độ; khu dân cư số 4 dọc ĐT 295B; khu số 1, số 2, số 3 khu đô thị mới phía Nam TP).

- *Cơ sở y tế:* 01 Bệnh viện đa khoa tỉnh có diện tích 2,5ha với 550 giường bệnh, là bệnh viện đa khoa hạng II. Ngoài ra, TP còn có 01 bệnh viện

đa khoa thành phố, 4 bệnh viện chuyên khoa, các bệnh viện điều dưỡng, y học dân tộc, các trung tâm y tế, trạm y tế chuyên ngành.

- *Cơ sở giáo dục, đào tạo*: Có 08 trường cao đẳng, trung học dạy nghề, chưa có trường đại học. Hệ thống giáo dục phổ thông có 8 trường THPT, 16 trường trung học cơ sở, 16 trường tiểu học, và 20 trường mầm non; 89,4% các phòng học được xây dựng kiên cố.

- *Trung tâm văn hóa*: Các công trình văn hoá cơ bản đầy đủ, chủ yếu tập trung tại khu trung tâm TP trên đường Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ bao gồm: Bảo Tàng, nhà văn hoá thiếu nhi, rạp chiếu phim, thư viện Tỉnh, trung tâm văn hoá thông tin, triển lãm... chưa có nhà hát TP.

- *Trung tâm thể dục thể thao*: TP có 01 Sân vận động cấp tỉnh, 03 nhà thi đấu, 04 bể bơi.

- *Trung tâm TM - DV, chợ, siêu thị*: Hiện tại có khoảng 2634 cơ sở gồm: 02 trung tâm thương mại, 01 siêu thị xây dựng mới. Có 78 cơ sở lưu trú du lịch với tổng số 982 phòng. Ngoài ra còn có 11 chợ khu vực, khu phố buôn bán, tập trung.

- *Không gian công cộng*: TP có khu khuôn viên quảng trường 3-2, quy mô khoảng 14,5 ha; Công viên Hoàng Hoa Thám 39 ha; Công viên Ngô Gia Tự 0,4 ha; tỷ lệ đất cây xanh toàn đô thị đạt 14,94 m<sup>2</sup>/người. Tuy nhiên, không gian công cộng đang bị lấn chiếm, tình trạng lấn chiếm vỉa hè, quảng trường vẫn còn phổ biến.[53]

### ***1.2.2. Thực trạng không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang***

#### ***a) Về quy hoạch và phát triển không gian đô thị:***

Trong những năm qua, công tác QH và phát triển KG đô thị của TP Bắc Giang được quan tâm; đặc biệt sau khi mở rộng địa giới hành chính, TP đã hoàn thành điều chỉnh QHC thành phố đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời triển khai lập QHPK, QHCT, đảm bảo kết nối đồng bộ hạ

tầng đô thị gắn với phát triển kinh tế - xã hội, qua đó tỷ lệ phủ kín QHPK và QHCT cũng ngày một nâng lên (QHPK đạt 24,5% và QHCT đạt 30%). Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những bất cập, hạn chế sau:

- Nhiều khu vực trong TP còn thiếu QHPK, QHCT như: Khu số 5, 6, 7, 8... Tỷ lệ phủ kín QHCT còn thấp; đặc biệt là khu dân cư hiện hữu chưa được chú trọng lập QHCT, thiết kế đô thị để chỉnh trang, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý kiến trúc và cấp phép xây dựng; chưa phát huy, quản lý tốt theo quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch được duyệt.

- Công tác quản lý QH còn chưa tốt, dẫn đến thường xuyên phải điều chỉnh QH; quy hoạch xây dựng còn mâu thuẫn với QH sử dụng đất, công tác cắm mốc giới QH ra ngoài thực địa còn ít, hầu hết là chưa có. Kiến trúc, CQ còn hạn chế, chưa tạo được nhiều điểm nhấn cho đô thị, KT, CQ nhiều tuyến phố chưa hài hòa, chưa đồng nhất; tình trạng cấp phép xây dựng nhà tạm trên các tuyến phố chính vẫn còn nhiều, dẫn đến KG KT CQ của TP còn hạn chế.

*b) Về kiến trúc:*

- Công trình dịch vụ đô thị: TP đã triển khai đầu tư xây dựng nhiều dự án trọng điểm được hoàn thành, tạo điểm nhấn về KG KT CQ đô thị, bộ mặt của ĐT ngày một khang trang. Tuy nhiên, KG KT CQ còn hạn chế, chưa tạo được nhiều điểm nhấn cho đô thị, nhiều tuyến phố chưa hài hòa, chưa đồng nhất; tình trạng cấp phép xây dựng nhà tạm (rửa xe, quán ăn, cơ khí...) trên các tuyến phố chính vẫn còn nhiều (nhà cao, nhà thấp, nhà tạm, màu sắc kiến trúc chưa phù hợp) chưa tạo được bộ mặt đẹp cho đô thị.

- *Công trình nhà ở:*

- + *Khu dân cư trung tâm:* là khu vực có mật độ cao, tập trung nhiều cơ quan hành chính, trung tâm thương mại, trung tâm văn hóa của TP và tỉnh. Các khu phố cũ mang nét đặc trưng của phố thương mại truyền thống với các hoạt động buôn bán sầm uất. Cấu trúc nhà ở dạng nhà ở lô phố cao 2-3 tầng,

có cửa hàng buôn bán nhỏ, diện tích khoảng 80-120m<sup>2</sup>/hộ. Đặc biệt là không gian vỉa hè không được quản lý tốt nên nhiều khu vực đã bị lấn chiếm, chất lượng KG đô thị nhiều nơi còn thấp. Nhìn chung, không gian khu dân cư trung tâm đóng vai trò là trung tâm TP hiện hữu, phản ánh được sức sống, sự phát triển của TP song diện mạo KT khu vực trung tâm chưa tạo nên sắc thái đặc trưng riêng, chưa có những KG dành cho các hoạt động cộng đồng rõ nét và chưa đủ mạnh để tạo dựng nên hình ảnh ấn tượng và sự hấp dẫn cho TP.

+ *Khu vực dân cư mới*: Tại khu vực phía Đông TP, đây là khu dân cư mới nằm xen với các làng xóm cũ, được hình thành từ năm 2002 đến nay. Khu dân cư mới được tổ chức chủ yếu theo hình thức phân lô nền, mật độ cao, tạo nên các tuyến phố thương mại mới với kiến trúc hiện đại, cao 3-5 tầng song KG, KT chưa tạo được nét đặc trưng, thiếu nhịp điệu và tính đồng nhất trên mặt đứng các tuyến phố. Sự phát triển đơn lẻ của từng công trình (nhà ở và công cộng) cùng sự thiếu vắng các công trình giáo dục, các công trình dịch vụ đô thị thiết yếu, các khoảng xanh phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của người dân đã làm KG đô thị trở nên lạc hậu, đơn điệu ngay khi vừa hình thành.

+ *Khu làng xóm*: Các khu vực làng xóm ngoại thị của TP đang có xu hướng đô thị hóa nhanh, đặc biệt dọc các trục đường ĐT 398, QL31, ĐT 295B. Cấu trúc và cảnh quan làng xóm đang mất dần đi những nét đẹp truyền thống. Sự phát triển của nhà ở lô phố và xây dựng thiếu kiểm soát tại các khu dân cư nông thôn đã đem đến những hình ảnh lộn xộn ở khu vực xung quanh TP.

- *Công trình di tích lịch sử, công trình di tích, tôn giáo*: TP Bắc Giang không có nhiều các công trình di tích tôn giáo nổi trội để thu hút tham quan, du lịch, một số công trình đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh, quốc gia như: di tích thành Xương Giang, chùa Nghè Cỗ, chùa Vẽ, nhà thờ thành phố ... đều chưa được đầu tư tôn tạo thích đáng để đem lại sự hấp dẫn về du lịch. Hiện tại, hầu hết các di tích đều đang bị các chức năng đô thị khác tranh chấp về không gian, làm cho hình ảnh di tích gần như bị biến mất trong tổng thể toàn đô thị.



Hình 1.14. Khu trung tâm hành chính. [53]



Hình 1.15. Hiện trạng khu phố thương mại, TP Bắc Giang [53]



Hình 1.16. Khu vực hồ Làng Thương, một điểm nhấn cảnh quan TP. [53]



Hình 1.17. Khu dân cư mới. [53]

c) Về cảnh quan:

- *Quảng trường*: TP có quảng trường mừng 3/2 nằm ở trung tâm TP rộng 14,5 ha, được bố trí các công trình Trung tâm hội nghị tỉnh, khách sạn và khu

vực thăm cỏ, sân chơi. Quảng trường là nơi diễn ra các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và là khu vực vui chơi giải trí của nhân dân TP.

- *Công viên, cây xanh, mặt nước*: Hiện nay, TP Bắc Giang có 24 công viên, khuôn viên lớn nhỏ với 6,4 nghìn cây bóng mát nằm xen kẽ trong các khu dân cư đều trong lộ trình phủ kín cây xanh, trồng cỏ tạo không khí thoáng mát. Tổng diện tích công viên cây xanh TP khoảng 342 ha. Điển hình là Công Viên Hoàng Hoa Thám rộng khoảng 39ha, có 62.000m<sup>2</sup> cây xanh, hoa, thảm cỏ tự nhiên. TP đã có những tuyến đường trồng cây xanh và hoa như đường Hùng Vương, Trần Nguyên Hãn, Ngô Gia Tự. Một số tuyến phố trồng cây xanh theo chuyên đề như: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Thanh niên, Quách Nhân có rừng dã hương. Các khu công viên vui chơi giải trí, học tập, nghỉ dưỡng, công viên nông nghiệp khai thác các vùng trũng tại ngòi Đa Mai, các trục cảnh quan, thương mại nhà hàng và tuyến du lịch kết nối phía Bắc và phía Nam sông Thương.

+ Vùng không gian xanh hai bên sông Thương kết hợp với các không gian xanh phục vụ khu ở và các không gian dịch vụ thương mại khai thác theo mùa đoạn qua khu trung tâm, tạo nên nét đặc trưng cho trung tâm TP.

+ Đồi Quảng Phúc, núi Nghĩa Trung, núi Nham Biền là những khu vực có cảnh quan đẹp, có tiềm năng mang lại những không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hấp dẫn cho TP.

- Về tổng thể, TP có phân vùng cảnh quan khá rõ ràng với từng khu vực (đô thị cũ, đô thị mới, di tích lịch sử...). Có cảnh quan đẹp và nhiều tiềm năng khai thác du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí (mặt nước, cây xanh, đồi núi, sinh thái nông nghiệp...). Tuy nhiên, cảnh quan, công viên, cây xanh, mặt nước chưa được quan tâm nhiều, chưa tạo được bản sắc riêng cho đô thị.



*Hình 1.18. Cảnh quan sông Thương. [53]*

*Hình 1.19. Hiện trạng các vùng cảnh quan thành phố Bắc Giang. [53]*

### ***1.2.3. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang***

Theo Chương trình phát triển ĐT tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017. Trong đó xác định TP Bắc Giang phải nâng cao chất lượng đời sống của người dân; bảo vệ và cải thiện môi trường; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng hoàn thiện công viên, cây xanh công cộng để tạo môi trường cảnh quan đẹp theo “***hướng đô thị xanh***” cho thành phố. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về KG KT CQ trên địa bàn TP vẫn còn tồn tại nội dung sau:

#### ***a) Công tác quản lý quy hoạch và phát triển không gian đô thị:***

- Nhiều khu vực trong TP còn thiếu QHPK, mới có 3/9 khu vực có quy hoạch phân khu (đạt tỷ lệ 24,5%); Tỷ lệ phủ kín QH chi tiết còn rất thấp, mới đạt khoảng 32%, nhiều khu vực trong TP chưa có QHCT như (khu đô thị Phía Tây, Tây Nam, phía Đông và Đông Bắc TP). Đặc biệt là khu dân cư hiện hữu chưa được chú trọng lập QHCT, chưa có thiết kế đô thị để chỉnh trang như (khu vực phường Ngô Quyền, Trần Phú, Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn...) dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý KG KT CQ và cấp phép xây dựng.

- Công tác quản lý thực hiện QH còn chưa tốt, một số khu vực xây dựng còn chưa đúng QH dẫn đến thường xuyên phải điều chỉnh cục bộ QH; QH xây dựng còn mâu thuẫn với QH sử dụng đất; công tác cắm mốc giới QH ra ngoài thực địa còn ít (một số tuyến đường chính theo QHC được cắm mốc giới còn lại các QHPK, QHCT hầu hết không có mốc giới). Kiến trúc, CQ còn hạn chế, chưa tạo được nhiều điểm nhấn cho ĐT, nhiều tuyến phố chưa hài hòa, chưa đồng nhất, chưa tạo được bộ mặt đẹp cho đô thị; tình trạng cấp phép xây dựng nhà tạm (rửa xe, quán ăn, cơ khí, nhà cao, nhà thấp...) trên các tuyến phố chính như ( đường Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Lê Lợi...) vẫn còn nhiều, chưa tạo được bộ mặt đẹp cho đô thị.

*b) Công tác quản lý Kiến trúc:*

- Công tác quản lý KT còn chưa tốt, vẫn còn tình trạng xây dựng sai phép, nhiều nhà tạm trên các trục phố chính vẫn còn phổ biến; việc xây dựng ban công lô gia tạo thành buồng kín còn phát sinh trong thời gian gần đây tại các trục đường Xương Giang, Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Thị Minh Khai...; việc xây dựng lấn chiếm phần đất dành cho hệ thống thoát nước phía sau nhà diễn ra ở hầu hết các khu dân cư mới.



*Hình 1.20. Hình ảnh kiến trúc cảnh quan các tuyến phố chính.*



*Hình 1.21. Tình trạng lấn chiếm vỉa hè các tuyến đường trong thành phố.*

- Công tác quản lý lòng đường vỉa hè còn nhiều hạn chế, xử lý chưa nghiêm, tình trạng đào bới thi công các tuyến công, hào, cáp chưa được quản lý một cách chặt chẽ, không xin phép cơ quan có thẩm quyền trước khi thi công; tình trạng đỗ xe, lấn chiếm bán hàng nước, hàng ăn, quần áo... trên hè đường ngày một phổ biến (đường Lê Lợi, đường Xương Giang, Hoàng Văn Thụ...). Vỉa hè của một số tuyến đường mới làm đã có dấu hiệu xuống cấp, xin màu, sụp lún, lồi lõm. Việc lấn chiếm lòng đường vỉa hè vẫn diễn ra thường xuyên, tình trạng xả rác, nước đọng lại ngay trên vỉa hè gây mất mỹ quan cho đô thị, ảnh hưởng đến trật tự và văn minh đô thị.

*c) Công tác quản lý cảnh quan đô thị:*

- Công tác quản lý công viên, cây xanh, mặt nước: chưa được quan tâm nhiều, vẫn còn tình trạng vứt rác và bèo tằm xuống hồ, một số hộ dân còn tận dụng quỹ đất trống, đường dạo ven hồ để phơi bánh đa, mỳ ( Hồ Dĩnh Kế, thuộc khu dân cư số 2...) làm ảnh hưởng đến mỹ quan của đô thị, gây ô nhiễm môi trường nước, đồng thời làm lắng đọng lòng hồ, giảm khả năng điều hòa của hồ nước. Cây xanh chưa được chú trọng, việc trồng cây, chặt cây còn mang tính tự phát, chưa chú trọng đến việc trồng, phân loại các cây xanh, nhiều tuyến phố trồng cây còn đơn điệu như: Đường Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, quảng trường 3/2 (một loạt cây Dạ Hương).

- Công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng kỹ thuật chưa được quan tâm theo hướng ĐTX, mới chỉ nghiên cứu, xây dựng đảm bảo các công trình thiết yếu, nên công trình hạ tầng kỹ thuật còn thấp, tình trạng ngập úng cục tại TP Bắc Giang vẫn còn phổ biến, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, do rác thải, nước thải, khí thải chưa được xử lý triệt để, đặc biệt là rác thải, nghĩa trang. Thông tin liên lạc chưa khoa học, chưa đảm bảo mỹ quan, chưa tổ chức đi ngầm hóa mà chủ yếu mắc vào các cột đèn chiếu sáng, hệ thống dây thông tin chằng chịt vào cột điện đã làm ảnh hưởng mỹ quan của ĐT.

+ Về cấp, thoát nước mưa, nước thải: Lưu lượng nước sạch cấp cho đô thị và các xã của TP còn hạn chế; nhiều xã trong TP chưa có nước sạch như

(Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Khê, Dĩnh Trì). Hệ thống tiêu thoát nước mưa vẫn còn chưa tốt, ít hồ điều hòa, chưa được đầu tư đồng bộ giữa đường ống thoát nước, hồ điều hòa và trạm bơm; công suất trạm bơm nhỏ, lạc hậu, dẫn đến tình trạng ngập úng cục tại TP Bắc Giang vẫn diễn ra thường xuyên. Hệ thống thoát nước thải của TP hoạt động chưa tốt, nhiều khu vực vẫn còn tình trạng thoát nước thải chung với thoát nước mưa, trạm xử lý nước thải nhỏ, hoạt động quá công suất nên không xử lý hết lượng nước thải ra.



*Hình 1.22. Hệ thống thoát nước của thành phố chưa tốt*



*Hình 1.23. Rác thải tập kết ở lòng đường.*



*Hình 1.24. Hệ thống dây điện và thông tin liên lạc.*

+ Điện chiếu sáng đô thị chưa hợp lý, bố trí các đèn nháy trang trí chưa khoa học, chưa có điểm nhấn, còn đơn điệu.

+ Vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải: Rác thải vẫn được vứt tràn lan trên vỉa hè và dưới lòng đường và những khu đất trống, gây mất mỹ quan cho đô thị. Nhiều khu vực trong TP không có điểm thu gom tập kết rác mà chủ yếu tận dụng lòng đường và hè đường để tập kết trung chuyển rác, nên đã ảnh hưởng tới môi trường, mỹ quan và an toàn giao thông đô thị .

+ Về nghĩa trang: Hiện nay, nghĩa trang của TP tại xã Tân An đã lấp đầy, không còn chỗ mai táng, khu hỏa táng và nhà tang lễ TP cũng không có, đây là công việc đáng báo động cần phải sớm xây dựng nghĩa trang, khu hỏa táng và nhà tang lễ để di chuyển mộ và mai táng cho nhân dân trong toàn TP.

#### ***1.2.4. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước tại TP Bắc Giang***

##### ***a) Cơ cấu bộ máy quản lý:***

- Sở Xây dựng Bắc Giang là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cơ bản, quy hoạch, kiến trúc... Có trách nhiệm, chỉ đạo, hướng dẫn cấp huyện thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng. Chủ trì, phối hợp cùng các ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ngành quản lý.

- UBND Thành phố Bắc Giang: Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung TP Bắc Giang; tổ chức lập QHPK, QHCT các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn TP. Chỉ đạo thực hiện về quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kiến trúc, cấp phép xây dựng, trật tự xây dựng của thành phố theo phân cấp.

- UBND các phường, xã: chịu trách nhiệm công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn do mình quản lý. Cán bộ địa chính, xây dựng là người theo dõi trực tiếp về lĩnh vực địa chính, cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng trên địa bàn phường.

- Thanh tra xây dựng: Thanh tra Sở là cơ quan nghiệp vụ thuộc Sở Xây dựng, tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về: xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; kinh doanh bất động sản; vật liệu xây dựng và các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

- Phòng quản lý đô thị TP Bắc Giang: là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND TP hiện chức năng quản lý nhà nước về: Xây dựng; kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị và cấp phép xây dựng theo phân cấp.

- Đội quản lý trật tự giao thông xây dựng và môi trường TP: Được phân công nhiệm vụ trực tiếp kiểm tra, giám sát, theo dõi trật tự xây dựng trên địa bàn TP, khi phát hiện sai phạm lập biên bản và báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét xử lý, hoặc báo cáo Thanh tra Sở Xây dựng để xử lý.

*(thể hiện tại hình 1.25)*

*b) Đội ngũ cán bộ QL KG, KT, CQ của TP Bắc Giang:*

Bộ máy quản lý KG KT CQ của TP hiện nay có phòng Quản lý đô thị là cơ quan trực tiếp tham mưu giúp Chủ tịch UBND thành phố quản lý KG KT CQ trên địa bàn. Nhưng đến nay, phòng chỉ có 10 cán bộ, trong đó (có 01 trưởng phòng; 03 phó trưởng phòng và 06 nhân viên). Cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ về QH, KT còn yếu và thiếu (UBND TP chỉ có 1 kiến trúc sư); năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, mức am hiểu về các văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế, dẫn đến trong quá trình thực hiện gặp không ít khó khăn, trong khi đó công tác phối hợp giữa UBND TP với các Sở, Ban, Ngành của tỉnh về lĩnh vực quản lý đô thị còn chưa tốt.

*(thể hiện tại hình 1.26)*

*Hình 1.25. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị Việt Nam từ trung ương đến địa phương.*

*Hình 1.26. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý đô thị thành phố Bắc Giang.*

*c) Năng lực quản lý:*

Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý đô thị chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, năng lực quản lý còn yếu, số lượng cán bộ có chuyên môn cao ít, nên việc quản lý còn chưa chặt chẽ và yếu kém. Công tác QH xây dựng DT còn nhiều khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch. Điều đó dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý xây dựng đô thị, đặc biệt là xây dựng nhà ở đô thị và quản lý KG KT CQ đô thị; đồng thời, năng lực QL của chính quyền đô thị còn hạn chế, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý KG KT CQ đô thị.

Công tác QHĐT và QLĐT hiện là một thách thức lớn nơi có tốc độ đô thị hóa nhanh. Quy hoạch không mang tính chiến lược lâu dài sẽ tạo ra hệ lụy cho ĐT, ảnh hưởng tới diện mạo KT của đô thị. Công tác QH và công tác QLĐT cần phải được kết hợp chặt chẽ với nhau mới tạo được một đô thị phát triển bền vững. Để thực hiện tốt được vấn đề này, là trách nhiệm của các nhà lập QH và các nhà QLĐT. Hiện nay, nhiều cán bộ phụ trách công tác đô thị lại chưa được đào tạo về lĩnh vực QH và QLĐT, chưa cập nhật kịp thời những kiến thức, thông tin mới phục vụ công tác QH và quản lý đô thị nhất là các kiến thức, kinh nghiệm về công tác quy hoạch về quản lý KG KT CQ.

- Đội quản lý trật tự giao thông xây dựng và môi trường TP: Được phân công nhiệm vụ trực tiếp kiểm tra, giám sát, theo dõi trật tự xây dựng trên địa bàn TP. Tuy nhiên công tác kiểm tra, giám sát quá trình xây dựng trên địa bàn TP còn chưa tốt, vẫn để tình trạng sai phép, không phép xảy ra. Nguyên nhân để xảy ra tình trạng trên, một phần do trách nhiệm của cán bộ chưa cao, chưa quyết liệt, một phần do năng lực của cán bộ còn hạn chế, đọc bản vẽ nhiều khi chưa rõ, ngoài ra còn có tình trạng tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát dẫn đến xây dựng sai phép, không phép vẫn còn phổ biến.

#### ***1.2.5. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan TP Bắc Giang***

- Để góp phần thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, dần đã đi vào cuộc sống của người dân, đặc biệt là trong công tác QH và PTĐT. Việc huy động sự tham gia cộng đồng trong công tác quản lý KG KT CQ của TP Bắc Giang được quy định tại các văn bản Quy phạm pháp luật và Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Theo quy định của Luật QHĐT “*Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên*

*phương tiện thông tin đại chúng* ”. Tuy nhiên, khi tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, phần lớn các chủ đầu tư và đơn vị tư vấn không tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, chỉ thực hiện việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khâu lập QH. Việc lấy ý kiến, hình thức lấy kiến cũng chưa thực hiện đúng theo quy định (thành phần được lấy ý kiến chủ yếu là lãnh đạo xã, Bí thư, trưởng thôn, mặt trận tổ quốc, không có người dân). Việc công bố, công khai quy hoạch cũng chưa kịp thời, nội dung công bố, thành phần dự công bố chưa đầy đủ theo quy định, dẫn đến quá trình triển khai thực hiện giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng gặp khó khăn do chưa được sự đồng thuận của người dân.

- Huy động cộng đồng dân cư vào xây dựng nhà ở theo thiết kế đô thị, giấy phép xây dựng cũng còn hạn chế, nhiều hộ gia đình không tuân thủ theo quy hoạch, thiết kế đô thị hoặc giấy phép xây dựng được cấp.

- Huy động cộng đồng dân cư vào việc trồng cây, chăm sóc cây xanh, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường cũng chưa hiệu quả. Việc trồng, chặt hạ cây xanh, đào bới vỉa hè vẫn còn tự phát. Vai trò của cộng đồng dân cư trong công tác xây dựng, quản lý KG KT CQ là hết sức cần thiết, do đó phải đưa ra giải pháp để phát huy hiệu quả sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang.

### **1.3. Các đề tài và công trình nghiên cứu có liên quan**

#### **1.3.1. Các luận án tiến sĩ**

Một số luận án tiến sĩ chuyên ngành quản lý đô thị và công trình, chuyên ngành QH, chuyên ngành kiến trúc đã nghiên cứu chủ yếu tập trung vào quản lý kiến trúc cảnh quan các đô thị cụ thể như sau:

- Luận án Tiến sĩ Quản lý đô thị và công trình: “*Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến phố chính khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội*”, Trần Thọ Hiến, 2017. Luận án đã đề xuất mô hình cơ cấu tổ chức để hoàn thiện hệ thống quản lý KG KT CQ các tuyến phố chính tại khu vực nội

đô lịch sử thành phố Hà Nội. Xây dựng các nguyên tắc và hệ thống tiêu chí để quản lý, tạo căn cứ cho việc lập QH xây dựng, TKĐT, cải tạo chỉnh trang các tuyến phố chính khu vực nội đô lịch sử và nâng cao nhận thức của cộng đồng.

- Luận án tiến sĩ Kiến trúc: *“Mô hình và giải pháp tổ chức hệ thống không gian xanh khu đô thị mới Hà Nội”*, Đào Thị Tiên Ngọc, 2010. Luận án điểu qua lịch sử phát triển hệ thống KGX đô thị trên thế giới; đặc điểm và quá trình phát triển hệ thống KGX trong đô thị Việt Nam cũng như thực trạng hệ thống KGX đô thị Hà nội. Trên cơ sở khoa học về tổ chức hệ thống KGX, tác giả đã đề xuất các mục tiêu, nguyên tắc tổ chức hệ thống KGX trong các khu đô thị mới tại Hà Nội, định hướng KGX khu đô thị mới. Tuy nhiên luận án chưa nêu bật được mô hình quản lý và tổ chức thực hiện KGX đô thị. Tổ chức quản lý hệ thống KGX tại các khu đô thị mới là chưa đủ mà cần phải bổ sung thêm quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị nhằm đảm bảo các đô thị phát triển bền vững trong tương lai.

- Luận án Tiến sĩ Quy hoạch: *“Khai thác yếu tố cây xanh mặt nước trong tổ chức không gian công cộng tại các đô thị mới tại Hà Nội”*, Đỗ Trần Tín, 2012. Tác giả đã đưa ra quan điểm, mục tiêu, mô hình và các giải pháp khai thác yếu tố cây xanh mặt nước trong tổ chức không gian công cộng tại các khu đô thị Hà Nội, áp dụng thí điểm khu đô thị mới Cầu Giấy. Tác giả đã nêu rõ vai trò khai thác yếu tố cây xanh mặt nước trong không gian công cộng cũng như trong thiết kế đô thị và cây xanh mặt nước được xem là thành phần không thể thiếu trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị. Tuy nhiên nêu tác giả đưa ra thêm các giải pháp quản lý cây xanh mặt nước trong không gian công cộng theo quy hoạch được duyệt và theo định hướng đô thị xanh thì tính áp dụng vào thực tiễn của luận án sẽ hoàn thiện hơn.

- Luận án Tiến sĩ Kiến trúc: *“Tổ chức kiến trúc cảnh quan trong các khu ở của Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị”*, Đàm

Thu Trang, 2003. Luận án đã nêu tình hình tổ chức kiến trúc cảnh quan trong các khu ở trên thế giới và Việt Nam. Qua đó dựa trên cơ sở khoa học của tổ chức kiến trúc cảnh quan trong các khu ở Hà Nội, tác giả đề xuất một số giải pháp tổ chức kiến trúc cảnh quan cho các khu ở Hà Nội. Tuy nhiên, luận án chưa đề cập đến việc xây dựng mô hình, tổ chức quản lý và đề xuất các giải pháp quản lý KG, KT, CQ đô thị theo hướng ĐTX là một trong những mục tiêu hiện nay các đô thị đang hướng tới.

- Luận án Tiến sỹ: *“Khai thác và tổ chức cảnh quan trong sự hình thành và phát triển đô thị Việt Nam”*, Hàn Tất Ngạn, 1992. Luận án đề cập đến những vấn đề chung về kiến trúc cảnh quan, kinh nghiệm truyền thống trong tổ chức KG, KT, CQ Việt Nam và trên thế giới. Tác giả đã phân tích kỹ về các yếu tố hình thành cảnh quan đô thị, vai trò của hệ thống cây xanh, mặt nước truyền thống Việt Nam.

- Luận án Tiến sỹ Kiến trúc: *“Tổ chức không gian kiến trúc làng ngoại thành trong quá trình đô thị hóa ở Hà Nội đến năm 2020 với việc giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống”*, Hoàng Đình Tuấn, 1999. Luận án đề xuất những định hướng tổ chức không gian nói chung cho cả ba loại hình làng xã: làng ngoại thành, làng ven đô và làng nội đô với ba phương pháp: tác động cưỡng bức, chủ động và hỗn hợp. Đề xuất mô hình “hệ thống làng trong tổng thể đô thị”, mô hình kiến trúc đổi mới của văn hóa quần cư truyền thống, không gian ở đa năng phù hợp với quá trình đô thị hóa của làng ngoại thành; đề xuất hình thành “không gian mềm”. Luận án có nhiều đóng góp cho việc nghiên cứu làng xã đô thị hóa, tuy nhiên luận án mang nhiều định tính, thiếu yếu tố định lượng của thành phần cấu trúc; chưa đề xuất đến việc cải tạo hay nâng cấp làng xóm cũ, trong khi đó làng xóm cũ là xuất phát điểm trong quá trình đô thị.

- Luận án Tiến sỹ Quy hoạch: *“Mô hình tổ chức không gian làng sinh thái ven đô Hà Nội”*, Nguyễn Thị Lan Phương, 2011. Tác giả đi sâu nghiên cứu về mô hình “Làng sinh thái” là một khái niệm mới ở Việt Nam và mới chỉ được thực hiện tại một số ít địa phương theo dạng làng sinh thái kinh tế nông nghiệp do Viện kinh tế sinh thái thực hiện từ năm 1990. Luận án đề xuất phân loại Làng sinh thái ven đô Hà Nội, bao gồm ba loại cơ bản: Làng sinh thái nông nghiệp; làng sinh thái nghề truyền thống và Làng sinh thái du lịch văn hóa nghề truyền thống. Luận án đã đề xuất mô hình tổ chức không gian và cơ cấu sử dụng đất cho ba dạng làng sinh thái riêng biệt. Việc tổ chức KG làng xóm trong bối cảnh đô thị hóa và sự mở rộng đô thị tiến sát tới các KG làng xóm là một hướng tiếp cận phù hợp với thực tế hiện nay; tuy nhiên trong từng khu vực cụ thể chưa đề cập đến mật độ, khối tích, tầng cao...

- Các luận án, luận văn này trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển đô thị từ đó đề xuất về các giải pháp chủ yếu về: bổ sung điều chỉnh QHC, QHPK, QHCT, thiết kế đô thị, đề xuất bộ máy quản lý và tổ chức thực hiện, huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý KG KT CQ đô thị và các giải pháp khác. Tuy nhiên, việc quản lý KG KT CQ đô thị theo hướng ĐTX chưa được các tác giả nghiên cứu đề cập đến trong các luận luận án. Do đó việc tập trung nghiên cứu các tài liệu liên quan đến các đề tài quản lý KG KT CQ đô thị theo hướng ĐTX để từ đó gợi mở ra các đề xuất mới áp dụng cho TP Bắc Giang trong giai đoạn hiện nay.

### ***1.3.2. Các công trình nghiên cứu khoa học***

Quản lý KG KT CQ là lĩnh vực được các nhà khoa học quan tâm, qua việc nghiên cứu tài liệu, tác giả nhận thấy một số công trình khoa học, đề tài có liên quan đến KG KT CQ hướng tới ĐTX cụ thể như sau:

- Năm 2017 Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đã nghiệm thu và công nhận Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh tại Quyết định số 338/QĐ-

KHCN ngày 28/12/2017 với đề tài: *“Nghiên cứu, khảo sát đánh giá thực trạng kiến trúc cảnh quan và đề xuất giải pháp kiểm soát để quản lý không gian các tuyến phố chính thành phố Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn 2050”*. Trong đề tài đã nghiên cứu so sánh, khảo sát, đánh giá thực trạng với định hướng phát triển không gian 5 tuyến phố chính theo QHC thành phố Bắc Giang đã được duyệt nhằm làm cơ sở cho việc nghiên cứu đưa ra giải pháp quản lý kiểm soát không gian tuyến phố chính: Đề xuất giải pháp quản lý kiểm soát KG, KT cảnh quan 5 tuyến phố chính thành phố Bắc Giang; đề xuất đồ án QHPH, QHCT hướng tới mô hình ĐTX. Đề xuất khung thiết kế đô thị nhằm quản lý kiến trúc cảnh quan tuyến phố chính TP Bắc Giang theo qui hoạch chung được duyệt hướng tới mục tiêu phát triển “Đô thị xanh”.

- Khóa đào tạo quốc tế - International training course, *“Đô thị thông minh và đô thị xanh” “Smart city and green city”* do Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam phối hợp với trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hội Quy hoạch đô thị Hàn Quốc (KPA) và Viện nghiên cứu định cư Hàn Quốc (KRIHS) tổ chức tháng 5/2012. Đây là chương trình là khóa đào tạo ngắn ngày về đô thị thông minh và ĐTX cho các chuyên gia thuộc các lĩnh vực, tổ chức tư vấn thiết kế các nhà nghiên cứu về quy hoạch và quản lý đô thị. Tài liệu của khóa học là tổng hợp các vấn đề lý luận, thực tiễn từ công tác thiết kế, vận hành và quản lý đối với đô thị thông minh và ĐTX đã được thực hiện tại Hàn Quốc. Đặc biệt là các đường dẫn và quy định về định về ĐTX ở Hàn Quốc. Đây là nguồn tài liệu hữu ích cho công tác nghiên cứu của luận án trong việc đưa ra các giải pháp quản lý hướng đến ĐTX tại TP Bắc Giang.

- Một số nghiên cứu liên quan đến sự tham gia cộng đồng trong quản lý đô thị nói chung và quản lý KG, KT, CQ đô thị nói riêng, bước đầu dần đã khẳng định vai trò và trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý KG, KT, CQ đô thị, cụ thể như: *“Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về sự tham gia*

*cộng đồng trong quá trình quy hoạch, xây dựng và quản lý ĐT*” của GS.TS. Đỗ Hậu, hay quan điểm về “*Vai trò của xã hội công dân trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị*” của GS.TS. Nguyễn Quốc Thông; “*Xây dựng và quản lý không gian xanh trong các khu đô thị mới tại Hà Nội đến năm 2020 với sự tham gia của cộng đồng*” đề tài nghiên cứu cấp Quốc gia, mã số 01C-04/05 của nhiều tác giả. Trong các nghiên cứu đều chỉ ra rằng vai trò của quản lý nhà nước, sự tham gia giám sát và quản lý cộng đồng là yếu tố rất quan trọng, quyết định đến sự thành công của phát triển ĐT theo hướng ĐTX.

- Năm 2018, “Dự án hỗ trợ kỹ thuật Quy hoạch Đô thị xanh Việt Nam, KOICA, JUNGDO UIT Inc”. Dự án đã đưa ra khái niệm về đô thị xanh, phân ra làm 3 lĩnh vực “Môi trường xanh, kinh tế xanh, xã hội xanh” và đưa ra 35 chỉ tiêu của ĐTX. Những nghiên cứu trên đã giúp Luận án có cơ sở để đề xuất khái niệm ĐTX, mô hình ĐTX, tiêu chí ĐTX đối với đô thị TP Bắc Giang.

#### **1.4. Đánh giá tổng hợp và những vấn đề cần giải quyết của luận án**

##### **1.4.1. Đánh giá tổng hợp công tác quản lý KG KT CQ của TP Bắc Giang**

###### *a) Ưu điểm*

- Thành phố đã đẩy mạnh công tác lập QH nên tỷ lệ phủ kín các QH ngày một nâng lên (QHPK đạt tỷ lệ 24,5%, QHCT đạt 30%). Đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị;

- Không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ngày càng được phát triển và mở rộng; phát triển nhiều các khu đô thị mới như (khu đô thị mới phía Nam, khu dân cư số 1, 2; khu công Ngóc-Bến xe...); hoàn thành nhiều công trình công cộng, văn hóa, thể thao; công viên, cây xanh...; bộ mặt đô thị có nhiều khởi sắc, tạo được điểm nhấn cho đô thị (Quảng trường mừng 3/2, công viên trung tâm, trung tâm hội nghị tỉnh; trụ sở liên cơ quan...);

- Hạ tầng kỹ thuật ngày được nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện; nước thải, rác thải được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh; nghĩa trang nhỏ lẻ từng

bước được di dời để phát triển đô thị; hệ thống thông tin liên lạc được bó gọn tạo mỹ quan cho đô thị;

- Công tác quản lý trật tự xây dựng được tăng cường, tỷ lệ xây dựng không phép và sai phép có chiều hướng giảm dần; chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đô thị được nâng lên.

*b) Tồn tại hạn chế*

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp của TP Bắc Giang về đô thị xanh còn hạn chế dẫn đến KG KT CQ còn lộn xộn, chưa tạo được cảnh quan đẹp cho đô thị;

- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch, nhất là QHPK, QHCT còn rất thấp; quy hoạch sau khi được duyệt việc công bố công khai còn chưa đầy đủ và kịp thời; hầu hết các đồ án chưa được cắm mốc giới ngoài thực địa;

- Thành phố chưa quan tâm đến thiết kế đô thị (hầu hết các tuyến phố chính, khu trung tâm, khu vực có ý nghĩa quan trọng chưa có thiết kế đô thị riêng) dẫn đến khó khăn trong công tác lý KG KT CQ. Chưa quan tâm đến công trình xanh, kiến trúc xanh, tiết kiệm, tái tạo năng lượng;

- Thiếu các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội vào đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải, nghĩa trang và môi trường;

- Tỷ lệ xanh hóa cảnh quan của TP còn thấp (mới đạt 14,94m<sup>2</sup>/người); việc quản lý trồng và chặt hạ cây xanh còn tùy tiện không theo quy hoạch.

- Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, hệ thống dây điện, cáp viễn thông đi nổi không theo QH mất mỹ quan cho đô thị; tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải còn ít, rác thải chưa được xử lý triệt để mới đạt được khoảng 30%.

- Nghĩa trang cũ của TP đã quá tải, trong khi đó chưa quy hoạch và xây dựng được nghĩa trang mới cho TP;

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ở TP còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn nghiệp vụ, trong khi đó phân cấp quản lý chưa phù hợp với

năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ của địa phương; công tác phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên còn nhiều hạn chế.

- Chưa phát huy hết vai trò của cộng đồng dân cư tham gia vào xây dựng QH, đầu tư xây dựng, cảnh quan, môi trường, nếp sống văn minh đô thị, đặc biệt là tham gia giám sát vào trật tự xây dựng tại địa phương.

#### ***1.4.2. Nhận diện các vấn đề cần giải quyết của luận án***

Định hướng phát triển đô thị thành phố Bắc Giang xác định phát triển theo hướng ĐTX, tuy nhiên trong quá trình phát triển, chính quyền thành phố còn lúng túng trong việc xác định hướng đi và triển khai các nội dung, do vậy luận án cần giải quyết một số nội dung chủ yếu nhằm quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX. Trên cơ sở khái niệm cơ bản về đô thị xanh, nhằm xây dựng TP Bắc Giang trở thành ĐTX là một quá trình và phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn khác nhau, trên cơ sở đánh giá các ưu điểm, tồn tại hạn chế, căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, luận án lựa chọn ba mục tiêu cốt lõi nhất để tập trung giải quyết đó là: (1) Xanh hóa cảnh quan; (2) Nâng cao chất lượng KG KT CQ, cải thiện hình ảnh đô thị; (3) Bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH. Những nội dung chính cần giải quyết cụ thể như sau:

*a) Làm rõ khái niệm về ĐTX, các vấn đề về nhận thức, lợi ích phát triển ĐTX trên cơ sở đó xây dựng cơ sở khoa học về quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại thành phố Bắc Giang.*

- Đánh giá và phân tích các vấn đề thực trạng của KG KT CQ với định hướng phát triển ĐTX và công tác quản lý KG KT CQ của TP Bắc Giang để từ đó nhận diện và đưa ra khái niệm đô thị xanh nói chung và cho thành phố Bắc Giang nói riêng; quan điểm về hướng tới ĐTX cũng cần phải được làm rõ nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về ĐTX,

về quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX và về sự cần thiết phải xây dựng TP Bắc Giang trở thành ĐTX

*c) Đề xuất quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và tiêu chí quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang.*

- Hiện nay TP Bắc Giang, chưa có quan điểm, mục tiêu nào rõ ràng cho công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX, do đó cần có quan điểm, mục tiêu cụ thể để làm cơ sở quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX. Phát triển TP Bắc Giang theo hướng xanh hóa cảnh quan, cải thiện hình ảnh và bảo vệ môi trường đô thị, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Mục tiêu xanh hóa KG KT CQ của thành phố Bắc Giang đến năm 2035 dần đạt được ĐTX; phát triển công trình xanh và kiến trúc xanh, tăng cường quản lý trật tự xây dựng và cải thiện hình ảnh đô thị; bảo vệ môi trường trong đó tập trung làm sạch TP dựa trên việc áp dụng mô hình “tuần hoàn” và có biện pháp ứng phó hiệu quả của BĐKH.

- Rà soát, điều chỉnh QHC, QHPK, QHCT, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, thiết kế đô thị gắn với tiêu chí ĐTX cho TP Bắc Giang; những khu vực quan trọng (khu cây xanh, công trình công cộng, các công trình thiết chế văn hóa) không được điều chỉnh QH chạy theo lợi ích của nhà đầu tư.

- Cần đưa ra các nguyên tắc và tiêu chí để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang.

*d) Để khắc phục những yếu kém và tồn tại, từng bước xây dựng TP Bắc Giang trở thành ĐTX, luận án cần đưa ra được các giải pháp thiết thực, hiệu quả và cụ thể, có khả năng đáp ứng tốt nhất các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu quản lý KG KT CQ cụ thể như:*

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX;

- Cần phân vùng để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.
- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX;
- Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.

## CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN THÀNH PHỐ BẮC GIANG HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Khái niệm đô thị xanh

Hiện nay ở Việt Nam những nghiên cứu về ĐTX chưa nhiều, chưa có một khái niệm rõ ràng, đầy đủ và được công bố chính thức trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của nhà nước. Trong khi đó trên thế giới ĐTX đã được nghiên cứu từ trước những năm đầu thế kỷ 21. Có nhiều quốc gia đã áp dụng và xây dựng thành công và nhân rộng mô hình ĐTX. Năm 2012, Tổ chức trí tuệ kinh tế (Economist Intelligence Unit-EIU) phối hợp với Siemen tiến hành dự án đánh giá tình hình phát triển của 120 đô thị xanh trên các châu lục. Hơn 20 chuyên gia hàng đầu về môi trường bền vững đã họp bàn về cách thức đưa ra các tiêu chí đánh giá ĐTX. [58]. Các quốc gia và cơ quan nghiên cứu khác nhau cũng đưa ra khái niệm ĐTX rất khác nhau, tùy theo hướng tiếp cận của mình, có một số định nghĩa về ĐTX như sau:

##### *a) Quan điểm về đô thị xanh trên thế giới*

- Đô thị xanh có không khí và nước sạch và những con đường và công viên tươi đẹp. Các ĐTX chống chịu được với thảm họa thiên nhiên và ít có nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm lớn. Các ĐTX cũng khuyến khích hành vi xanh, như sử dụng phương tiện giao thông công cộng và giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái. [66]

- Đô thị xanh là những DT thân thiện với môi trường. Mức độ xanh của các DT đòi hỏi một vài, hoặc tốt nhất là tất cả những tiêu chí sau: (1) kiểm soát bệnh tật và sức khỏe; (2) giảm thiểu những nguy hiểm vật lý và hóa chất; (3) phát triển môi trường đô thị chất lượng cao cho tất cả mọi người; (4)

giảm thiểu chuyển đổi môi trường ra các khu vực bên ngoài thành phố; (5) đảm bảo tiến trình hướng tới tiêu dùng bền vững [76].

- Đô thị xanh là mô hình của tương lai, tạo ra các cấu trúc đô thị với môi trường với chất lượng cuộc sống. Sự phát triển xanh, bền vững của các ĐT là một nhiệm vụ phải được phát triển liên tục, đòi hỏi các hoạt động tích hợp và phối hợp theo khu vực của tất cả các ngành [60].

- Khái niệm ĐTX hay 'Phát triển xanh' không phải là mới. Trước đây nằm trong thuật ngữ phát triển bền vững, thì nó tìm cách tích hợp môi trường, xã hội và kinh tế trong các quá trình phát triển của ĐT. Đô thị xanh hoặc Phát triển xanh là một phần mở rộng của khái niệm này nhưng được hiểu trong khung hành động của ĐT và cách thức cho đô thị tiến đến xanh và bền vững. Phát triển xanh xem xét cách cải thiện và quản lý chất lượng tổng thể của nước, không khí và đất đai trong không gian đô thị; mối tương quan của nó với vùng nội địa và các hệ thống rộng lớn hơn; và các lợi ích thu được từ cả môi trường và cư dân.[68]

- Thành phố xanh là một mô hình của TP bền vững được xây dựng theo tư tưởng PTBV gồm: TP sinh thái (Eco City), TP sinh thái-kinh tế (The ECO2 City), TP thông minh (Smart City), TP xanh (the Green city), đó là TP có lượng phát thải CO2 thấp và được xây dựng trên 3 trụ cột: cạnh tranh kinh tế, môi trường bền vững và bình đẳng xã hội. [75]

Từ các nhận định khác nhau về ĐTX, Viện nghiên cứu phát triển bền vững (IASS) đã đưa ra khái niệm tổng quát như sau: *Đô thị xanh là đô thị mà các hoạt động chính trị và xã hội có trách nhiệm phải nhằm đảm bảo chất lượng môi trường sống cao để đóng góp cho hạnh phúc của nhân loại.* [71]

Tuy các khái niệm về ĐTX còn khác nhau, nhưng có thể thấy các nước trên thế giới đã tập trung vào mấy vấn đề, đó là: *“Nâng cao chất lượng môi trường sống của con người; tiết kiệm và tái tạo năng lượng; hạn chế và tái sử*

*dùng chất thải; chống chịu thảm họa*”. Đây cũng là các vấn đề mấu chốt cần giải quyết của bất kỳ một đô thị nào trong thời đại hiện nay.

*b) Quan điểm về đô thị xanh tại Việt Nam*

Ở Việt Nam, khái niệm ĐTX được đề cập đến muộn hơn so với các nước trên thế giới. Sau lý thuyết đô thị phát triển bền vững, ĐTX song hành cùng với mô thức phát triển khác của đô thị như ĐTST, đô thị sinh thái - kinh tế, đô thị thông minh... cũng được các chuyên gia Việt Nam nghiên cứu áp dụng vào thực tiễn. Đô thị xanh không có những định nghĩa rõ ràng như ĐTST và sau này đô thị TTX dường như lại được coi là có nhiều ưu thế hơn vì nó có các chỉ tiêu cụ thể. Nội dung chiến lược TTX gồm: (giảm cường độ phát triển khí nhà kính, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất; xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dung bền vững nhằm bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn cân bằng sinh thái và phát triển ĐTBV. [14]

- Theo quan điểm của GS.TSKH Phạm Ngọc Đăng *“Đô thị xanh Việt Nam”* có 7 tiêu chí cơ bản gồm: (1) Không gian xanh; (2) Công trình xanh; (3) Giao thông xanh; (4) Công nghiệp xanh; (5) Chất lượng môi trường đô thị xanh; (6) Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, công trình lịch sử, văn hóa; (7) Cộng đồng dân cư sống thân thiện với môi trường và thiên nhiên. Trong đó các giải pháp QHĐT, thiết kế công trình phải tính đến các yếu tố sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và tận dụng nguồn năng lượng tái tạo. [14]

- Năm 2016, Bộ Xây dựng phối hợp với Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KoiCa) tiến hành dự án hỗ trợ kỹ thuật về ĐTX tại Việt Nam. Lần đầu tiên khái niệm ĐTX được đưa ra một cách toàn diện, đầy đủ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, đã bổ sung, cập nhật các yêu cầu mang tính thời sự đối với đô thị trong thời kỳ BĐKH diễn ra trên quy mô toàn cầu, khái niệm đô thị xanh như sau:

*Đô thị xanh là đô thị sử dụng tài nguyên bền vững, hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính và có đủ khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. [41]*



*Hình 2.1. Các yếu tố cấu thành đô thị xanh theo dự án KoiCa.*

- Song song với ĐTX, vấn đề TTX cũng được xem xét đối với các đô thị Việt Nam. Theo Thông tư số 01/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng, đô thị TTX “Là đô thị đạt được tăng trưởng và phát triển kinh tế thông qua các chính sách và hoạt động đô thị nhằm giảm những tác động có ảnh hưởng bất lợi đối với môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên”. Căn cứ vào khái niệm ĐTX và đô thị TTX nêu trên, thì:

+ Đô thị TTX là sự tăng thêm (hay gia tăng) của các lĩnh vực (kinh tế, môi trường, xã hội và thể chế) trong một thời kỳ nhất định, thông qua các kế hoạch, chính sách của nhà nước để tiến tới đạt được đô thị xanh.

+ Đô thị xanh phải thực hiện xây dựng, phát triển ĐT theo QH, kế hoạch TTX đã đề ra với mục tiêu là tiết kiệm năng lượng, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, môi trường trong lành, đủ sức đối phó với BĐKH, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

### *c) Quan điểm đô thị xanh của luận án*

Dựa vào các quan điểm về ĐTX của các nhà khoa học trong và ngoài nước, nghiên cứu sinh đưa ra quan điểm về ĐTX và hướng tới ĐTX như sau:

- *Đô thị xanh*: Là đô thị giảm thiểu khí phát thải gây ô nhiễm môi trường, khai thác tối đa các giá trị cảnh quan tự nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.



Hình 2.2. Sơ đồ khái niệm đô thị xanh.

- *Hướng tới Đô thị xanh*: Là quá trình phấn đấu của một đô thị nhằm từng bước dần tiến đến đạt đầy đủ các tiêu chí của đô thị xanh.

### 2.1.2. Mô hình và tiêu chí đô thị xanh

#### 2.1.2.1. Mô hình đô thị xanh

##### a) Cấu trúc không gian và sử dụng đất:

Quy hoạch không gian đô thị và sử dụng đất chú trọng tới công trình tiện ích, công trình công cộng, từ đó hình thành cấu trúc đô thị sử dụng năng lượng hiệu quả. Thay đổi cấu trúc đô thị từ phương tiện cá nhân hướng đến giao thông công cộng, cải thiện đường đi bộ nhờ mạng lưới đường đi bộ và xe đạp. Giảm tối đa nhu cầu di chuyển xuyên TP bằng làm việc gần nhà, giảm tối đa quãng đường di chuyển nhờ phát triển phức hợp (nhà ở, thương mại, văn phòng...). Hình thành cơ chế quản lý đô thị hiệu quả. Ngăn chặn hiện tượng đảo nhiệt đô thị bằng hệ thống đường gió trong đô thị, hình thành không gian cây xanh hợp lý để đảm bảo khả năng hấp thu khí CO<sub>2</sub>. [41]

##### b) Giao thông xanh:

Giảm tối đa việc sử dụng năng lượng hóa thạch nhờ đi bộ, xe đạp, xe máy điện, phương tiện giao thông xanh; từ đó hình thành hệ thống giao thông giảm phát thải CO<sub>2</sub>. Thay thế mạng lưới giao thông nội thành bằng mạng lưới giao thông xanh. Mở rộng mạng lưới giao thông công cộng, nâng cao khả năng tiếp cận với giao thông công cộng. Duy trì chính sách giao thông công

cộng bền vững hướng đến người sử dụng. Có phương án bố trí thời gian không vận hành giao thông công cộng (ban đêm). QH mạng lưới giao thông công cộng có tính đến cập nhật công nghệ mới và khả năng mở rộng. [41]

*c) Sinh thái xanh, môi trường xanh, năng lượng mới tái tạo, rác thải, tuần hoàn tài nguyên:*

Sử dụng năng lượng tái tạo như nhiệt mặt trời, địa nhiệt, sinh khối và năng lượng mới như pin nhiên liệu, năng lượng hydro nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Phương án sử dụng năng lượng mới tái tạo có tính đến yếu tố vùng (giờ nắng, lượng gió...). Có phương án cụ thể như sản xuất điện, tăng hiệu suất năng lượng, cắt giảm sử dụng năng lượng. Tích cực sử dụng thiết bị sản xuất năng lượng mới tái tạo tại khu vực, công trình công cộng. Sử dụng thiết bị sản xuất năng lượng mới tái tạo ở không gian trống như tầng thượng, mặt tường. Có chính sách khuyến khích sử dụng xe điện, xe hybrid. Sử dụng sản phẩm có hiệu suất năng lượng cao như đèn Led. Có phương án tái chế rác thực phẩm, vụn gỗ... [41]

*d) Công trình xanh:*

Giảm mức phát thải CO<sub>2</sub> gần đến mức bằng 0 thông qua giải pháp tiết kiệm năng lượng do sử dụng vật liệu cách nhiệt, thông gió tự nhiên, sử dụng các năng lượng mới và tái tạo như điện mặt trời, sinh khối... Sử dụng vật liệu cách nhiệt và kính 3 lớp để nâng cao hiệu quả cách nhiệt tường và lỗ thông hơi. Tuần hoàn không khí trong nhà qua hệ thống thông gió tự động. Sử dụng nhiệt mặt trời, địa nhiệt để tăng tối đa hiệu suất năng lượng đối với hệ thống sưởi/làm mát. Sản xuất điện từ điện mặt trời, năng lượng gió. Sử dụng vật liệu xây dựng của địa bàn lân cận để giảm tối đa việc vận chuyển mua bán trong khâu xây dựng; phủ xanh tầng thượng và tường để chống bức xạ nhiệt. [41]

*e) Công nghiệp xanh:*

Bắt đầu từ ngành công nghiệp công nghệ mới thân thiện môi trường, hướng tới phát triển ngành du lịch xanh tận dụng các đặc trưng tự nhiên, văn

hóa của vùng. Trong lĩnh vực công nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp bền vững hạn chế tối đa phát thải CO<sub>2</sub>. Hình thành mạng lưới tuần hoàn tài nguyên để trao đổi nước và năng lượng giữa các ngành công nghiệp xanh. Hình thành mô hình đổi mới như doanh nghiệp, trường đại học, trung tâm nghiên cứu, cơ quan nhà nước... Phát triển và quảng bá sản phẩm du lịch xanh kết nối với tài nguyên thiên nhiên. Liên kết các khu dân cư để hình thành mạng lưới nhà - nơi làm việc. [41]



Hình 2.3. Sơ đồ mô hình Đô thị xanh

#### 2.1.2.2. Tiêu chí đô thị xanh:

Hiện nay trên thế giới có nhiều quốc gia đã xây dựng tiêu chí ĐTX, các tiêu chí này khác nhau ở mỗi vùng châu lục, nhưng vẫn có những quan điểm tương đồng về ĐTX. Theo đánh giá của Urban Ecosystem Europe (UEE) cho các đô thị Châu Âu, đưa ra 6 lĩnh vực gồm 25 chỉ số để đánh giá ĐTX đó là:

(1) *Hành động của địa phương vì sức khỏe của cộng đồng*: Chất lượng không khí; bản đồ tiếng ồn và kế hoạch giảm tiếng ồn; tiêu thụ nước sinh hoạt; người dân được phục vụ bởi nhà máy xử lý nước sạch.

(2) *Tiêu dùng có trách nhiệm và lựa chọn lối sống*: Biến đổi tiêu thụ năng lượng điện; lượng chất thải đô thị được tái chế; chất thải TP được xử lý theo các chương trình thu gom rác thải khác nhau; mua sắm công cộng xanh.

(3) *Lập kế hoạch, thiết kế giao thông công cộng tốt hơn, ít giao thông hơn*: Hành khách tham gia giao thông công cộng trong khu vực đô thị; phát triển tàu điện ngầm và xe điện trong khu đô thị; số lượng xe đăng ký; đường đi xe đạp và làn đường sẵn có; khu vực xanh công cộng sẵn có.

(4) *Năng lượng và biến đổi khí hậu*: Thiết lập cân bằng năng lượng và mục tiêu giảm CO<sub>2</sub>; sản xuất năng lượng mặt trời trong các tòa nhà công cộng; người dân được kết nối với hệ thống sưởi ấm của tòa nhà; chính sách tiết kiệm năng lượng và khí hậu.

(5) *Kinh tế địa phương bền vững và công bằng xã hội, công bằng và gắn kết*: Chăm lo sức khỏe và an toàn cho tuổi già; phụ nữ được làm chủ sở hữu doanh nghiệp; dân số có trình độ giáo dục cao nhất.

(6) *Quản lý địa phương theo hướng bền vững*: Chứng nhận EMAS và ISO 14001 của cơ quan công quyền (CO<sub>2</sub>); mức độ thực hiện chương trình nghị sự 21 (CO<sub>2</sub>); cử tri tham gia trong cuộc bầu cử thành phố; đại diện thành phố là phụ nữ. [71]

- Chỉ số thành phố xanh Châu Âu năm 2009.

Chỉ số thành phố xanh Châu Âu (EGCI) là một dự án được thực hiện bởi đơn vị Kinh tế Intelli-Gence (EIU) và được hỗ trợ bởi Siemens đã đưa ra 8 lĩnh vực gồm 30 chỉ số riêng để đánh giá TP xanh của Châu Âu gồm: (1) Khí thải CO<sub>2</sub>; (2) Sử dụng năng lượng tái tạo; (3) Năng lượng tiêu dùng của dân cư trong các tòa nhà; (4) người dân đi làm bằng giao thông công cộng, xe đạp và đi bộ; (5) Nước tiêu dùng; (6) Chất thải được tái chế; (7) Chất lượng không khí; (8) Quản trị môi trường. [71] (*chi tiết tại phụ lục 4*).

- Theo dự án hỗ trợ thuật quy hoạch ĐTX Việt Nam (KoiCa) được Bộ Xây dựng công bố, gồm có 14 yếu tố của ĐTX gồm: (1) cấu trúc không gian

ĐT; (2) sử dụng đất; (3) công trình xanh; (4) giao thông xanh; (5) sinh thái và môi trường xanh; (6) năng lượng mới tái tạo; (7) rác thải; (8) tuần hoàn tài nguyên; (9) sản xuất công nghệ xanh; (10) tiêu dùng xanh; (11) hợp tác xanh ; (12) quản trị xanh; (13) đời sống xanh; (14) an toàn xanh và 35 chỉ tiêu của ĐTX (*chi tiết tại phụ lục 5*).

Các tiêu chí ĐTX của các nước trên thế giới và tiêu chí ĐTX của (KoiCa) nghiên cứu cho điều kiện của Việt Nam, nhìn chung về cơ bản các tiêu chí đều tương đồng với nhau. Trên cơ sở khái niệm về ĐTX đã phân tích, đề xuất ở trên, các tiêu chí của ĐTX có thể dựa trên tiêu chí của ĐTX do Koica đề xuất là khá phù hợp, được chia theo 5 nhóm vấn đề:

- (1) Cấu trúc không gian và sử dụng đất;
- (2) Giao thông xanh;
- (3) Sinh thái xanh, môi trường xanh, rác thải, tuần hoàn tài nguyên;
- (4) Công trình xanh;
- (5) Công nghiệp xanh.

Chi tiết cụ thể các tiêu chí theo Hình 2.4 sau đây:

*Hình 2.4. Sơ đồ các tiêu chí đô thị xanh. [41]*

Nghiên cứu với định hướng phát triển đô thị thành phố Bắc Giang được duyệt, về cơ bản các chỉ tiêu của KoiCa cho phát triển TP Bắc Giang trong giai đoạn hướng tới ĐTX là phù hợp; trong đó có 27/35 chỉ tiêu áp dụng khả thi với Bắc Giang, còn lại 4 yếu tố (năng lượng mới tái tạo; tiêu dùng xanh; hợp tác xanh; an toàn xanh) và 8 chỉ tiêu là chưa phù hợp trong thời kỳ quá độ để phát triển TP Bắc Giang hướng tới ĐTX vào năm 2035 (*chi tiết theo Bảng 2.1*).

*Bảng 2.1. Bảng đánh giá khả năng áp dụng các chỉ tiêu của Koica vào TP Bắc Giang.*

| Các tiêu chí của dự án kỹ thuật Koi ca |                                       | Các tiêu chí có khả năng áp dụng cho TP Bắc Giang             |                                       |
|----------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| QH Đô thị xanh                         | Danh sách chỉ tiêu đô thị xanh        | QH Đô thị xanh                                                | Danh sách chỉ tiêu đô thị xanh        |
| 14 yếu tố                              | 35 chỉ tiêu dự án kỹ thuật Koi ca     | 10 yếu tố                                                     | 27 chỉ tiêu áp dụng cho Bắc Giang     |
| 1. Cấu trúc không gian đô thị          | Mật độ xây dựng                       | 1. Cấu trúc không gian đô thị                                 | Mật độ xây dựng                       |
|                                        | Tỷ lệ đô thị hoá                      |                                                               | Tỷ lệ đô thị hoá                      |
|                                        | Tỷ lệ diện tích cây xanh đô thị       |                                                               | Tỷ lệ diện tích cây xanh đô thị       |
|                                        | Mật độ dân số                         |                                                               | Mật độ dân số                         |
| 2. Sử dụng đất                         | Diện tích CX bình quân đầu người      | 2. Sử dụng đất                                                | Diện tích CX bình quân đầu người      |
|                                        | Đất đô thị bình quân đầu người        |                                                               | Đất đô thị bình quân đầu người        |
|                                        | Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị |                                                               | Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị |
| 3. Công trình xanh                     | Lượng tiêu thụ NL của công trình ở    | 3. Công trình xanh                                            | Lượng tiêu thụ NL của công trình ở    |
|                                        | Số công trình xanh                    |                                                               | Số công trình xanh                    |
| 4. Giao thông xanh                     | Số xe máy bình quân đầu người         | 4. Giao thông xanh                                            | Số xe máy bình quân đầu người         |
|                                        | Tỷ lệ sử dụng giao thông công cộng    |                                                               | Tỷ lệ sử dụng giao thông công cộng    |
|                                        | Tỷ lệ phương tiện GT công cộng        |                                                               | Tỷ lệ phương tiện GT công cộng        |
| 5. Sinh thái & môi trường xanh         | Lượng phát thải KNK BQ đầu người      | 5. Sinh thái & môi trường xanh                                | Lượng phát thải KNK BQ đầu người      |
|                                        | Lượng hấp thụ KNK của cây rừng        |                                                               | Lượng hấp thụ KNK của cây rừng        |
| 6. Năng lượng mới, tái tạo             | Lượng tiêu thụ NL BQ                  | Không áp dụng với TP Bắc Giang ở giai đoạn 2035 hướng tới ĐTX |                                       |
|                                        | Tỷ trọng NL tái tạo                   |                                                               |                                       |
|                                        | Tỷ lệ hộ GD sử dụng NL tái tạo        |                                                               |                                       |
| 7. Rác thải                            | Lượng CTR bình quân đầu người         | 6. Rác thải                                                   | Lượng CTR bình quân đầu người         |

|                             |                                                  |                                                                |                                                  |
|-----------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                             | Tỷ lệ tái chế rác thải                           |                                                                | Tỷ lệ tái chế rác thải                           |
| 8. Tuần hoàn tài nguyên     | Lượng sử dụng nước BQ                            | 7. Tuần hoàn tài nguyên                                        | Lượng sử dụng nước BQ                            |
|                             | Tỷ lệ xử lý nước thải                            |                                                                | Tỷ lệ xử lý nước thải                            |
| 9. Sản xuất, công nghệ xanh | Tỷ trọng đầu tư vào CN xanh                      | 8. Sản xuất, công nghệ xanh                                    | Tỷ trọng đầu tư vào CN xanh                      |
|                             | Tỷ lệ việc làm xanh                              |                                                                | Tỷ lệ việc làm xanh                              |
|                             | Tỷ lệ dự án đầu tư ứng phó BĐKH                  |                                                                | Tỷ lệ dự án đầu tư ứng phó BĐKH                  |
| 10. Tiêu dùng xanh          | Lượng phát thải KNK trên GRDP                    | Không áp dụng với TP Bắc Giang ở giai đoạn 2035 hướng tới ĐTX  |                                                  |
|                             | Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm than, dầu mỏ             |                                                                |                                                  |
| 11. Hợp tác xanh            | Mức độ tự chủ về tài chính                       | Không áp dụng với TP Bắc Giang ở giai đoạn 2035 hướng tới ĐTX  |                                                  |
| 12. Quản trị xanh           | Đã có chính sách ứng phó BĐKH chưa               | 9. Quản trị xanh                                               | Đã có chính sách ứng phó BĐKH chưa               |
|                             | Đã có điều lệ về TTX ít khí thải chưa            |                                                                | Đã có điều lệ về TTX ít khí thải chưa            |
|                             | Tỷ lệ cán bộ được đào tạo về TTX                 |                                                                | Tỷ lệ cán bộ được đào tạo về TTX                 |
| 13. Đời sống xanh           | Đã lập kế hoạch thực hiện xanh hoá               | 10. Đời sống xanh                                              | Đã lập kế hoạch thực hiện xanh hoá               |
|                             | Tỷ lệ tham gia của người dân vào chính sách xanh |                                                                | Tỷ lệ tham gia của người dân vào chính sách xanh |
|                             | Tỷ lệ dân số nghèo                               |                                                                | Tỷ lệ dân số nghèo                               |
| 14. An toàn xanh            | Tổng thiệt hại do thiên tai                      | Không áp dụng với TP Bắc Giang ở giai đoạn 2035 hướng tới ĐTX. |                                                  |
|                             | Tỷ lệ dân tại khu vực nguy cơ thiên tai          |                                                                |                                                  |

Dựa trên các nhóm tiêu phát triển ĐTX, một số tiêu chí TP Bắc Giang khó có thể đạt được như (tiêu chí 6 năng lượng mới tái tạo; tiêu chí số 10 tiêu dùng xanh; tiêu chí số 11 hợp tác xanh; tiêu chí số 14 an toàn xanh) đến năm 2035, do vậy TP Bắc Giang có thể hướng tới ĐTX chỉ đánh giá theo các tiêu chí theo Hình 2.5 như sau:

*Hình 2.5. Sơ đồ các tiêu chí ĐTX đề xuất áp dụng cho TP Bắc Giang.*

Từ mô hình và các tiêu chí của ĐTX theo dự án hỗ trợ quy hoạch ĐTX Việt Nam của KoiCa, các yếu tố liên quan tới KG KT CQ bao gồm: (1) Cấu trúc KG đô thị và sử dụng đất; (2) Công trình xanh; (3) Giao thông xanh; (4) Tuần hoàn tài nguyên; (5) Quản trị xanh. Đây cũng là cơ sở cơ bản để xác định các tiêu chí và giải pháp quản lý KG KT CQ cho thành phố Bắc giang hướng tới ĐTX ở Chương 3.

### 2.1.3. Phát triển đô thị bền vững

#### a) Tư tưởng phát triển bền vững:

Lần đầu tiên, năm 1987, trong báo cáo *“Tương lai của chúng ta”* Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển (WCED) do cựu thủ tướng Na Uy làm chủ tịch đã đưa ra ý tưởng và khái niệm về phát triển bền vững, đó là *“những thế hệ hiện tại cần đáp ứng các nhu cầu của mình, mà không làm tổn hại đến khả năng của thế hệ tương lai trong đáp ứng các nhu cầu của họ”*. [14]. Sau đó nhiều định nghĩa khác nhau lần lượt ra đời như:

- *“Phát triển bền vững là quá trình nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân loại trong phạm vi đáp ứng được của các hệ sinh thái”*. Chương trình môi trường của Liên hiệp quốc (UNEP).

- *“Phát triển bền vững chính là sự duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người về mặt xã hội, kinh tế, môi trường trong giới hạn khả năng chịu tải của các hệ sinh thái dịch vụ và cơ sở tài nguyên của môi trường, nghĩa là vẫn đảm bảo tính bền vững của môi trường”* ( Ngân hàng thế giới - WB).

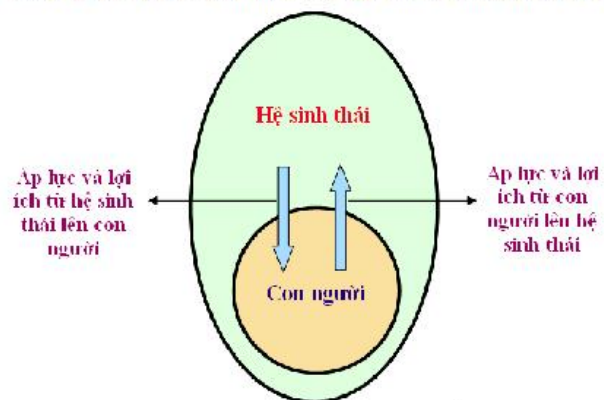
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 của Việt Nam được khái niệm: *“Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”*. [40]

- Phát triển bền vững có thể được minh họa theo mô hình “ba trụ cột” và mô hình “quả trứng”. Mô hình “ba trụ cột” được xây dựng dựa trên ba trụ cột

của phát triển bền vững là (tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường). [18]

- Mô hình “quả trứng” do Liên minh quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (IUCN) đưa ra năm 1994, trong đó minh họa mối quan hệ giữa con người và hệ sinh thái giống như lòng đỏ và lòng trắng của một quả trứng gà; điều này cho rằng, con người nằm trong hệ sinh thái và hai đối tượng này hoàn toàn phụ thuộc, tác động, chi phối lẫn nhau. Để xây dựng một xã hội PTBV, chương trình Môi trường Liên hợp Quốc đã đề ra 9 nguyên tắc: (i) tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng; (ii) cải thiện chất lượng cuộc sống con người; (iii) bảo vệ sức sống và tính đa dạng của Trái đất; (iv) quản lý những nguồn tài nguyên tái tạo được; (v) tôn trọng khả năng chịu đựng của Trái đất; (vi) thay đổi tập tục và thói quen cá nhân; (vii) để cho cộng đồng tự quản lý môi trường của mình; (viii) tạo ra một khuôn mẫu quốc gia thống nhất, thuận lợi cho việc PT và bảo vệ; (ix) xây dựng một mối liên minh toàn cầu. [18]

Phát triển bền vững – Con người ở điều kiện tốt + Hệ sinh thái ở điều kiện tốt



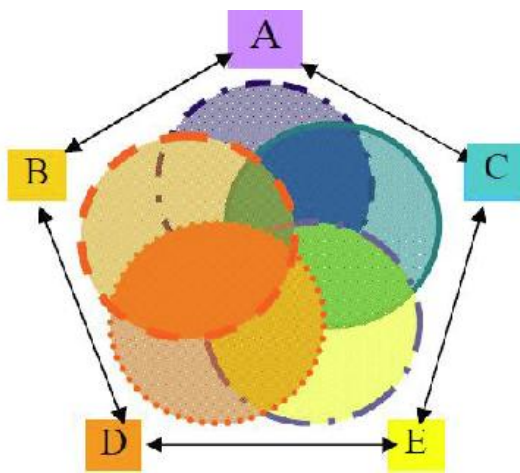
Hình 2.6. Mối quan hệ giữa các yếu tố của PTBV. [18]

Hình 2.7. Mô hình phát triển bền vững kiểu quả trứng. [18]

#### b) Đô thị phát triển bền vững:

Trên cơ sở khái niệm về PTBV, phát triển đô thị bền vững là một đối tượng và vật thể quan trọng trong xã hội phát triển và phát triển bền vững. Đô thị PTBV được dựa trên nguyên tắc (kinh tế đô thị - môi trường đô thị và văn hoá xã hội đô thị). Như vậy, có thể thấy mối quan hệ giữa các tiêu chí PT đô thị bền vững là một thể thống nhất, chặt chẽ, hữu cơ với nhau.

Trên cơ sở nguyên lý PTBV và với đặc thù của một đô thị, phát triển đô thị bền vững có thể được hiểu là “*mối quan hệ hữu cơ, mật thiết giữa: (A) Kinh tế đô thị, (B) Văn hoá xã hội đô thị, (C) Môi trường – Sinh thái đô thị, (D) Cơ sở hạ tầng đô thị và (E) Quản lý đô thị*”. Như vậy, khái niệm PTĐT bền vững được hiểu như sau: *Là ĐT có khả năng duy trì sự phát triển trong thời gian dài, có chất lượng cuộc sống tốt; phát triển hài hòa giữa Kinh tế, Xã hội và Môi trường.* [18]



Hình 2.8. Mô hình PTĐT bền vững. [18]

Từ sơ đồ, nhận thấy các mối quan hệ rất mật thiết, hữu cơ. Đó là sự thống nhất chặt chẽ vừa là hình học, vừa là kinh tế - xã hội, vừa là các mối liên hệ không thể thiếu trong các hoạt động của đô thị.

c) So sánh phát triển bền vững và PT đô thị bền vững:

| Phát triển bền vững                                                                                                                                                                                                                       | Đô thị phát triển bền vững                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. | Là đô thị có khả năng duy trì sự phát triển trong thời gian dài, có chất lượng cuộc sống tốt; phát triển hài hòa giữa Kinh tế, Xã hội và Môi trường. |

- Phát triển đô thị bền vững dù ở nước nào cũng phải có các tiêu chí chung về tất cả các mặt của đời sống xã hội. Phải đảm bảo sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các yếu tố “*Kinh tế, xã hội, môi trường*”.

- Để có “đô thị phát triển bền vững”, quá trình quy hoạch, xây dựng đô thị phải xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân; đồng thời nhà nước phải có chính sách quy hoạch tổng thể đô thị, đảm bảo khoa học và đồng bộ.

- Trong quá trình hành thành và phát triển ĐTBV, thì nghiên cứu và giáo dục giữ vai trò then chốt. Nó giáo dục con người phát triển toàn diện với ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng và PTĐT, còn khoa học thực hiện chức năng tư vấn thẩm định.

Như vậy, muốn phát triển bền vững dù ở bất cứ lĩnh vực nào cũng phải đáp ứng cả ba yếu tố hay còn gọi là trụ cột “*Kinh tế, xã hội và môi trường*”. Đối với đô thị PTBV cũng phải đáp ứng cả 3 trụ cột trên, cụ thể như sau:

+ *Mục tiêu kinh tế*: tăng trưởng, hiệu quả, ổn định.

+ *Mục tiêu xã hội*: việc làm đầy đủ, công bằng, an ninh xã hội, bản sắc văn hóa.

+ *Mục tiêu môi trường*: Môi trường trong sạch, sử dụng hợp lý tài nguyên có thể tái tạo được, bảo tồn tài nguyên không tái tạo được.

#### **2.1.4. Lý luận về quản lý đô thị và nội dung quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh**

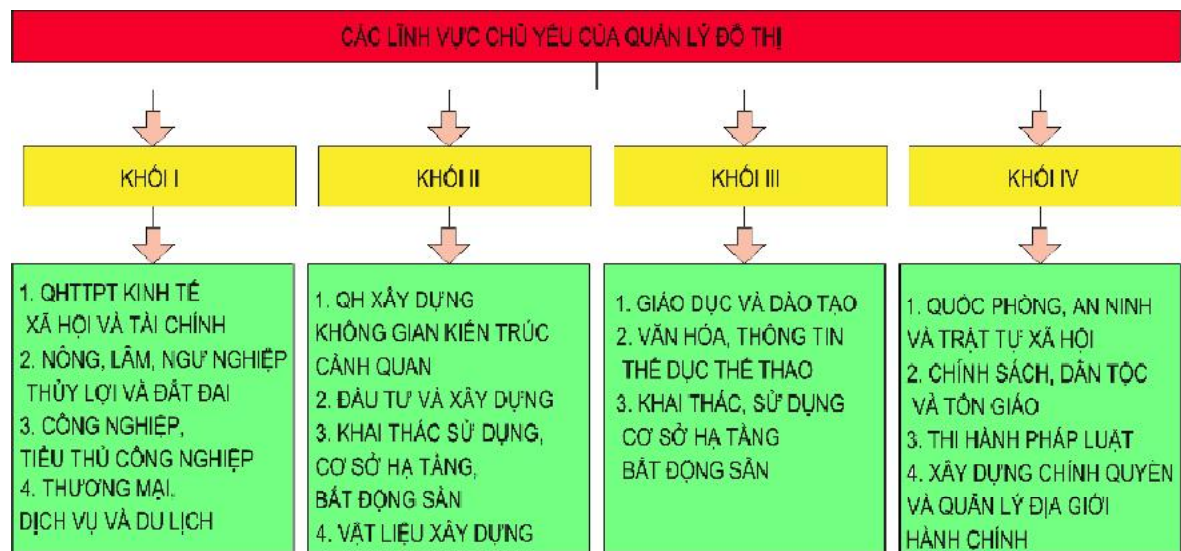
##### **a) Lý luận về quản lý đô thị:**

Quản lý đô thị luôn hướng tới những mục tiêu lớn nhất là truyền bá những tư tưởng tiến bộ và lối sống văn minh đô thị cho cộng đồng dân cư để giúp họ hướng tới một mục đích chung. Nhiệm vụ chủ yếu của quản lý đô thị là huy động và sử dụng các nguồn lực (tài chính, đất đai, nhân lực ...) để đạt được mục tiêu cải thiện điều kiện sống và làm việc ở đô thị cho tất cả mọi người có liên quan. [22]

Quản lý nhà nước ở ĐT là hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước can thiệp vào quá trình phát triển KT-XH, khai thác và điều phối việc sử dụng các nguồn lực (bao gồm tài nguyên thiên nhiên, tài chính và con người).

Quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và quản lý KG KTCQ là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của công tác quản lý đô thị, nhằm quản lý quá trình hình thành và phát triển môi trường vật thể của đô thị đảm bảo cho đô thị

phát triển hiệu quả, phục vụ tốt nhất nhu cầu vật chất và tinh thần của người dân. Nội dung quản lý Nhà nước về xây dựng và phát triển đô thị được quy định tại Luật Xây dựng, Luật QHĐT như: (1) Ban hành các quy định về quản lý xây dựng và phát triển đô thị; (2) Lập, xét duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị; (3) Quản lý việc đầu tư cải tạo và xây dựng các công trình trong đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt; (4) Phát triển văn hóa KT kết hợp bảo vệ các di sản văn hóa, lịch sử CQ và môi trường ĐT; (5) Quản lý việc sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng đô thị; (6) Giải quyết tranh chấp, thanh tra và xử lý vi phạm về trật tự xây dựng đô thị.



Hình 2.9. Vị trí của QL KG, KT, CQ trong QLĐT.

[Nguồn: PGS.TS. Trần Trọng Hanh, Chuyên đề QLĐT, ĐHKTHN]

*b) Nội dung quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan: [7]*

Không gian, kiến trúc, cảnh quan là một nội dung quan trọng trong QH xây dựng và phát triển đô thị. Xác định được tầm quan trọng Chính phủ đã ban hành Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về Quản lý KG KT CQ đô thị; Bộ Xây dựng cũng ban hành Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 hướng dẫn lập quy chế quản lý QH, KT đô thị. Nội dung quản lý nhà nước về KGKTCQ được quy định cụ thể tại Điều 6 của Nghị định 38/2010/NĐ-CP như sau:

- Đối với không gian đô thị:

+ Không gian tổng thể và các không gian cụ thể trong đô thị được quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Quản lý không gian đô thị hiện hữu theo các khu vực cơ bản sau: khu vực đô thị mới phát triển; khu vực bảo tồn; khu vực khác của đô thị; khu vực giáp ranh nội, ngoại thị;

+ Đảm bảo tính liên hệ, kết nối chặt chẽ về không gian, cảnh quan cho những vùng giáp ranh giữa nội thành, nội thị với ngoại thành, ngoại thị;

+ Kết hợp điều kiện địa hình, hệ thống cây xanh, mặt nước, hệ thống giao thông hiện có tạo ra không gian nối kết liên thông trong đô thị, thông gió tự nhiên, cải thiện môi trường đô thị;

+ Thiết kế đô thị cần khai thác hợp lý cảnh quan thiên nhiên nhằm tạo ra giá trị thẩm mỹ, gắn với tiện nghi, nâng cao hiệu quả sử dụng không gian và bảo vệ môi trường đô thị.

*- Đối với kiến trúc đô thị:*

+ Các công trình kiến trúc trong đô thị khi xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp phải phù hợp với QHĐT, TKĐT được duyệt, tuân thủ giấy phép xây dựng và các quy định tại quy chế quản lý QH, KT đô thị.

+ Không được chiếm dụng trái phép không gian đô thị nhằm mục đích tăng diện tích sử dụng công trình;

+ Diện tích, kích thước khu đất xây dựng công trình phải đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị của địa phương mới được cấp phép xây dựng;

+ Đối với các công trình xây dựng được cấp phép xây dựng mới bên trong khu vực đã được công nhận là di sản văn hóa phải nghiên cứu hình thức kiến trúc phù hợp, sử dụng vật liệu tương đồng về màu sắc, chất liệu với công trình di sản của khu vực;

+ Mặt ngoài công trình kiến trúc đô thị không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người, yêu cầu vệ sinh và an toàn giao thông.

*- Đối với cảnh quan đô thị:*

+ Cảnh quan đô thị là không gian cụ thể có nhiều hướng quan sát ở trong đô thị như không gian trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong đô thị và không gian sử dụng chung thuộc đô thị. [38]

+ Cảnh quan đô thị do chính quyền đô thị trực tiếp quản lý. Chủ sở hữu các công trình không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị có trách nhiệm bảo vệ, duy trì trong quá trình khai thác, sử dụng;

+ Việc xây dựng, cải tạo, chỉnh trang các công trình KT tại các khu vực cảnh quan trong DT đã được chính quyền DT xác định quản lý cần hạn chế tối đa việc làm thay đổi địa hình và bảo đảm sự phát triển bền vững của môi trường tự nhiên;

+ Đối với những khu vực có cảnh quan gắn với di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu vực bảo tồn, chính quyền đô thị phải căn cứ Luật Di sản văn hóa và các quy định hiện hành, phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức nghiên cứu, đánh giá về giá trị trước khi đề xuất giải pháp bảo tồn và khai thác phù hợp.

## **2.2. Cơ sở pháp lý**

### **2.2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật**

Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý KG KT CQ khá đồng bộ nhằm tăng cường công tác quản lý xây dựng DT và khu dân cư nông thôn. Quản lý KG KT CQ ở nước ta là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của công tác quy hoạch xây dựng đô thị, đang từng bước được hoàn thiện.

Công cụ chủ yếu để quản lý KG KT CQ đô thị là quy hoạch, kế hoạch. Định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị quốc gia đến năm 2020: Sơ đồ quy hoạch xây dựng vùng; QHC, QHCT đô thị và điều lệ quản lý QH cung cấp một hệ thống các quy định kiểm soát phát triển KG, KT, CQ đô thị, gồm những chỉ tiêu về phân khu chức năng, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, lộ giới, tầng cao, yêu cầu kiến trúc, CQ, bảo tồn, hạ tầng kỹ thuật...

Các văn bản pháp quy chủ yếu có liên quan đến nội dung quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị được ban hành hiện nay gồm: các văn bản về kiểm soát sự phát triển đô thị theo QH: giới thiệu địa điểm, cấp chứng chỉ quy hoạch, lập, xét duyệt các dự án đầu tư, giao đất, cho thuê đất, lập, thẩm định các thiết kế xây dựng, cấp giấy phép đầu tư, cấp giấy phép xây dựng đô thị, kiểm tra giám định chất lượng công trình; lập hồ sơ hoàn công; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình; các văn bản về thanh tra, kiểm tra, xử phạt hành chính trong quản lý trật tự xây dựng đô thị; phát triển nhà và đất, các văn bản về quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, bộ máy quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị; các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn thiết kế....

- *Luật Xây dựng năm 2014*, trong chương II về Quy hoạch xây dựng, tại điều 13, khoản 2 quy định Nguyên tắc tuân thủ đối với quy hoạch xây dựng gồm, “Việc thực hiện chương trình, hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và phù hợp với nguồn lực huy động; Cấp độ quy hoạch xây dựng phải bảo đảm thống nhất và phù hợp với quy hoạch có cấp độ cao hơn”. Bên cạnh đó, tại các Điều 23, nhiệm vụ và nội dung đồ án quy hoạch xây dựng vùng; Điều 26, QHC xây dựng khu chức năng đặc thù; Điều 27, QHPK xây dựng khu chức năng đặc thù; Điều 28, QHCT xây dựng khu chức năng đặc thù chưa đề cập đến nội dung việc lập và quản lý xây dựng QH cũng như quản lý KG KT CQ theo hướng đô thị xanh. [39]

- *Luật Quy hoạch đô thị năm 2009*, trong đó tại Chương V. Tổ chức thực hiện và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch. Tại Mục 2, Chương V, quy định các điều về Quản lý KG KT CQ đô thị; bao gồm: Nguyên tắc, trách nhiệm và quy chế quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị. [38]

Tại khoản 2, Điều 58 - Nguyên tắc quản lý KG KT CQ đô thị, Luật yêu cầu phải xin phép cơ quan quản lý có thẩm quyền khi có các hành động ảnh hưởng đến cây xanh: Việc xây mới, cải tạo, chỉnh trang, sửa chữa và phá bỏ

vật thể kiến trúc, cây xanh trong khu vực công cộng, khuôn viên công trình và nhà ở có ảnh hưởng đến KG KT CQ đô thị phải xin phép cơ quan quản lý có thẩm quyền.” Vấn đề cây xanh đô thị cũng được nêu tại điều 68 “*Quản lý cây xanh, công viên, cảnh quan tự nhiên và mặt nước*”:

1. Công viên, vườn hoa, cây xanh trong đô thị có giá trị về văn hoá, lịch sử, cảnh quan tự nhiên, cảnh quan đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền đưa vào danh mục quản lý hoặc được xác định trong quy hoạch phải được giao cho tổ chức, cá nhân quản lý.”

2. Việc xây dựng công viên, vườn hoa, trồng cây xanh theo quy hoạch đô thị phải đáp ứng các yêu cầu về sử dụng, mỹ quan, an toàn, môi trường đô thị; không làm hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng trên mặt đất, trên không, dưới mặt đất.”

3. Không được lấn chiếm hồ, mặt nước tự nhiên hoặc thay đổi các đặc điểm địa hình khác, gây ảnh hưởng xấu đến điều kiện tự nhiên và cảnh quan đô thị.”

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước và các khu vực tự nhiên khác trong đô thị. Việc chặt, phá, di dời cây xanh trong danh mục quản lý; san lấp, thay đổi địa hình các khu vực tự nhiên phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền cho phép.”

- *Nghị định số 38/2010/NĐ - CP* ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý KG KT CQ đô thị, bao gồm 5 chương và 35 điều, đây là văn bản pháp luật quy định chi tiết nhất về quản lý KG KT CQ đô thị. [7].

Tại điều 2, khoản 1 có nêu: “UBND thành phố, thị xã, thị trấn quản lý toàn diện không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Cơ quan có chức năng quản lý QH, KT đô thị ở địa phương có trách nhiệm giúp chính quyền đô thị quản lý KG KT CQ đô thị”.

Việc quản lý KG KT CQ đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Đối với những khu vực đô thị, tuyến phố chưa có QHCT, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy

hoạch, kiến trúc đô thị thì thực hiện việc quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải phù hợp với quy định trong Nghị định này.

Đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đô thị đến không gian cụ thể thuộc đô thị; phải có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, đồng thời tôn trọng tập quán, văn hoá địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan đô thị. Việc quản lý KG KT CQ đô thị phải căn cứ vào QH, TKĐT được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải được chính quyền đô thị quy định cụ thể bằng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

*Chương II. Nội dung quản lý KG KT CQ đô thị Điều 12. Quy định đối với cảnh quan công viên, cây xanh, cảnh quan nhân tạo có nêu:*

+ Cây xanh trong đô thị phải được trồng, chăm sóc, duy trì, bảo vệ, phân loại và bố trí theo quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn và pháp luật hiện hành.

+ Cây cổ thụ trong đô thị, khuôn viên của các công trình, các vườn tự nhiên, biệt thự, chùa, đền, am, miếu, nhà thờ, các di tích lịch sử - văn hoá, công trình công cộng ĐT được bảo vệ, quản lý theo quy định của pháp luật. Khuyến khích trồng các loại cây phù hợp với chức năng của các khu vực và tính chất của ĐT, khu vực đô thị, đảm bảo môi trường sinh thái; lựa chọn loại cây trồng có sự phối hợp màu sắc hài hoà, sinh động tạo nét đặc trưng riêng cho khu vực.

+ Đối với cảnh quan nhân tạo như ao, hồ, suối, tiểu cảnh, cây xanh, phải được thiết kế hợp lý, xây dựng phải đồng bộ, hài hòa cảnh quan, môi trường và phù hợp với chức năng, đặc điểm vùng miền, tính chất của đô thị.

- *Nghị định số 64/2010/NĐ - CP về quản lý cây xanh đô thị, Chương II Quy hoạch cây xanh đô thị, Điều 8 Yêu cầu đối với quy hoạch cây xanh đô thị và Điều 9 Nội dung quy hoạch cây xanh trong quy hoạch đô thị đã nêu:*

- Quy hoạch cây xanh đô thị phải phù hợp với yêu cầu và mục tiêu của quy hoạch đô thị và phát triển đô thị; phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng, tính chất, chức năng, truyền thống, văn hóa và bản sắc của đô thị.

- Kết hợp hài hòa với không gian mặt nước, cảnh quan và môi trường; đáp ứng các yêu cầu về quản lý và sử dụng; tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế cây xanh đô thị.

- Quy hoạch cây xanh đô thị là một nội dung trong quy hoạch đô thị; quy hoạch đô thị phải xác định chỉ tiêu đất cây xanh, tổng diện tích đất cây xanh cho toàn đô thị, từng khu vực đô thị (khu vực mới; khu vực cũ, cải tạo và khu vực dự trữ phát triển), diện tích đất để phát triển vườn ươm và phạm vi sử dụng đất cây xanh đô thị.

- Trong QHPK đô thị phải xác định cụ thể: vị trí, quy mô, tính chất, chức năng, phạm vi sử dụng đất cây xanh đô thị; các nguyên tắc lựa chọn loại cây trồng. QHCT đô thị phải xác định cụ thể: chủng loại cây, tiêu chuẩn cây trồng, các hình thức bố cục cây xanh trong các khu chức năng; xác định vị trí cây xanh trên đường phố.

- *Thông tư số 19/2010/TT - BXD* ngày 22/10/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Quy định khi lập quy chế cần quy định rõ về mật độ xây dựng, chiều cao công trình, khoảng lùi, chiều cao tầng nhà, hình thức kiểu dáng kiến trúc, màu sắc ngoài nhà và vật liệu sử dụng; Phân loại hệ thống công viên cây xanh; Quy định quản lý về việc trồng cây mới, chăm sóc cây xanh hiện có; Quản lý hệ thống công viên lớn, nhỏ; Bảo tồn hệ thống sông hồ và cảnh quan xung quanh.

- *Thông tư số 20/2005/TT - BXD* về hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị, Tại mục VI đã nêu:

+ Khuyến khích xã hội hóa công tác quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và phát triển vườn ươm cây theo quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các hoạt động dịch vụ cung cấp giống, cây trồng và chăm sóc, duy trì cây xanh đô thị được thực hiện theo hợp đồng với phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ.

+ Khuyến khích trồng cây xanh trên các rẻo đất trống, hành lang an toàn giao thông, các vùng cách ly công trình xử lý rác, công trình mai táng, nghĩa trang; sử dụng các bãi rác khi ngừng hoạt động chuyển thành vườn ươm cây xanh; Khuyến khích các hộ gia đình tự trồng cây xanh, đặc biệt trồng và chăm sóc cây trước mặt nhà, trên các tuyến phố theo quy hoạch và các quy định về chủng loại cây được duyệt.

### **2.2.2. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật**

- *Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam (QCVN) 01:2008/BXD* về Quy hoạch xây dựng là quy định bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng. Theo Quy chuẩn hệ thống cây xanh đô thị có 3 nhóm chính:

+ Cây xanh sử dụng công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa, vườn dạo..., bao gồm cả diện tích mặt nước nằm trong các khuôn viên các công trình này và diện tích cây xanh cảnh quan ven sông được quy hoạch xây dựng thuận lợi cho người dân đô thị tiếp cận và sử dụng cho các mục đích luyện tập TDTT, nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn...). Đối với các diện tích mặt nước không thường xuyên có nước, cần phải có các giải pháp quy hoạch đảm bảo cảnh quan môi trường khi không có nước.

+ Cây xanh đường phố (cây xanh, thảm cỏ trồng trong phạm vi chỉ giới đường đỏ). Tất cả các tuyến đường cấp phân khu vực trở lên đều phải trồng cây xanh đường phố. Cây xanh chuyên dụng (cách ly, phòng hộ, vườn ươm, nghiên cứu thực vật học, vườn ươm...).

Các yêu cầu đối với quy hoạch hệ thống cây xanh trong đô thị cũng được quy định rõ: Các KGX trong đô thị phải được gắn kết với nhau bằng các đường phố có trồng cây và các dải cây để hình thành một hệ thống xanh liên tục. Phải tận dụng đất ven hồ, kênh rạch và mọi khoảng trống có thể được cho cây xanh. Việc trồng cây phải không được làm ảnh hưởng tới an toàn giao

thông, không làm hư hại móng nhà và các công trình ngầm, không gây nguy hiểm, không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường. Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp ngoài đơn vị ở trong các đô thị bao gồm: công viên, vườn hoa phục vụ một hay nhiều đơn vị ở, toàn đô thị hoặc cấp vùng (bao gồm cả các công viên chuyên đề); diện tích mặt nước nằm trong khuôn viên các công viên, vườn hoa, trong đó chỉ tiêu mặt nước khi quy đổi ra chỉ tiêu đất cây xanh/người không chiếm quá 50% so với tổng chỉ tiêu diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng ngoài đơn vị ở.

- *Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN ) 4319:2012*: Tiêu chuẩn thiết kế nhà và công trình công cộng. Tiêu chuẩn đã đưa ra nguyên tắc khi thiết kế công trình nhà và công trình công cộng phải đảm bảo an toàn sinh mạng, vệ sinh môi trường, thông gió, chiếu sáng tự nhiên, chiếu sáng nhân tạo , đảm bảo an toàn cháy cho nhà và công trình.

- *Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN ) 9257:2012*: về quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - tiêu chuẩn thiết kế. Tiêu chuẩn đã đưa ra các chỉ tiêu tỷ lệ diện tích cây xanh cho công trình công cộng, cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa, cây xanh đường phố. Tuy nhiên, nhiều khu vực trên địa bàn TP Bắc Giang chưa đáp ứng được tiêu chuẩn này.

### **2.2.3. Các đồ án quy hoạch có liên quan**

- Đồ án Điều chỉnh QH xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016. Theo nội dung của đồ án, Bắc Giang được xác định là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), phát triển du lịch (Tây Yên Tử, Hồ Khuôn Thần, Hồ Cẩm Sơn...). Thành phố Bắc Giang là Cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn); đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Đồ án điều chỉnh QHC thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/12/2017. Có tính chất là Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận, trung chuyển hàng hóa của Vùng thủ đô Hà Nội. Quy hoạch đã phân vùng phát triển KG đô thị thành 9 vùng có tích chất khác nhau. Quy hoạch đã chú trọng đến tăng tỷ lệ cây xanh, KGX và KT, CQ của thành phố. Đặc biệt các khu xây dựng mới phải xây dựng theo “**tiêu chí của đô thị xanh**”. Tuy nhiên, các nội dung của quy hoạch cũng chỉ đề cập đến tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tạo mảng xanh làm vùng đệm giữa các khu dân cư với nhau bằng KGX và nông nghiệp công nghệ cao, quy hoạch chưa đưa ra giải pháp hữu hiệu nào cho TP để hướng tới ĐTX.

*Hình 2.10. Đồ án điều chỉnh QHC thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. [53]*



*Hình 2.11. Đồ án quy hoạch phân khu số 2 TP Bắc Giang  
[Nguồn: QH phân khu số 2]*



*Hình 2.12. Đồ án quy hoạch phân khu số 3 TP Bắc Giang  
[Nguồn: QH phân khu số 3]*

- Các đồ án QHPK số 2, số 3, số 4 của TP Bắc Giang và QHCT có liên quan (khu đô thị mới phía Nam, Khu dân cư số 1, số 2...); theo nội dung của các đồ án này đã xác định các khu vực trung tâm, khu quảng trường, cây xanh mặt nước, đồng thời cũng đưa ra khung thiết kế đô thị để quản lý KG KT CQ và mục tiêu chung là điều hướng tới “**đô thị xanh**”.

#### 2.2.4. Các Nghị quyết, Quyết định có liên quan

- Nghị Quyết 138 - NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Mục tiêu của Nghị quyết đưa TP Bắc Giang đến năm 2030 trở thành đô thị loại I, nâng cao chất lượng đời sống của người dân; chú trọng công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, đảm bảo TP Bắc Giang “**xanh - sạch - đẹp**” hài hoà với thiên nhiên.

- Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Trong đó xác định phát triển TP Bắc Giang phải nâng cao chất lượng đời sống của người dân; bảo vệ và cải thiện môi trường; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng hoàn thiện công viên, cây xanh công cộng để tạo môi trường cảnh quan đẹp theo “**hướng đô thị xanh**” cho thành phố. Tiếp tục xây dựng đô thị theo tiêu chí đô thị tăng trưởng xanh và đô thị thông minh ở một số lĩnh vực.

- Quyết định số 1537/QĐ-UBND Ngày 06/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, cảnh quan và thiết kế mẫu nhà ở một số tuyến đường chính, thuộc QHPK số 02. Trong đó, Quy chế nêu rõ, việc quản lý KG KT CQ đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý và mẫu thiết kế được duyệt, đồng thời đưa ra các nguyên tắc để quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan; quản lý các trục đường, tuyến phố chính; quản lý các khu vực khuôn viên cây xanh, cảnh quan tự nhiên; quản lý đối với khu vực Trung tâm hành chính...

- Quyết định 682/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Ban hành kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Với trọng tâm là phát triển các cụm ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa, hướng đến nền kinh tế carbon thấp, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên. Cải thiện vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng cảnh quan.

### ***2.2.5. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cảnh quan TP Bắc Giang***

Ngày 13/9/2016 UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cảnh quan đô thị thành phố Bắc Giang, được quy định nội dung chính như sau:

#### ***a) Quản lý quy hoạch và không gian:***

- Đối với các trục tuyến phố chính mà các lô đất dọc hai bên đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được duyệt: Các công trình tiếp giáp mặt đường phải tuân thủ Quy định quản lý ban hành theo đồ án quy hoạch đã được duyệt.

- Đối với các trục tuyến phố chính mà lô đất dọc hai bên chưa có quy hoạch chi tiết 1/500 được duyệt: Lập quy hoạch theo tuyến hoặc lập tổng mặt bằng xây dựng công trình đảm bảo theo các quy định hiện hành, trình các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt trước khi lập dự án.

- Áp dụng thi thiết kế kiến trúc công trình: Tại khu vực 2 bên trục, tuyến đường chính, các công trình có đủ điều kiện phải tổ chức thi thiết kế kiến trúc theo quy định về Hướng dẫn thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng hiện hành.

#### ***b) Quy định đối với kiến trúc công trình:***

- Hình thức kiến trúc : Kiến trúc công trình cần thể hiện phong cách hiện đại phù hợp đặc điểm khí hậu và CQ khu vực. Các yếu tố kiến trúc truyền thống dân tộc và khu vực cần được kết hợp có chất lọc để không tạo thành công trình có hình thức hỗn tạp hoặc lạc hậu. Hình khối, đường nét có bố cục, đảm bảo tỷ lệ và tỷ xích; hình thức kiến trúc không nặng nề mà thanh nhã, hài hòa với tổng thể và cảnh quan chung. Các chi tiết KT ngoài mặt đứng cần được thiết kế đảm bảo chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ tổng thể công trình.

- Vật liệu và các chi tiết kiến trúc : Trên mặt đứng hạn chế sử dụng kính (hoặc chất liệu tương tự) có diện tích lớn; Không sử dụng vật liệu phản quang ốp mặt ngoài công trình; Không lắp dựng thêm các vật kiến trúc khác cao hơn tổng chiều cao cho phép của công trình; không sử dụng các vật kiến trúc chắp vá tạm thời trên mặt ngoài các công trình kiến trúc kiên cố;

- Màu sắc mặt đứng công trình: Sử dụng màu sắc phù hợp tính chất sử dụng của công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh; không sơn màu đen, màu tối sẫm quá sắc sỡ và trang trí các chi tiết phản mỹ thuật.

*c) Quy định đối với cảnh quan:*

- Cây xanh trên trục tuyến phố chính: Đảm bảo chất lượng thẩm mỹ cho không gian toàn trục, tuyến phố (chọn loại cây có thân, tán, hoa đẹp) ; khuyến khích sử dụng từ một đến ba loại cây trên một đoạn hoặc cả trục đường, tuyến phố để tạo bản sắc riêng; bố cục cây có nhịp điệu và sinh động, phối kết cây bóng mát với cây trang trí, hình thức cấu tạo phù hợp, hài hòa với cảnh quan chung. Đảm bảo theo quy định của đồ án QHPK, QHCT đã được phê duyệt và các quy định khác tại các văn bản pháp luật hiện hành liên quan (Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về Quản lý cây xanh đô thị; Thông tư 20/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị).

- Hàng rào các công trình trên trục tuyến phố chính : Phải tuân thủ QH chi tiết 1/500 hoặc đồ án thiết kế đô thị (nếu có). Trường hợp chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị thì thiết kế hàng rào hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa 2,0m trong đó phần tường xây đặc cao tối đa 0,8m tính từ cốt vỉa hè và phải hài hòa với kiến trúc công trình, với hàng rào của công trình lân cận; khuyến khích để thoáng hoặc sử dụng bồn hoa thay thế hàng rào.

- Bố trí, tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên các trục đường, tuyến phố chính: Ngoài việc phải tuân thủ quy định về kỹ thuật và an toàn quy định tại các đồ án quy hoạch đô thị và các văn bản pháp luật liên quan, đồng thời cần đảm bảo: Các thành phần công trình hạ tầng và trang trang thiết bị kỹ thuật trên đường phố chính phải chọn loại có hình thức thẩm mỹ cao hoặc được thiết kế riêng để tạo sắc thái cho trục tuyến phố; đồng thời phải đảm bảo yêu cầu sử dụng, vận hành và góp phần nâng cao chất lượng thẩm mỹ đường phố.

- Quảng cáo trên các trục tuyến phố chính : Tuân thủ theo quy định của Luật Quảng cáo và các quy định có liên quan. Việc kết hợp quảng cáo cần theo đúng quy định pháp luật về quảng cáo và có thiết kế được cơ quan quản lý chuyên môn duyệt theo phân cấp chấp thuận. Các hình thức không được phép quảng cáo bao gồm : Quảng cáo di động đặt trên vỉa hè; quảng cáo trên

thân cây, cột điện, bảng điện tử nhô ra không gian hè phố; quảng cáo bằng tờ rơi hoặc bằng âm thanh trái phép.

- Quản lý cây xanh đô thị: Tuân thủ các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đồng thời góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; đồng thời phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho cơ quan quản lý theo quy định cấp có thẩm quyền. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình đường ống kỹ thuật hoặc khi hạ ngầm các công trình đường dây, cáp nổi tại các đô thị có liên quan đến việc bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển, trồng mới cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho cơ quan quản lý cây xanh trên địa bàn biết để giám sát thực hiện. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải tuân thủ theo Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

- Trục cảnh quan tự nhiên: Sông Thương là hành lang sinh thái tự nhiên và giải trí, mang lại cơ hội cho sự phát triển giải trí và thương mại dịch vụ. Đây là một trong những yếu tố tự nhiên tạo nên nét đặc trưng cho thành phố.



Hình 2.13. Quản lý KG KT CQ trục thương mại dịch vụ. [53]

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cảnh quan TP Bắc Giang đã quy định các không gian công cộng, nhà ở, công viên, vườn hoa, cây xanh, hình thái kiến trúc công trình... Tuy nhiên, mới chỉ dừng ở mức chung chung, chưa cụ

thể hóa các khu vực, do đó trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng KG KT CQ còn gặp khó khăn, nên chưa tạo được cảnh quan đẹp cho đô thị.

### **2.3. Các yếu tố tác động đến quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh**

#### **2.3.1. Bối cảnh phát triển thành phố Bắc Giang đến năm 2035**

Hiện tại TP Bắc Giang gồm 10 phường và 6 xã với tổng diện tích 6.677ha bao gồm (nội thành 2.210ha, ngoại thành 4.467ha). Định hướng đến năm 2035 mở rộng lên 14.398ha, trong đó (*nội thành 6.677ha, ngoại thành 7.740 ha*) đã được thông qua tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 8/9/2017 của HĐND thành phố Bắc Giang. Hướng phát triển đô thị của TP Bắc Giang đến năm 2035 phát triển theo hướng “*Đô thị xanh*”, gồm 4 hướng sau:

- *Hướng 1*: Phát triển về phía Nam, Đông Nam về các xã Tân Tiến, Đồng Sơn, Hương Gián, Nội Hoàng, Tiên Phong và một phần xã Song Khê, phát triển khu đô thị gắn với dịch vụ trung chuyển hàng hóa, khu đô thị đào tạo, các khu sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao gắn với khu du lịch núi Nham Biền và văn hóa tâm linh.

- *Hướng 2*: Phát triển về phía Tây, tại các phường, xã Mỹ Độ, Tân Mỹ, Tăng Tiến và một phần xã Song Khê gắn với khu đô thị tổng hợp, dịch vụ y tế, văn hóa gắn công nghiệp chất lượng cao.

- *Hướng 3*: Phát triển theo hướng Bắc, Tây Bắc về phía các phường, xã Đa Mai, Song Mai, Xuân Hương. Phát triển khu đô thị sinh thái, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, các khu du lịch gắn với đồi Quảng Phúc và núi Nghĩa Trung.

- *Hướng 4*: Phát triển theo hướng Đông và Đông Bắc về các xã Tân Dĩnh, Dĩnh Trì, Thái Đào và thị trấn Tân Dân hình thành khu dịch vụ đầu mối và trung chuyển tại giao điểm đường VD5 và Hà nội-Lạng Sơn, Xã Thái Đào hình thành trung tâm dịch vụ cửa ngõ về dịch vụ nông sản gắn với QL 31 giao với vành đai 5 vùng thủ đô. Tại Tân Dân phát triển đô thị dịch vụ gắn với tuyến du lịch Tây Yên tử và du lịch văn hóa tâm linh chùa Vĩnh Nghiêm

### 2.3.2. *Thế chế và công cụ quản lý đô thị*

a) *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chung của cấp ủy, chính quyền về quy hoạch và phát triển đô thị:*

- **Cấp trung ương:** Ngày 6/5/2016 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Điều chỉnh QHXD Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch xác định TP Bắc Giang là Cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn); đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- **Cấp tỉnh:** Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang ban hành Nghị quyết chuyên đề số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, giai đoạn 2016-2020. Mục tiêu của Nghị quyết đưa TP Bắc Giang đến năm 2030 trở thành đô thị loại I, nâng cao chất lượng đời sống của người dân; chú trọng công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, đảm bảo TP Bắc Giang “**xanh - sạch - đẹp**” hài hoà với thiên nhiên.

Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Trong đó xác định phát triển TP Bắc Giang phải nâng cao chất lượng đời sống của người dân; bảo vệ và cải thiện môi trường; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng hoàn thiện công viên, cây xanh công cộng để tạo môi trường cảnh quan đẹp theo “**hướng đô thị xanh**” cho thành phố.

- **Cấp thành phố:** Thành ủy Bắc Giang đã ban hành Chương trình số 01-CTr/TU về đầu tư, phát triển đô thị thành phố Bắc Giang giai đoạn 2015 – 2020 nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Bắc Giang lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 – 2020; Ban Thường vụ Thành ủy đã xây dựng Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 13/10/2016 thực hiện 02 Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển đô thị và giao thông. UBND thành phố xây dựng Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2016 tổ chức thực hiện Chương trình “Đầu tư, phát triển đô thị thành phố Bắc Giang giai đoạn 2015 - 2020”; xây dựng và ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 30/12/2016 triển khai thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

*b) Công tác triển khai quy hoạch của ngành xây dựng sau khi đồ án quy hoạch chung được duyệt:*

- Đã tổ chức lập Quy chế quản lý Quy hoạch, kiến trúc đô thị TP Bắc Giang và được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014; tổ chức điều chỉnh Quy chế năm 2016 và ban hành tại Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016. Trên cơ sở đó làm cơ sở để quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng theo quy hoạch, quản lý kiến trúc công trình tại TP Bắc Giang đạt nhiều chuyển biến tích cực.

- Đã triển khai lập 03 đồ án QHPK theo quy hoạch chung (Quy hoạch phân khu số 02 thành phố, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 02/02/2016; diện tích khoảng 1.217,9ha, dân số đến năm 2030 khoảng 50.220 người; Quy hoạch phân khu số 03 thành phố, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 19/9/2016; quy mô diện tích 1.300ha, dân số quy hoạch đến năm 2030 là 41.690 người; Quy hoạch phân khu số 04 thành phố được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018; quy mô diện tích 1.927ha, dân số quy hoạch đến năm 2030 là 63.080 người.

- Đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật: Đã lập Đồ án Quy hoạch chuyên ngành giao thông thành phố đến năm 2030 và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/5/2017; Đang triển khai lập Đồ án Quy hoạch chuyên ngành thoát nước đô thị TP đến năm 2030, hiện đang hoàn thiện đồ án để trình duyệt.

- UBND thành phố đang triển khai lập Chương trình phát triển đô thị thành phố đến năm 2035, hiện đang hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đã triển khai lập Hồ sơ khu vực đề xuất phát triển đô thị kèm theo kế hoạch phát triển ĐT được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 làm cơ sở đầu tư các dự án phát triển ĐT.

*Hình 2.14. Sơ đồ hệ thống bộ máy quản lý nhà nước và thể chế ban hành.*

### **2.3.3. Khung cảnh quan thiên nhiên thành phố Bắc Giang**

Khung cảnh quan là yếu tố quan trọng đầu tiên trong tạo hình không gian kiến trúc. Theo lý luận quan hệ hình - nền thì có thể coi khung cảnh quan là nền, các công trình kiến trúc là hình. Do đó khung cảnh quan được xác định làm nền cho bố cục KG, KT đô thị. Khi đặt công trình kiến trúc phải dựa trên yếu tố có sẵn là nền cảnh quan sao cho phù hợp, có nghĩa là cảnh quan sẽ cấu thành nên hình thái đô thị. Hệ thống các công trình kiến trúc cần phải có hình thái phù hợp, hài hòa với địa hình. Khi bố trí công trình kiến trúc cần tránh

tình trạng che khuất hoặc làm biến dạng cảnh quan thiên nhiên. Như vậy một bức tranh có đẹp, hoàn thiện là phụ thuộc vào mối quan hệ giữa hệ thống các công trình kiến trúc và khung cảnh thiên nhiên. TP Bắc Giang là một đô thị có bề dày lịch sử khá lâu đời, do đó, KT, CQ đô thị có những giá trị đặc trưng cần được tôn tạo và khai thác trong PT đô thị. Về không gian đô thị, nhìn chung, khu vực đô thị cũ đã phát triển ổn định, mật độ xây dựng thấp, còn nhiều quỹ đất trống để mở rộng và phát triển KG, KT, CQ cho đô thị.

Cảnh quan thiên nhiên của Bắc Giang tương đối bằng phẳng, có địa hình phong phú tạo nên những khu vực cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn. Có nhiều cây xanh, mặt nước, tỷ lệ đất nông nghiệp nhiều, đất công nghiệp thấp; cảnh quan tự nhiên còn hoang sơ, chưa bị phá vỡ như: dãy núi Nham Biền, với 99 ngọn núi; Đồi Quảng phúc là nơi có thể phát triển dịch vụ, du lịch gắn với khu nghỉ dưỡng sinh thái. Đặc biệt Bắc Giang còn có dòng Sông Thương chảy giữa TP, là một giá trị cảnh quan rất quan trọng, liên kết giữa đô thị với sông Thương, vừa là nơi điều tiết nước tưới tiêu cho hệ thống nông nghiệp, đồng thời tạo ra cảnh quan đẹp, điều hòa vi khí hậu cho TP.

#### **2.3.4. Khoa học và công nghệ**

Yếu tố khoa học kỹ thuật với công nghệ tiên tiến tác động rất lớn đến quá trình đổi mới trong việc tạo lập KG KT CQ của đô thị đặc biệt là trong bối cảnh công nghệ phát triển như vũ bão. Kỹ thuật là yếu tố tạo lập vật chất của không gian kiến trúc nói chung và công trình kiến trúc nói riêng. Vai trò của kỹ thuật đã được thể hiện ở những mức độ khác nhau. Mọi thành tựu về khoa học kỹ thuật đều có vai trò cải tạo và thay đổi nghệ thuật tạo hình kiến trúc và môi trường kiến trúc cảnh quan đô thị.

Lựa chọn công nghệ xây dựng nói chung cũng như đối với kiến trúc cảnh quan nói riêng phải phù hợp với điều kiện kinh tế kỹ thuật, điều kiện tự nhiên của địa phương, nó sẽ phát huy tốt vai trò của khoa học kỹ thuật trong việc xây dựng KT, CQ đô thị. Những yếu tố chính tạo nên công nghệ là con người, công cụ lao động, vật liệu xây dựng, cùng những yếu tố về văn hóa xã

hội và truyền thông là những yếu tố cần lựa chọn để xác định công nghệ thích hợp của chúng ta.

Trong công tác quản lý KG KT CQ có một vấn đề lớn là các thông tin dạng bản đồ quy hoạch hiện nay chủ yếu tồn tại dưới dạng tài liệu giấy, độ chính xác thấp, khó xác minh ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất nên độ tin cậy chưa cao, đặc biệt là trong điều kiện các biến động đất đai diễn ra nhanh như hiện nay thì việc cập nhật thông tin theo phương pháp thủ công (đo vẽ lại bản đồ) không thể theo kịp, các thông tin liên quan khác lại phân tán chưa tích hợp với thông tin dạng bản đồ để trở thành một hệ thống thông tin tổng thể, các nhà quản lý không được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời nên khó có thể đưa ra các quyết định, giải pháp khi đứng trước một yêu cầu về quản lý đô thị nói chung và quản lý KG KT CQ nói riêng.

Công nghệ GIS (Geographic Information System) bắt đầu hình thành từ những năm 1960 và được ứng dụng ở đa lĩnh vực, đa ngành nghề và đã trở thành một công cụ hỗ trợ hữu ích trong nhiều hoạt động kinh tế xã hội của nhiều nước trên thế giới. Tại Việt Nam, GIS được biết đến từ những năm 1990 và đã có nhiều nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực: quản lý đất đai, quản lý du lịch...

### ***2.3.5. Vai trò của cộng đồng dân cư***

Kinh nghiệm thực tiễn tại các thành phố ở nhiều quốc gia và trong nước đã chứng minh vai trò của sự tham gia cộng đồng dân cư trong việc quản lý KG KT CQ là hết sức quan trọng. Cộng đồng cần được tạo điều kiện để tham gia, tham dự, kiểm tra, giám sát và đóng góp các nguồn lực góp phần quản lý KG KT CQ đô thị đạt hiệu quả cao. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, trong đó nhấn mạnh nội dung “Nhân dân làm chủ” với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra” và Pháp lệnh số 34/2007/PL-TVQH11 ngày 6/4/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn là cơ sở để cộng đồng, dân cư tham gia

trong công tác quản lý KG KT CQ đô thị. Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong các nội dung: (1) Quá trình lập QH, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc; (2) lập kế hoạch, chương trình phát triển hệ thống đô thị xanh; (3) quản lý khai thác và sử dụng hệ thống KG KT CQ với việc kiểm tra, giám sát thực hiện và duy tu bảo dưỡng, chăm sóc; (4) phát triển nguồn lực. [7].

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, vai trò của cộng đồng dân cư đóng góp vào công tác quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, xây dựng, trồng cây xanh, vệ sinh môi trường còn rất mờ nhạt, mang tính hình thức. Các đồ án quy hoạch hầu như không lấy ý kiến đến người dân trong khu vực lập quy hoạch mà chủ yếu xin ở chính quyền các cấp như: Lãnh đạo xã, Bí thư, trưởng thôn; công tác công bố công khai quy hoạch còn chưa kịp thời, công bố chưa đầy đủ nên nhiều người dân chưa hiểu và chưa biết đến quy hoạch dẫn đến quá trình giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công xây dựng công trình gặp nhiều khó khăn do không được đồng thuận của người dân. Đây là một vấn đề cần phải quan tâm giải quyết, khắc phục sớm trong thời gian tới.

#### ***2.3.6. Lối sống và văn hóa địa phương***

Thành phố Bắc Giang là vùng đất cổ, có nhiều di tích lịch sử văn hoá, tài nguyên du lịch tự nhiên có điểm du lịch Sông Thương và điểm du lịch đồi Quảng Phúc. Các di tích lịch sử, văn hóa đều gắn với những truyền thuyết và những lễ hội của dân tộc như: Chùa Kê, nghề Cỏ (phường Dĩnh Kê); Chùa Thành, đình Thành, lễ hội kỷ niệm chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang; Chùa Hồng Phúc (phường Trần Nguyên Hãn); Chùa Dền (phường Lê Lợi) và một số lễ hội và làng nghề truyền thống. Hiện tại, việc phát triển du lịch của thành phố Bắc Giang nằm trong việc phát triển các lễ hội truyền thống, bên cạnh đó cũng đang hình thành và phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch nhà vườn, du lịch cuối tuần ở những nơi có vị trí địa lý thuận lợi, qua đó đã tác động làm tăng số lượng khách du lịch đến với TP Bắc Giang. Tất cả đã mang lại cho Bắc Giang một nguồn tài nguyên du lịch văn hóa phong phú và đa dạng. Nguồn tài nguyên này là điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển du

lịch văn hóa trên địa bàn. Những yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể này đã tạo nên yếu tố cốt lõi hay nói đúng hơn nó là một dạng tài nguyên văn hóa để tạo nên sản phẩm du lịch và đặc biệt là du lịch văn hóa.

Các giá trị văn hóa lịch sử vật thể và phi vật thể chủ yếu nằm trên địa bàn các huyện, tuy nhiên thành phố Bắc Giang là đô thị trung tâm nên cần có những nghiên cứu kế thừa và phát huy các truyền thống này trong việc tạo lập không gian văn hóa vui chơi giải trí nhằm giới thiệu và quảng bá cũng như giữ gìn nền văn hóa giàu bản sắc của Bắc Giang.

#### **2.4. Một số bài học kinh nghiệm**

Quản lý KG KT CQ đô thị là một nội dung quan trọng công tác quản lý đô thị, nó phản ánh hệ thống quản lý nhà nước của mỗi chính quyền đô thị ở các cấp. Sau khi nghiên cứu tổng quan, cơ sở khoa học về quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX trên thế giới và Việt Nam; để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang, luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

##### ***2.4.1. Bài học thứ nhất: Về xây dựng cơ sở pháp lý và công cụ quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan hướng tới đô thị xanh***

Để thực hiện tốt công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang cần phải xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước để làm cơ sở quản lý, thực hiện và ban hành các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội vào thực hiện việc đầu tư, xây dựng và phát triển đô thị, đồng thời phải đưa nội dung ĐTX vào ngay từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị, Chương trình phát triển đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị làm công cụ để quản lý, cấp phép và thực hiện theo quy hoạch, nội dung này có thể tham khảo và học tập tại Nhật Bản, Malaysia, Hội An, TP Đà Nẵng...

##### ***2.4.2. Bài học thứ hai: Về nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân về đô thị xanh***

Để xây dựng và quản lý tốt không gian, kiến trúc, cảnh quan ở các đô thị nói chung và ĐTX nói riêng, thì nhận thức của các cấp ủy đảng, chính

quyền và người dân về ĐTX là hết sức quan trọng, nó xuất phát từ Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho đến cán bộ, người dân trực tiếp thực hiện và quản lý, nên công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, cán bộ công chức và người dân cần phải làm sâu rộng và ngay từ đầu. Kinh nghiệm này có thể tham khảo và vận dụng ở một số đô thị trên thế giới và Việt Nam, ví dụ như: Ý tưởng phát triển Singapore thành “thành phố vườn” từ những năm 1960; Thành phố Lyon của Pháp, năm 1992, TP đã đưa ra chính sách “cam kết sinh thái đô thị”; hoặc Thành phố Đà Lạt trở thành “thành phố trong rừng và rừng trong thành phố”; Thành phố Đà Nẵng, thành phố đáng sống, thân thiện với môi trường.

#### ***2.4.3. Bài học thứ ba: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ***

Để quản lý tốt KG KT CQ hướng tới ĐTX, thì con người đóng vai trò hết sức quan trọng, sự thành công của các đô thị phần lớn phụ thuộc vào trình độ, năng lực quản lý của con người, do đó cần phải thường xuyên, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ở các cấp chính quyền đô thị. Ví dụ bài học này có thể tìm thấy kinh nghiệm ở các đô thị trong nước như: SaPa, Đà Lạt, Đà Nẵng, Bắc Ninh...và các thành phố ở nước ngoài như: Lyon, Nhật Bản, Singapore... Họ đã chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho chính quyền đô thị.

#### ***2.4.4. Bài học thứ tư: Phát triển hạ tầng giao thông xanh***

Việc người dân tham gia sử dụng giao thông công cộng, giao thông ít gây ô nhiễm môi trường sẽ góp phần giảm tải cho hạ tầng giao thông, tránh ùn tắc giao thông, đồng thời giảm khí phát thải vào môi trường. Bài học kinh nghiệm này thu được rút ra từ TP Amsterdam của Hà Lan. TP Amsterdam đã đổi mới chính sách giao thông như nâng cấp và mở rộng hệ thống xe lửa, xe điện, tàu điện ngầm và cơ sở hạ tầng xe đạp; TP đã quy hoạch 450km đường xe đạp. Chính phủ đã khuyến khích người dân sử dụng xe đạp với phương châm “xe đạp là người bạn đồng hành đáng tin cậy”. Bài học đi xe đạp được đưa vào trong trường học; ngoài ra còn học tập kinh nghiệm giao thông công

cộng ở Nhật Bản, Hàn Quốc... Đối với Việt Nam có thể học tập ở Hội An phát triển giao thông đi bộ và sử dụng xe đạp.

**2.4.5. Bài học thứ năm: phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và sự tham gia của người dân trong công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX**

Cộng đồng dân cư đóng một vai trò hết sức quan trọng, trong công tác xây dựng, phát triển ĐTX và quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX, Người dân có thể tham gia đóng góp ý kiến ngay từ khâu lập nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch, đồng thời người dân còn đóng góp vào trong quá trình xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ, công trình công cộng, trồng và quản lý, chăm sóc cây xanh tại các tuyến đường, công trình công cộng và công viên vườn hoa. Các kinh nghiệm này phải kể đến thành phố Curitiba - Brazil, người dân TP Curitiba cùng nhau trồng 1,5 triệu cây xanh dọc theo đường cao tốc của TP; hoặc thành phố Lyon của Pháp; hay Nhật Bản khi lập quy hoạch, việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư rất nhiều lần, đảm bảo 70% người dân chấp thuận thì quy hoạch đó mới được duyệt.

**2.4.6. Bài học thứ sáu: Về hợp tác, liên kết mạng lưới đô thị xanh**

Thường xuyên tham gia mạng lưới đô thị xanh trong nước và ngoài nước. Hợp tác, liên kết và chia sẻ những kinh nghiệm giữa các các đô thị tương đồng với nhau (giữa các cấp chính quyền đô thị) là yêu cầu cần thiết để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về KG KT CQ hướng tới ĐTX. Nội dung này, hiện nay một số TP trên thế giới thực hiện tương đối tốt như: Singapore, Melbourne hay Lyon. Ở Việt Nam thành phố Đà Nẵng, Hội An, Đà Lạt... đã làm tốt công tác hợp tác, liên kết với các đô thị, thường xuyên tham gia các diễn đàn đô thị trong nước và quốc tế.

### CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN THÀNH PHỐ BẮC GIANG HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ XANH

#### **3.1. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc**

##### **3.1.1. Quan điểm**

a) Xây dựng TP Bắc Giang trở thành đô thị xanh là một quá trình đòi hỏi phải có nhận thức đúng, có chính sách, cơ chế phù hợp nhằm huy động các nguồn lực cần thiết và được sự chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt của các cấp chính quyền, với sự tham gia tự nguyện của người dân.

b) Trong giai đoạn quá độ phát triển TP Bắc Giang trở thành đô thị xanh, theo góc độ quản lý KG KT CQ đến năm 2035, việc đầu tư xây dựng và phát triển TP chủ yếu tập trung vào một số vấn đề cốt lõi, khả thi, hướng tới đô thị bền vững dựa trên ba trụ cột: “*Sinh thái, mỹ quan và sạch*”; nhằm xây dựng TP Bắc Giang theo hướng xanh hóa cảnh quan; làm sạch TP dựa trên mô hình đô thị tuần hoàn, giảm thiểu khí phát thải gây ô nhiễm môi trường, ứng phó hiệu quả với BĐKH; bảo tồn, gìn giữ bản sắc, kiểm soát quá trình phát triển KG KT CQ của TP, góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ của đô thị.

c) Quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang phải tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan; các quy hoạch đô thị; thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, cơ sở dữ liệu và các công cụ hiệu quả của công nghệ thông tin.

d) Hiệu quả quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh, trước hết phụ thuộc vào năng lực của chính quyền đô thị; vai trò của cộng đồng và sự tham gia tích cực của dân cư và hợp tác quốc tế.

e) Xây dựng TP Bắc Giang hướng tới ĐTX là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân, đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, nhằm huy động được các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn, đất đai, con người, khoa học công nghệ, thông tin...

### 3.1.2. Mục tiêu

#### a) Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường công tác quản lý KGKTCQ nhằm xây dựng TP Bắc Giang đến năm 2035 hướng tới ĐTX, trong đó tập trung chủ yếu vào việc hoàn thành một số mục tiêu cơ bản: Xanh hóa cảnh quan, cải thiện hình ảnh và bảo vệ môi trường đô thị, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

#### b) Mục tiêu cụ thể:

Để cụ thể hóa mục tiêu tổng quát trên, trong giai đoạn quá độ, luận án tập trung thực hiện ba mục tiêu cụ thể trong quản lý KG KT CQ áp dụng cho TP Bắc Giang sau:

- *Mục tiêu thứ nhất:* Xanh hóa cảnh quan thông qua các giải pháp quản lý phát triển hệ thống không gian xanh theo quy hoạch.

- *Mục tiêu thứ hai:* Nâng cao chất lượng KG KT CQ gắn với bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử có giá trị; phát triển công trình xanh và kiến trúc xanh; tăng cường quản lý trật tự xây dựng và cải thiện hình ảnh đô thị.

- *Mục tiêu thứ ba:* Bảo vệ môi trường trong đó tập trung làm sạch TP dựa trên việc áp dụng mô hình “Đô thị tuần hoàn” trong điều kiện thực tiễn của TP Bắc Giang và có biện pháp ứng phó hiệu quả của BĐKH.

### 3.1.3. Nguyên tắc

c) *Nguyên tắc 1:* Việc quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang phải tuân thủ các cơ sở pháp lý, quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) *Nguyên tắc 2:* Hoàn thiện cơ sở pháp lý và công cụ quản lý như: văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các văn bản pháp lý khác có liên quan; quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị, quy chế quản lý QH kiến trúc đô thị, cơ sở dữ liệu và công nghệ thông tin.

c) *Nguyên tắc 3:* Phải đồng bộ hóa các tiêu chí quản lý KG KT CQ cho TP Bắc Giang trong giai đoạn quá độ hướng tới đô thị xanh.

*d) Nguyên tắc 4:* Đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể ĐT đến không gian cụ thể; phải có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên của địa phương.

*e) Nguyên tắc 5:* Tôn trọng tập quán, văn hóa của địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để giữ gìn bản sắc kiến trúc, cảnh quan đô thị của TP Bắc Giang.

*f) Nguyên tắc 6:* Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của tỉnh với TP Bắc Giang; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.

*g) Nguyên tắc 7:* Quy định rõ trách nhiệm cho người đứng đầu; phân công, phân quyền phù hợp với trình độ, năng lực, bộ máy quản lý của từng địa phương.

*h) Nguyên tắc 8:* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý quản lý KG, KT, CQ TP Bắc Giang.

### **3.2. Định hướng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh**

Căn cứ vào quy hoạch chung của TP Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn 2050; Nghị quyết số 138-NQ/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch, Chương trình phát triển đô thị của tỉnh và các tiêu chí phát triển ĐTX. Định hướng phát triển KG KT CQ thành phố Bắc Giang đến năm 2035 trở thành đô thị loại I; phát triển TP Bắc Giang thân thiện với môi trường, đảm bảo “**xanh - sạch - đẹp**” hài hoà với thiên nhiên; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng hoàn thiện công viên, cây xanh công cộng để tạo môi trường cảnh quan đẹp theo “**hướng đô thị xanh**” cho thành phố.

Định hướng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang đến năm 2035 được theo 5 nội dung của phát triển KG KT CQ của ĐTX đã phân tích ở Chương 2, cụ thể như sau:

*a) Cấu trúc không gian và sử dụng đất:*

- Tập trung quản lý phát triển các công trình công cộng như: khu trung tâm hành chính, văn hóa - xã hội của tỉnh, trung tâm thương mại, tài chính quảng trường mừng 3/2). Khu vực này khi xây mới phải theo công trình xanh; phát triển xây dựng với mật độ thấp, tăng diện tích cây xanh, không gian công cộng; hạn chế xây dựng các công trình cao tầng, đặc biệt khu vực Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ; khu di tích lịch sử Thành Xương Giang;

- Tiết kiệm đất đai, sử dụng đất hiệu quả, giảm diện tích xây dựng tại các khu đô thị mới, tăng chiều cao tầng cho các công trình;

- Không gian xanh hợp lý; khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống không gian xanh (không gian tự nhiên, bán tự nhiên, nhân tạo); diện tích cây xanh đảm bảo tối thiểu 18m<sup>2</sup>/người.

*b) Giao thông xanh:*

- Mở rộng các tuyến đường trục chính của thành phố với mặt cắt ngang từ 27-48m; cải tạo, nâng cấp phát triển các tuyến đường giao thông công cộng; ưu tiên các tuyến đường cho xe đạp và người đi bộ;

- Tập trung phát triển giao thông xanh, giảm khí phát thải Co<sub>2</sub> ra môi trường. Trong đó chú trọng phát triển giao thông công cộng, xe đạp và đi bộ (đến năm 2035 đạt khoảng 30% người dân sử dụng giao thông xe đạp và đi bộ; 40% tham gia giao thông công cộng; 30% xe cá nhân).

- Ban hành các chính sách giao thông công cộng bền vững;

*c) Sinh thái xanh, môi trường xanh, rác thải, tuần hoàn tài nguyên:*

- Tỷ lệ nước thải được thu gom và xử lý đạt 100%; Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và nước thải; sử dụng tuần hoàn hệ thống nước mưa, nước thải.

- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom về khu xử lý tập trung và được xử lý đạt tỷ lệ 100%;

- Phải phân loại rác thải tại nguồn ( hữu cơ, vô cơ và chất thải nguy hại), sử dụng công nghệ tái chế chất thải rắn như: phát điện, làm phân bón, gạch không nung hoặc tạo ra các vật liệu khác để sử dụng; hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn;

- Đường phố thường xuyên phải hút bụi, quét, rửa dọn vệ sinh làm sạch thành phố;

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nghĩa trang, di chuyển, thu gom các nghĩa trang nhỏ lẻ, đưa về nghĩa trang tập trung của TP; phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường tới khu dân cư theo đúng quy chuẩn;

- Hạn chế việc sử dụng nghĩa trang hung táng, khuyến khích các hình thức hỏa táng.

*d) Công trình xanh:*

- Các công trình công cộng và các khu đô thị mới phía Nam, Tây Nam thành phố định hướng phát triển theo công trình xanh ( tối thiểu 70% công trình công cộng đáp ứng tiêu chí công trình xanh).

- Các công trình công cộng, cơ quan hành chính, văn phòng, thương mại, khách sạn phát triển công trình kiến trúc xanh; sử dụng năng lượng tái tạo, tận dụng ánh sáng tự nhiên, thân thiện với môi trường.

- Các công trình phải được sử dụng vật liệu cách nhiệt, thông gió tự nhiên; tuần hoàn không khí trong công trình;

- Sử dụng vật liệu địa phương ( 80% gạch không nung);

- Phủ xanh tường công trình chống bức xạ nhiệt ( tối thiểu 20% diện tích được trồng cây xanh).

*e) Công nghiệp xanh:*

- Phát triển các nhà máy, xí nghiệp tập trung tại các Khu, Cụm công nghiệp, không phát triển nhỏ lẻ; các nhà máy phải dành tối thiểu 20% quỹ đất để trồng cây xanh;

- Các nhà máy sản xuất phải sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo khí thải, khói bụi, không gây ô nhiễm môi trường; sử dụng hệ thống nước tuần hoàn để sản xuất và tái sử dụng;

- Phát triển công nghiệp bền vững hạn chế phát thải CO<sub>2</sub>; 100% rác thải phải được thu gom và xử lý triệt để;

### **3.3. Các tiêu chí quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh**

#### **3.3.1 Cơ sở để thiết lập các tiêu chí.**

Việc thiết lập các tiêu chí quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh dựa vào các cơ sở sau:

- Mô hình và các tiêu chí của ĐTX đã phân tích ở Chương 2, gồm 5 yếu tố: (1) Cấu trúc KG đô thị và sử dụng đất; (2) Công trình xanh; (3) Giao thông xanh; (4) Tuần hoàn tài nguyên; (5) Quản trị xanh.

- Nghị Quyết 138 - NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; Đồ án điều chỉnh QHC TP Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Điều kiện cụ thể của TP Bắc Giang gồm: Điều kiện tự nhiên; kinh tế, văn hóa - xã hội; trình độ năng lực quản lý của chính quyền các cấp và sự tham gia của cộng đồng dân cư.

#### **3.3.2. Các tiêu chí quản lý KG KT CQ của thành phố Bắc Giang trở thành đô thị xanh vào năm 2050**

Dựa vào các yếu tố hình thành ĐTX, các tiêu chí KG KT CQ của ĐTX cho thành phố Bắc Giang, các tiêu chí để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang trở thành đô thị xanh cụ thể như sau:

*a) Tiêu chí 1: Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trở thành đô thị xanh.*

- Mức độ thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Cụ thể hóa các chiến lược, cơ chế chính sách PTĐT hướng tới ĐTX;

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về KG KT CQ hướng tới đô thị xanh.

- Lập quy hoạch đô thị và tổ chức KG KT CQ thành phố Bắc Giang theo mô hình ĐTX.

- Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc.

*b) Tiêu chí 2: Phân vùng quản lý KG KT CQ và xác định các yêu cầu để quản lý đối với từng khu vực.*

- Phân vùng quản lý KG KT CQ phù hợp với đặc điểm tự nhiên, hợp lý về đối tượng và nội dung quản lý KG KT CQ.

- Các chính sách, các quy định quản lý KG KT CQ đối với các vùng.

*c) Tiêu chí 3: Xanh hóa cảnh quan:*

- Quy mô không gian xanh hợp lý;

- Đánh giá việc đầu tư phát triển hệ thống không gian xanh theo quy hoạch được duyệt;

- Khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống không gian xanh.

*d) Tiêu chí 4: Nâng cao chất lượng KG KT CQ.*

- Bảo tồn phát huy các giá trị về KG KT CQ, phát triển công trình kiến trúc xanh và bảo vệ giữ gìn các công trình kiến trúc có giá trị;

- Trật tự xây dựng đô thị;

- Phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh chủ yếu như: công trình công cộng và các khu đô thị mới;

- Kiểm soát quá trình hình thành và phát triển diện mạo, cải thiện hình ảnh đô thị.

*e) Tiêu chí 5: Bảo vệ môi trường đô thị và thích ứng với BĐKH*

- Xây dựng kết cấu hạ tầng làm sạch môi trường TP dựa trên mô hình đô thị tuần hoàn:

- + Tổ chức phân loại, thu gom các chất thải tại nguồn;

- + Vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu xử lý tập trung của thành phố và xử lý đạt tiêu chuẩn 3R (Giảm thiểu; tái sử dụng; tái chế);
- + Nhà máy sản xuất phải sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo khí thải, khói bụi không gây ô nhiễm môi trường;
- + Tổ chức di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán về nghĩa trang tập trung của thành phố;
- + Đường phố thường xuyên phải hút bụi, quét, rửa dọn vệ sinh làm sạch thành phố;
- + Tiếp nhận và áp dụng công nghệ tuần hoàn nước mưa, nước thải;
- Xây dựng kết cấu hạ tầng xanh ứng phó với BĐKH;
- + Lựa chọn kịch bản biến đổi khí hậu;
- + Giảm thiểu các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu;
- + Thích ứng với quá trình biến đổi khí hậu.

*f) Tiêu chí 6: Năng lực và hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước.*

- Phân loại và phân cấp đô thị;
- Chức năng nhiệm vụ quyền hạn và phân công trách nhiệm về cơ cấu tổ chức của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Sự phối hợp giữa bộ phận tham mưu với cơ quan quản lý nhà nước.
- Đội ngũ cán bộ công chức;
- Hiệu quả đầu tư công và sử dụng tài chính công;

*g) Tiêu chí 7: Vai trò của cộng đồng và sự tham gia cộng đồng dân cư.*

- Nhận thức và hiểu biết về KG KT CQ hướng tới đô thị xanh;
- Vai trò của cộng đồng và tham gia của cộng đồng dân cư;
- Huy động các nguồn lực xã hội trong quản lý KG KT CQ hướng tới đô thị xanh;
- Giám sát của cộng đồng dân cư.

*h) Tiêu chí 8: Hợp tác, liên kết và tham gia mạng lưới đô thị xanh.*

- Tham gia mạng lưới đô thị xanh trong nước và ngoài nước.

- Hợp tác với các đô thị xanh trong nước và ngoài nước (giữa các cấp chính quyền đô thị).
- Là thành viên của diễn đàn đô thị trong nước và quốc tế.
- Sử dụng các nguồn tài trợ trong việc đào tạo năng lực quản lý KG KT CQ hướng tới đô thị xanh.
- Khai thác kinh nghiệm của các ĐTX để vận dụng vào công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.

### ***3.3.3. Các tiêu chí quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh đến năm 2035***

Như đã phân tích ở Chương 2, thành phố Bắc Giang đến năm 2035 chưa thể phát triển hoàn chỉnh và đáp ứng theo các chỉ tiêu, tiêu chí của ĐTX. Do vậy, trong giai đoạn quá độ, để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX vào năm 2035, trước mắt Bắc Giang mới chỉ đáp ứng được một số tiêu chí như đã đề xuất ở trên, cụ thể như sau:

#### ***a) Tiêu chí 3: Xanh hóa cảnh quan:***

- (1) Quy mô không gian xanh hợp lý;
- (2) Đánh giá việc đầu tư phát triển hệ thống không gian xanh theo quy hoạch được duyệt;
- (3) Khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống không gian xanh.

#### ***b) Tiêu chí 4: Nâng cao chất lượng KG KT CQ.***

- (4) Bảo tồn phát huy các giá trị về KG KT CQ, phát triển công trình kiến trúc xanh và bảo vệ giữ gìn các công trình kiến trúc có giá trị;
- (5) Trật tự xây dựng đô thị;
- (6) Phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh chủ yếu như: công trình công cộng và các khu đô thị mới;
- (7) Kiểm soát quá trình hình thành và phát triển diện mạo, cải thiện hình ảnh đô thị.

#### ***c) Tiêu chí 5: Bảo vệ môi trường đô thị và thích ứng với BĐKH***

- Xây dựng kết cấu hạ tầng làm sạch môi trường TP dựa trên mô hình đô thị tuần hoàn:

(8) Tổ chức phân loại, thu gom các chất thải tại nguồn;

(9) Vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu xử lý tập trung của thành phố và xử lý đạt tiêu chuẩn 3R(Giảm thiểu; tái sử dụng; tái chế);

(10) Nhà máy sản xuất phải sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo khí thải, khói bụi không gây ô nhiễm môi trường;

(11) Tổ chức di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán về nghĩa trang tập trung của thành phố;

(12) Đường phố thường xuyên phải hút bụi, quét, rửa dọn vệ sinh làm sạch thành phố;

(13) Tiếp nhận và áp dụng công nghệ tuần hoàn nước mưa, nước thải;

- Xây dựng kết cấu hạ tầng xanh ứng phó với BĐKH:

(14) Lựa chọn kịch bản biến đổi khí hậu;

(15) Giảm thiểu các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu;

(16) Thích ứng với quá trình biến đổi khí hậu.

Để xác định được yêu cầu cũng như các giải pháp trong công tác quản lý đô thị hướng tới ĐTX cần phải đánh giá được hiệu quả của công tác này theo các tiêu chí (Bảng 3.2).

*Bảng 3.1. Bảng đánh giá mức độ hiệu quả của công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.*

| T<br>T | Tiêu chí                                                          | Trọng<br>số | Các chỉ số đánh giá                                                                                                                      | Mức độ để đánh giá                                                                                                          | Trọng<br>số<br>riêng |
|--------|-------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1      | Xanh hóa<br>cảnh quan.                                            | 30          | 1. Quy mô không gian xanh hợp lý;                                                                                                        | Tối thiểu đảm bảo 18m2/người                                                                                                | 10                   |
|        |                                                                   |             | 2. Đánh giá việc đầu tư phát triển hệ thống không gian xanh theo quy hoạch được duyệt;                                                   | Đạt từ 70% trở lên                                                                                                          | 10                   |
|        |                                                                   |             | 3. Khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống không gian xanh.                                                                               | Sử dụng đúng mục đích, tính chất theo QH.                                                                                   | 10                   |
| 2      | Nâng cao<br>chất lượng<br>không gian,<br>kiến trúc,<br>cảnh quan. | 30          | 1. Bảo tồn phát huy các giá trị về KG KT CQ, phát triển công trình kiến trúc xanh và bảo vệ giữ gìn các công trình kiến trúc có giá trị. | Bảo tồn tối thiểu được 70% công trình có giá trị                                                                            | 7,5                  |
|        |                                                                   |             | 2. Trật tự xây dựng đô thị.                                                                                                              | - Xây dựng đúng giấy phép tối thiểu 70% công trình được cấp phép.<br>- Không để công trình nào xây dựng không có giấy phép. | 7,5                  |
|        |                                                                   |             | 3. Phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh chủ yếu như: công trình công cộng và các khu đô thị mới.                                   | - Tối thiểu 70% công trình công cộng đạt kiến trúc xanh.<br>- Các khu đô thị mới đạt từ 70% trở lên.                        | 7,5                  |
|        |                                                                   |             | 4. Kiểm soát quá trình hình thành và phát triển diện mạo, cải thiện hình ảnh đô thị.                                                     | Kiểm soát được tối thiểu 70% theo quy hoạch, kế hoạch, đề án được duyệt.                                                    | 7,5                  |
|        |                                                                   |             | 1. Xây dựng kết cấu hạ tầng làm sạch môi trường TP dựa trên mô hình đô thị tuần hoàn:                                                    |                                                                                                                             |                      |

|   |                                       |    |                                                                                                                  |                                                                         |     |
|---|---------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3 | Bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH. | 40 | 1.1. Tổ chức phân loại, thu gom các chất thải tại nguồn;                                                         | Phân loại tại nguồn đạt từ 50% trở lên                                  | 4,5 |
|   |                                       |    | 1.2. Vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu xử lý tập trung của thành phố (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế); | Vận chuyển và xử lý 3R đạt từ 70% trở lên.                              | 4,5 |
|   |                                       |    | 1.3. Nhà máy sản xuất phải sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo khí thải, khói bụi không gây ô nhiễm môi trường; | Nhà máy phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. | 4,5 |
|   |                                       |    | 1.4. Tổ chức di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán về nghĩa trang tập trung của thành phố;                     | Di dời tối thiểu 70% nghĩa trang nhỏ lẻ về nghĩa trang tập trung.       | 4,5 |
|   |                                       |    | 1.5. Đường phố thường xuyên phải hút bụi, quét, rửa dọn vệ sinh làm sạch thành phố;                              | Tối thiểu thực hiện 1 lần/ngày                                          | 4,5 |
|   |                                       |    | 1.6. Tiếp nhận và áp dụng công nghệ tuần hoàn nước mưa, nước thải.                                               | Xử lý tuần hoàn được 70% lượng nước được tiếp nhận.                     | 4,5 |
|   |                                       |    | <b>2. Xây dựng kết cấu hạ tầng xanh ứng phó với BĐKH:</b>                                                        |                                                                         |     |
|   |                                       |    | 2.1. Lựa chọn kịch bản BĐKH;                                                                                     | Phù hợp với địa phương                                                  | 4,5 |
|   |                                       |    | 2.2. Giảm thiểu các tác động tiêu cực do BĐKH;                                                                   | Tốt                                                                     | 4,5 |
|   |                                       |    | 2.3. Thích ứng với BĐKH.                                                                                         | Tốt                                                                     | 4,5 |

Để đánh giá mức độ hiệu quả của công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX đến năm 2035 có thể tiến hành bằng nhiều phương pháp nhưng theo kinh nghiệm thực tế cho thấy việc đánh giá bằng cách cho điểm là khá phổ biến và hiệu quả. Tổng điểm để đánh giá ĐTX là 100 điểm được chia làm 03 nhóm như sau:

- Mức 1 hoàn thành các tiêu chí của ĐTX: từ 80-100 điểm đạt ĐTX

- Mức 2 hoàn thành cơ bản các tiêu chí của ĐTX: từ 60-80 điểm đạt hướng tới ĐTX.

- Mức 3 không hoàn thành các tiêu chí của ĐTX: dưới 60 điểm không đạt hướng tới ĐTX.

### 3.4. Các yêu cầu quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.

Căn cứ vào định hướng phát triển và các tiêu chí quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh, luận án đề xuất các yêu cầu quản lý như sau:

#### 3.4.1. Yêu cầu về xanh hóa cảnh quan

- Về quy mô không gian xanh:

Căn cứ vào thực trạng diện tích đất cây xanh của TP Bắc Giang (hiện trạng 14,94m<sup>2</sup>/người); quy chuẩn quy hoạch (15m<sup>2</sup>/người). Luận án đề xuất yêu cầu tăng tỷ lệ đất cây xanh toàn đô thị đạt từ 18 m<sup>2</sup> - 20 m<sup>2</sup>/người. Tổng diện tích không gian xanh của TP là 3.867ha (*chi tiết tại Bảng 3.1*).

*Bảng 3.2. Yêu cầu quy mô diện tích KGX của TP Bắc Giang đến năm 2035.*

| TT       | Loại cây xanh                    | Hiện trạng   |           | Đến 2035     |           | Ghi chú                                                    |
|----------|----------------------------------|--------------|-----------|--------------|-----------|------------------------------------------------------------|
|          |                                  | Quy mô (ha)  | Tỷ lệ %   | Quy mô (ha)  | Tỷ lệ %   |                                                            |
| <b>1</b> | <b>Không gian xanh tự nhiên</b>  | <b>470</b>   | <b>12</b> | <b>470</b>   | <b>12</b> | KGX tự nhiên không thay đổi do cần phải gìn giữ và bảo vệ. |
| 1.1      | Cây xanh rừng đặc dụng, phòng hộ | 242          |           | 242          |           |                                                            |
| 1.2      | Mặt nước ( Sông, ngòi, kênh )    | 228          |           | 228          |           |                                                            |
|          |                                  | <b>3.247</b> | <b>84</b> | <b>2.437</b> | <b>63</b> | KGX bán tự nhiên giảm, do PTĐT và mở                       |

|          |                                     |              |            |              |            |                                                     |
|----------|-------------------------------------|--------------|------------|--------------|------------|-----------------------------------------------------|
| <b>2</b> | <b>Không gian xanh bán tự nhiên</b> |              |            |              |            | rộng KGX nhân tạo tại các khu vực PTĐT được mở rộng |
| 2.1      | Không gian sản xuất nông nghiệp     | 2.776        |            | 1.287        |            |                                                     |
| 2.2      | Rừng sản xuất                       | 208          |            | 200          |            |                                                     |
| 2.3      | Mặt nước ( ao, hồ, suối..)          | 263          |            | 950          |            |                                                     |
| <b>3</b> | <b>Không gian xanh nhân tạo</b>     | <b>150</b>   | <b>4,0</b> | <b>960</b>   | <b>25</b>  | KGX nhân tạo tăng do mở rộng và PTĐT                |
| 3.1      | Cây xanh công cộng                  | 50           |            | 330          |            |                                                     |
| 3.2      | Cây xanh đường phố                  | 30           |            | 250          |            |                                                     |
| 3.3      | Cây xanh chuyên dùng                | 70           |            | 380          |            |                                                     |
| <b>4</b> | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>3.867</b> | <b>100</b> | <b>3.867</b> | <b>100</b> |                                                     |

*- Quản lý phát triển hệ thống không gian xanh:*

+ Đối với không gian tự nhiên: Khu vực núi Nham Biền, đồi Quảng Phúc và hệ thống Sông Thương, ngòi, kênh...tuyệt đối không được xâm hại; cần phải có biện pháp để tôn tạo, bảo vệ gìn giữ để tạo cảnh quan đẹp, điều tiết nước và chống sạt lở, sụt lún để ứng phó với BĐKH. Hai bên bờ Sông Thương tăng cường trồng cây xanh; việc trồng cây xanh nghiên cứu theo chủ đề, theo địa hình, không gian tự nhiên; hạn chế việc đào đắp, xây dựng làm phá vỡ cảnh quan. Đặc biệt phải xóa bỏ các bên cảng vật liệu xây dựng, cảng than đang hoạt động hai bên bờ Sông Thương; Khu vực ngoài đô thị cho phép xây dựng các công trình dịch vụ thương mại, giải trí khai thác theo mùa (mật độ xây dựng  $\leq 3\%$ ; tầng cao xây dựng từ 1-2 tầng).

+ Đối với không gian xanh bán tự nhiên: Khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, rừng sản xuất, hệ thống ao, hồ nước, kênh Bún, ngòi Đa Mai phải kiểm soát chặt chẽ và hạn chế phát triển các công trình cao tầng. Đây là các khu vực được khai thác sử dụng theo mùa, kết hợp giữa công viên và vùng

trồng cây nông nghiệp ngắn ngày như rau, hoa, cây cảnh... phục vụ đô thị, mật độ xây dựng:  $\leq 3\%$ ; tầng cao trung bình 1-2 tầng.

+ Đối với không gian xanh nhân tạo: Khu vực công viên, quảng trường, CX đường phố, CX cách ly, thảm xanh, hồ nước...Khuyến khích trồng cây bóng mát theo chủ đề, các loại cây đặc trưng của địa phương. Các đường phố lớn, có vỉa hè rộng ngoài trồng CX bóng mát, khuyến khích trồng các dải xanh và bồn hoa thấp để tạo hình ảnh đẹp và giảm bê tông hóa cho ĐT. Trong các đơn vị ở, kết hợp các loại cây trồng theo tầng và nhiều chủng loại khác nhau, tạo màu sắc phong phú cho các vườn hoa, khu vui chơi giải trí trong đô thị, mật độ xây dựng:  $\leq 5\%$ ; tầng cao trung bình 1-2 tầng.

### **3.4.2. Yêu cầu về quản lý KT CQ và nâng cao chất lượng mỹ quan đô thị**

- *Bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử có giá trị:* Đối với khu di tích lịch sử, công trình tôn giáo, phải tuân thủ các quy định bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích theo Luật di sản. Các không gian trong khu di tích cần được phân loại một cách rõ ràng giữa các không gian tĩnh và các không gian động, các không gian đóng và không gian mở, không gian linh thiêng với các không gian vui chơi nghỉ ngơi thư giãn nhưng phải liên kết với nhau thành một quần thể thống nhất. Đối với công trình xây mới quanh khu di tích cần phải nghiên cứu hình khối, màu sắc, ánh sáng hài hòa với cảnh quan xung quanh; tầng cao  $\leq 5$  tầng tùy theo khoảng cách từ công trình đến di tích (càng gần di tích, công trình có chiều cao thấp dần).

- *Trật tự xây dựng đô thị:* Việc đầu tư xây dựng phải tuân thủ theo đúng quy hoạch, hồ sơ thiết kế được phê duyệt và giấy phép xây dựng được cấp. Đối với mặt chính của công trình: màu sắc, kiến trúc phải được chú trọng, hài hòa với cảnh quan chung của khu vực; quản lý chặt chẽ việc lấn chiếm lòng đường, vỉa hè đảm bảo mỹ quan cho đô thị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời.

- *Phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh*: Chú trọng phát triển công trình kiến trúc xanh, đặc biệt là các công trình công cộng, thương mại dịch vụ và khu đô thị mới phía Nam TP, nhằm tạo lập cảnh quan hài hòa, bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực giữa công trình kiến trúc với cảnh quan xung quanh; khai thác các yếu tố tự nhiên, sử dụng hiệu quả không khí và ánh sáng tự nhiên; tiết kiệm năng lượng, hiệu quả và tận dụng nguồn năng lượng tái tạo; sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, tăng tỷ lệ cây xanh (tối thiểu 20% diện tích được trồng cây xanh).

- *Cải thiện hình ảnh đô thị*: Các tuyến phố chính phải quản lý chặt chẽ về khoảng lùi, mật độ xây dựng, tầng cao, màu sắc, các biển quảng cáo phải tuân thủ đúng với QHCT và thiết kế đô thị được duyệt; phát động người dân thường xuyên tham gia dọn vệ sinh, sơn sửa lại mặt chính của ngôi nhà và cắt tỉa cây cho gọn gàng, tạo mỹ quan cho đô thị, đảm bảo “*xanh - sạch - đẹp*”

### **3.4.3. Yêu cầu về phát triển kết cấu hạ tầng xanh và bảo vệ môi trường TP**

*a) Yêu cầu về phát triển kết cấu hạ tầng xanh làm sạch thành phố dựa trên mô hình đô thị tuần hoàn:*

- *Về phát triển kết cấu hạ tầng xanh*:

+ Tăng cường, phát triển hệ thống giao thông công cộng, phát triển phương tiện cá nhân như (xe đạp, xe điện); hạn chế xe cơ giới, giảm thiểu phát thải ra môi trường (tỷ lệ người dân tham gia giao thông công cộng đạt khoảng 40%; người dân sử dụng xe đạp, xe điện, đi bộ khoảng 30%);

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc) phải có phương án cải tạo để ngầm hóa đảm bảo mỹ quan cho đô thị; phần đầu đến năm 2035 đạt trên 70% hệ thống thông tin được ngầm hóa;

+ Tỷ lệ nước thải được thu gom và xử lý đạt 100%; Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và nước thải; sử dụng tuần hoàn hệ thống nước mưa, nước thải.

- *Về làm sạch thành phố*:

+ Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom về khu xử lý tập trung và được xử lý đạt tỷ lệ 100%;

+ Yêu cầu về phân loại rác thải tại nguồn ( hữu cơ, vô cơ và chất thải nguy hại), sử dụng công nghệ tái chế chất thải rắn như: phát điện, làm phân bón, gạch không nung hoặc tạo ra các vật liệu khác để sử dụng; hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn;

+ Các nhà máy sản xuất phải sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo khí thải, khói bụi, không gây ô nhiễm môi trường;

+ Đường phố thường xuyên phải hút bụi, quét, rửa dọn vệ sinh làm sạch thành phố;

+ Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nghĩa trang, di chuyển, thu gom các nghĩa trang nhỏ lẻ, đưa về nghĩa trang tập trung của TP; phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường tới khu dân cư theo đúng quy chuẩn;

+ Hạn chế việc sử dụng nghĩa trang hung táng, khuyến khích các hình thức hỏa táng.

*b) Yêu cầu về phát triển kết cấu hạ tầng xanh ứng phó với BĐKH*

+ Chọn kích bản biến đổi khí hậu cho phù hợp;

+ Kết cấu hạ tầng xanh giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu;

+ Kết cấu hạ tầng xanh thích ứng BĐKH, tăng cường sức đề kháng của đô thị.

### **3.5. Các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh**

#### **3.5.1. Nhóm giải pháp 1: Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.**

UBND thành phố Bắc Giang sớm xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các biện pháp để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX như:

*a) Ban hành cơ chế chính sách:*

Lồng ghép các tiêu chí ĐTX vào các chương trình, mục tiêu phát triển đô thị của TP Bắc Giang và tỉnh Bắc Giang:

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh Điều chỉnh Chương trình PTĐT toàn tỉnh, trong đó cần bổ sung tác tiêu chí của ĐTX cho TP Bắc Giang và các đô thị tương đồng;

- UBND thành phố Bắc Giang sớm hoàn thành lập Chương trình phát triển đô thị cho TP Bắc Giang, trong đó cần gắn các tiêu chí của ĐTX vào trong Chương trình. Xây dựng kế hoạch PTĐT, khu vực PTĐT cho 5 năm và hàng năm để làm cơ sở thu hút đầu tư và quản lý thực hiện;

- Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù để thu hút các nguồn lực xã hội vào đầu tư xây dựng nghĩa trang TP, nhà tang lễ, lò hỏa táng; Xây dựng nhà máy xử lý rác thải theo công nghệ tái chế; Trạm xử lý nước thải theo mô hình tuần hoàn nước;

- Ban hành cơ chế, để hỗ trợ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi thành phố như (Nhà máy Bia Habada; Công ty Bê tông Bắc Giang; các nhà máy, xí nghiệp nằm ô nhiễm); Cải tạo, di dời các khu chung cư cũ đã xuống cấp (khu chung cư Đồng Cửa, khu chung cư phường Trần Nguyên Hãn);

- Có chính sách khuyến khích cho cộng đồng tham gia vào công tác xây dựng như: Xây dựng đúng theo giấy phép, xây dựng theo mẫu thiết kế điển hình của thành phố ban hành; khuyến khích trồng cây xanh; thu gom, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn; quản lý KG KT CQ theo tiêu chí đô thị xanh;

- Ban hành cơ chế điểm thưởng cho các công trình xanh tại đô thị, khuyến khích chủ đầu tư các khu đô thị mới xây dựng theo tiêu chí ĐTX; khuyến khích người dân tham gia sử dụng giao thông công cộng, đi bộ, đi xe đạp, xe máy điện;

- Chuẩn hóa các thủ tục hành chính, ban hành sổ tay hướng dẫn các trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng trên địa bàn TP.

*b) Công tác quy hoạch, kế hoạch:*

- Cần rà soát các QH xây dựng để điều chỉnh gắn với mô hình, tiêu chí ĐTX cho TP Bắc Giang như: Điều chỉnh QHC thành phố Bắc Giang, QH phân khu số 2, 3, 4, QH chi tiết, QH giao thông, trong đó cần đưa các tiêu chí của ĐTX và các giải pháp để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP;

- Lập QH chi tiết hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, đặc biệt là quy hoạch hai bên bờ Sông Thương của TP để làm cơ sở xây dựng và quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX;

- Tăng cường công tác lập QH chi tiết (phần đầu đến 2035 phủ kín 70% QH chi tiết trên địa bàn TP);

- Lập thiết kế đô thị cho các tuyến phố chính: Hùng Vương, Hoàng Văn Thụ, Lê Hồng Phong, Lê Lợi, Ngô Gia Tự, khu vực quảng trường trung tâm thành phố mừng 3/2. và khu đô thị mới phía Nam làm cơ sở quản lý và cấp phép xây dựng;

- Rà soát các danh mục, xây dựng kế hoạch bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị; đề án bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan đô thị gắn với việc khai thác phục vụ các hoạt động du lịch và quảng bá văn hóa du lịch của TP; Ban hành kế hoạch phát triển đô thị TP Bắc Giang hướng tới ĐTX;

- Ban hành kế hoạch hạ ngầm hệ thống hạ tầng kỹ thuật ( hệ thống dây điện chiếu sáng, điện sinh hoạt, dây cáp viễn thông, thông tin liên lạc...)

- Kế hoạch thu gom, di chuyển các nghĩa trang hiện có nằm ở các khu vực phát triển đô thị đến nghĩa trang tập trung của TP, như nghĩa trang phườn Mỹ Độ, Song Khê, Đa Mai, Song Mai...

*Hình 3.1. Sơ đồ tổ chức lập quy hoạch, quản lý KG, KT, CQ TP Bắc Giang.*

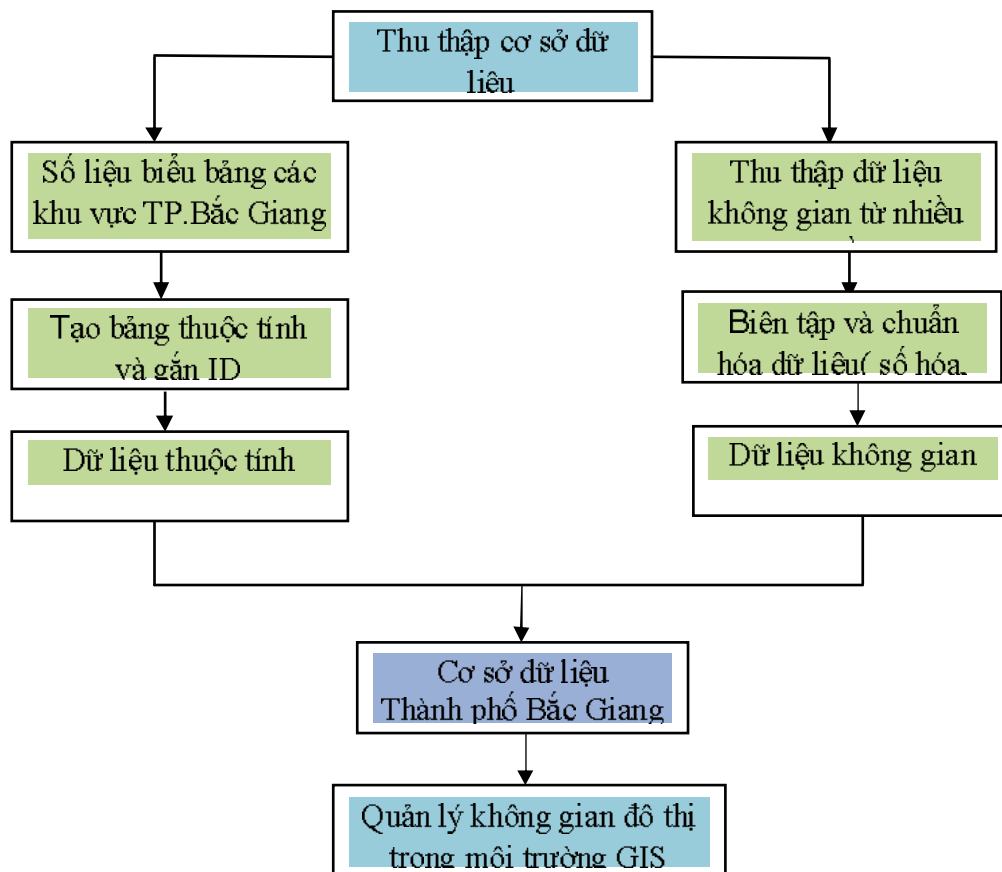
*c) Điều chỉnh quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị TP Bắc Giang hướng tới ĐTX.*

- UBND TP Bắc Giang tiến hành điều chỉnh, bổ sung các nội dung của quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị TP Bắc Giang theo hướng lồng ghép các tiêu chí của ĐTX để làm cơ sở quản lý; Trong quy chế cần quy định chặt chẽ, cụ thể về KG KT CQ các khu vực có ý nghĩa quan trọng để quản lý, như: công trình công cộng, quảng trường, di tích lịch sử, tượng đài, các tuyến phố chính và các khu đô thị mới; quy định về

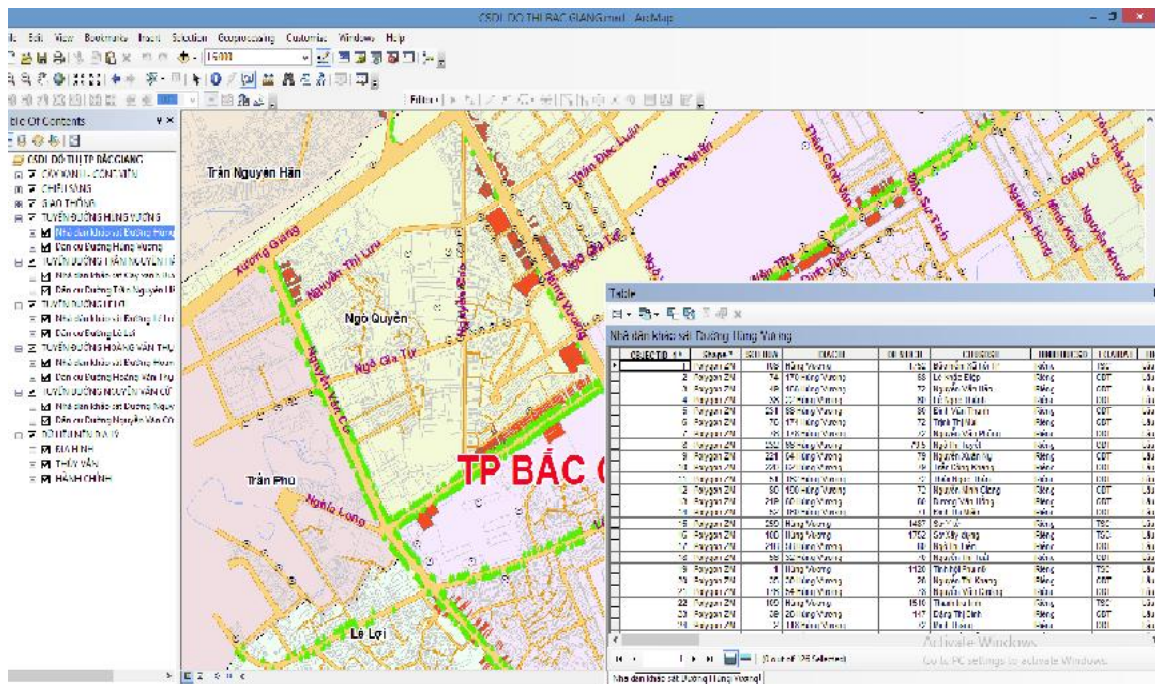
- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX các khu DT như: trung tâm TP, khu đô thị Phía Nam, Quảng trường mừng 3/2 và công viên trung tâm TP; trực cảnh quan hai bên bờ Sông Thương.

*d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch và áp dụng GIS để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX.*

Để xây dựng cơ sở dữ liệu GIS cho TP Bắc Giang, cần tiến hành các công việc sau:



Hình 3.2. Sơ đồ quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu.



Hình 3.3. Bảng thuộc tính sau khi được kết nối với dữ liệu không gian.

- Thu thập tài liệu, dữ liệu: Thu thập các bản đồ, bản vẽ, tài liệu, số liệu, liên quan từ các cơ quan chức năng và các dự án đã thực hiện. Điều tra khảo sát thực địa: Chụp ảnh, đo vẽ; thu thập tài liệu thứ cấp; sử dụng bản đồ địa hình. Tiến hành mô hình hóa dữ liệu trong môi trường GIS.

- Lựa chọn phần mềm: Sau khi thu thập dữ liệu, tiến hành lựa chọn phần mềm GIS để tiến hành chuyển đổi các dữ liệu thu nhận được về định dạng của phần mềm GIS đã được lựa chọn;

- Xử lý số liệu: Để mô hình hóa trong GIS, cần phải được phân loại theo nguyên lý cơ sở dữ liệu GIS; dữ liệu cần được phân thành dạng cấu trúc dữ liệu mà môi trường GIS quản lý;

- Xử lý dữ liệu không gian: Chuyển đổi dữ liệu từ AutoCAD, Microstation sang định dạng shapefile; khai báo hệ tọa độ, hoặc sử dụng các phương pháp nắn chỉnh để đưa dữ liệu về hệ tọa độ chuẩn (VN2000);

- Kết nối dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian.

### ***3.5.2. Nhóm giải pháp 2: Phân vùng quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.***

Để Quản lý KG KT CQ cảnh quan TP Bắc Giang hướng tới ĐTX, cần phải phân vùng để quản lý; việc phân vùng phải căn cứ vào tiêu chí, nguyên tắc và phương pháp phân vùng để quản lý KG KT CQ, cụ thể như sau:

#### ***a) Các yếu tố phân vùng:***

- *Yếu tố tự nhiên:* Việc phân vùng phải dựa vào địa hình, địa mạo, cảnh quan và các vùng tự nhiên.

- *Yếu tố địa giới hành chính:* Phải bám sát vào địa giới hành chính của các phường, xã để phân công rõ trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác quản lý KG KT CQ hướng đến ĐTX cho TP Bắc Giang.

- *Yếu tố quy hoạch:* Phân vùng phải bám sát vào các quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch sử dụng đất.

- *Yếu tố văn hoá, lịch sử:* Việc phân vùng phải dựa những vào nét đặc trưng văn hóa, lịch sử hình thành các khu vực phát triển đô thị, các khu dân cư cũ, các phường nội thành để quản lý việc xây dựng mới, hạn chế phát triển, bảo tồn, tôn tạo hoặc cấm xây dựng.

- *Yếu tố tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:* Phân vùng phải dựa vào yếu tố KG, CQ tự nhiên và bán tự nhiên; những khu vực nào có CQ tự nhiên, công trình kiến trúc đẹp cần quan lại để bảo vệ; không gian công cộng, quảng trường, cây xanh mặt nước cần phân vùng để quản lý.

- *Yếu tố phát triển cơ sở hạ tầng đô thị:* Phân vùng phải căn cứ vào tốc độ phát triển đô thị; kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của từng khu vực.

***b) Nguyên tắc phân vùng:***

- *Nguyên tắc 1:* Tính đồng nhất về tính chất: Việc phân vùng phải tìm ra các khu vực có đồng tính chất với nhau để phân khu vực và tạo thành nhóm để quản lý.

- *Nguyên tắc 2:* Ranh giới về tự nhiên và nhân tạo, các chương ngại vật phân chia ranh giới: Căn cứ vào hệ thống sông, ngòi, các dãy núi, đồi tự nhiên để phân vùng.

- *Nguyên tắc 3:* Ranh giới hành chính: Căn cứ vào ranh giới hành chính của các phường, xã để làm cơ sở phân vùng.

***c) Phương pháp phân vùng:***

- *Phương pháp sử dụng bản đồ:* Sử dụng bản đồ chồng ghép các lớp lên nhau, tìm ra cái chung của các vùng;

- *Phương pháp đồng nhất:* Dựa vào ranh giới các phường để điều tra, tìm ra các vùng có đồng tính chất giống nhau;

- *Phương pháp phân cực:* Tìm các chủ thể để đưa ra các mối quan hệ với nhau, xác định nhân của các vùng phân cực và các bộ phận cấu thành, quan hệ mật thiết với nhau. [13]

***d) Đề xuất phân vùng quản lý:***

Sau khi nghiên cứu các yếu tố, nguyên tắc và phương pháp phân vùng, luận án đề xuất phân 5 vùng (theo hình 3.7) để quản lý như sau:

+ **Vùng số 1:** Gồm các khu phố cũ và trung tâm văn hóa lịch sử: là các khu vực chủ yếu bám dọc theo Quốc lộ 1 cũ thuộc các phường (Ngô Quyền, Trần Phú, Khu di tích lịch sử Thành Xương Giang), diện tích khoảng 250ha.

+ **Vùng số 2:** Khu vực mới phát triển: là khu vực ở thời kỳ bao cấp và thời kỳ đổi mới thuộc các phường (Trần Nguyên Hãn, Hoàng Văn Thụ, Lê Lợi, Ngô Quyền, khu dân cư số 1, số 2; khu dân cư Cổng Ngóc - Bến xe; khu dân cư Hồ Bắc, Khu Đồng Cửa) với diện tích khoảng 978ha.

+ **Vùng số 3:** Khu vực phát triển đô thị mới gồm 3 khu ( Khu đô thị mới phía Nam, Khu đô thị mới phía Tây Nam, khu vực phía Đông Bắc, thuộc các xã, phường: Dĩnh Kế, Tân Tiến, Dĩnh Trì, Xương Giang, Song Khê, Đa Mai), với diện tích khoảng 2.727ha.

+ **Vùng số 4:** Khu vực chức năng đặc thù: gồm Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng; khu trung tâm Logistic quốc tế TP Bắc Giang; khu trung chuyển hàng hóa gần cảng Đồng Sơn; khu trạm dừng nghỉ; khu du lịch sinh thái núi Nham Biền, Sông Thương với diện tích khoảng 1050ha.

+ **Vùng số 5:** Khu vực ngoại thành gồm các xã của TP Bắc Giang mở rộng (khu dân cư làng xóm, không gian xanh nông thôn, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu vực Đồi Quảng Phúc) với diện tích khoảng 1.673ha.

*Hình 3.4. Sơ đồ phân vùng quản lý KG KT CQ TP Bắc Giang.*

### **3.5.3. Nhóm giải pháp 3: Triển khai các hoạt động quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh**

#### **a) Quản lý không gian**

*- Đối với không gian xanh:*

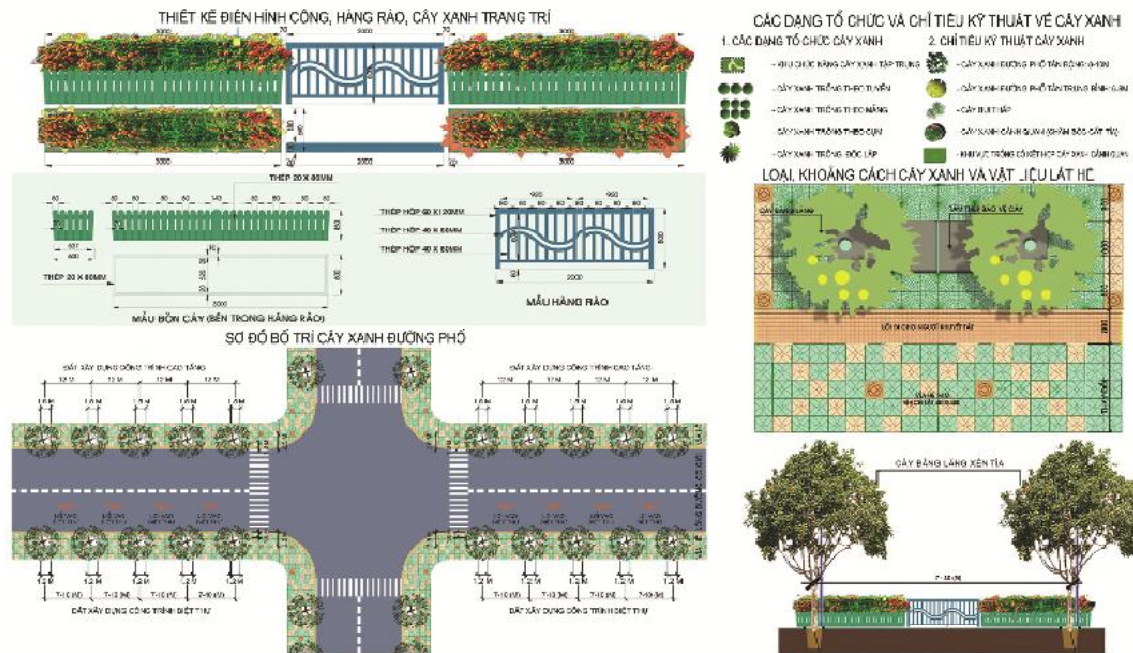
+ Bảo tồn và phát huy các KGX tự nhiên như: khu vực núi Nham Biền, đồi Quảng Phúc và hệ thống Sông Thương, ngòi, kênh...cần tôn tạo, bảo vệ gìn giữ, bảo vệ không gian tự nhiên, tạo cảnh quan đẹp, điều tiết nước và chống sạt lở, sụt lún để ứng phó với BĐKH. Hai bên bờ Sông Thương tăng cường trồng cây xanh; việc trồng cây xanh nghiên cứu theo chủ đề, theo địa

hình, không gian tự nhiên; hạn chế việc đào đắp, xây dựng làm phá vỡ cảnh quan. Các KGX tự nhiên cần được bảo vệ nghiêm ngặt để duy trì lâu dài và tiến hành QHCT, đầu tư thành các điểm cây xanh cảnh quan sinh thái tạo đặc trưng cho kiến trúc tổng thể đô thị.

+ Bảo vệ và phát triển KGX nhân tạo như: Khu vực công viên, quảng trường, CX đường phố, CX cách ly, thảm xanh, hồ nước...Khuyến khích trồng cây bóng mát theo chủ đề, các loại cây đặc trưng của địa phương. Các đường phố lớn, có vỉa hè rộng ngoài trồng CX bóng mát, khuyến khích trồng các dải xanh và bồn hoa thấp để tạo hình ảnh đẹp và giảm bê tông hóa cho ĐT. Trong các đơn vị ở, kết các loại cây trồng theo tầng và nhiều chủng loại khác nhau, tạo màu sắc phong phú cho các vườn hoa, khu vui chơi giải trí trong đô thị.

+ Tăng cường đầu tư và phát triển KGX theo QH. Các trục phố chính của TP, khu đô thị mới, trồng cây bóng mát theo từng chủ đề, thống nhất, hài hòa về chủng loại; khuyến khích trồng các loại cây đặc trưng của địa phương. Đối với các đường phố lớn ngoài trồng cây xanh bóng mát khuyến khích trồng thêm các dải cây xanh và bồn hoa thấp để tạo lập hình ảnh đường phố đẹp cho TP. Đối với các đường phố có vỉa hè nhỏ  $\leq 2m$  mà không mở rộng được, cần quy định khoảng lùi các công trình xây dựng để tạo không gian trồng cây xanh. Cây xanh được trồng thành một hàng trên hè đường, cách lề đường từ 1-1,5m, chiều cao tối thiểu là 3,0m và đường kính từ 5cm trở lên.

+ Quản lý cây xanh và đưa ra các quy định trồng cây xanh: Khu vực vỉa hè qua các công trình công cộng, cơ quan hành chính có thể kết hợp các ô đất trồng cây xanh lại với nhau tạo thành một dải cây xanh, bãi cỏ, vườn hoa ngăn cách giữa hè phố và lòng đường.



Hình 3.5. Sơ đồ bố trí trồng cây xanh đường phố.

+ Cây xanh đưa ra trồng phải đảm bảo chiều cao tối thiểu 2m, đường kính thân cây  $\geq 4\text{cm}$  (đối với cây tiểu mộc); chiều cao tối thiểu 3m, đường kính thân cây  $\geq 5\text{cm}$  (đối với cây trung mộc và đại mộc).

+ Dải phân cách có bề rộng  $\leq 5\text{m}$  chỉ trồng cỏ, cây bụi thấp, cây cảnh; dải phân cách rộng từ 5m trở lên có thể trồng loại cây thân thẳng có chiều cao, tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

+ Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải tuân thủ theo Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

Bảng 3.3. Quy định trồng cây trên hè phố.

| TT | Phân loại cây      | Chiều cao                    | Khoảng cách trồng            | Khoảng cách tối thiểu đến mép hè | Chiều rộng hè phố          |
|----|--------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| 1  | Loại 1 (tiểu mộc)  | $< 10\text{m}$               | $4\text{m} \div 8\text{m}$   | 1,0m                             | $3\text{m} \div 5\text{m}$ |
| 2  | Loại 2 (trung mộc) | $10\text{m} \div 15\text{m}$ | $8\text{m} \div 12\text{m}$  | 1,5m                             | $> 5\text{m}$              |
| 3  | Loại 3 (đại mộc)   | $> 15\text{m}$               | $12\text{m} \div 15\text{m}$ | 1,5m                             | $> 5\text{m}$              |

*- Đối với không gian công cộng:*

+ Khu vực đường phố, quảng trường: Khu vực quảng trường trung tâm TP mừng 3/2 phải quản lý chặt chẽ về trật tự xây dựng và mỹ quan đô thị. Không được lấn chiếm, lòng đường vỉa hè để bán hàng, các công trình xung quanh khi cấp phép xây dựng phải quản lý chặt chẽ về chiều cao, chỉ giới và màu sắc, không làm ảnh hưởng đến KG KT CQ của khu vực.

+ Không gian mở: Đối với các khu chức năng, công trình công cộng và không gian (4-6m phía sau của hai dãy nhà ở liền kề) không được lấn chiếm để xây dựng công trình tạm; các khu trống của công trình công cộng và các khu chức năng bố trí trồng cây xanh cảnh quan, vườn hoa và đài phun nước.

+ Không gian kỹ thuật (giao thông, cấp nước, đường dây đường ống): Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình đường ống kỹ thuật phải hạ ngầm để tạo mỹ quan cho DT. Khi đào, thi công các hệ thống cấp quang phải gửi hồ sơ về UBND thành phố để quản lý và cấp phép trước khi khởi công.

***b) Quản lý kiến trúc***

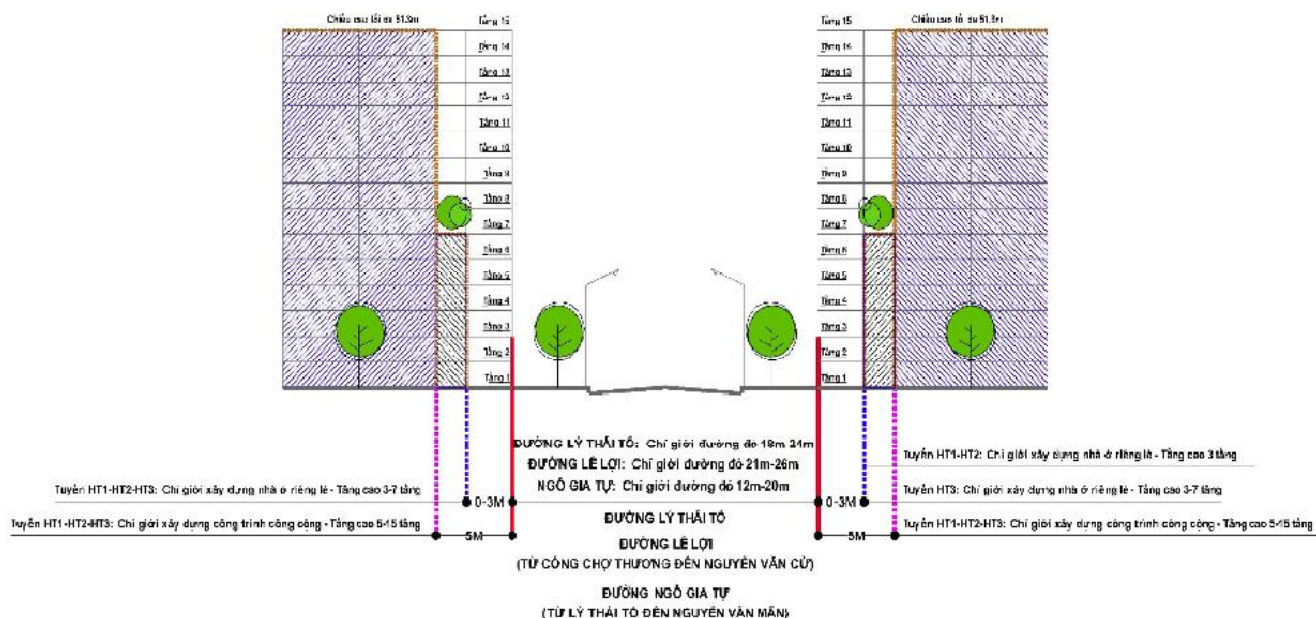
- Bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị như (khu di tích lịch sử thành Xương Giang, Đình Làng Thành, Chùa Làng vẽ...) Việc cải tạo chỉnh trang các công trình di tích lịch sử phải tuân thủ theo QH và Nghị định số 70/2012/NĐ-Cp ngày 18/9/2012 của Chính phủ. Cần QH, xác định ranh giới, khoanh vùng bảo vệ các di tích để ngăn chặn việc lấn chiếm, xâm hại ảnh hưởng đến công trình; từng bước di dời các hộ dân, trả lại không gian nguyên trạng của khu di tích. Đối với công trình liền kề khu di tích, không được xây dựng cao quá công trình di tích, không sử dụng màu sắc, vật liệu phản cảm và ảnh hưởng đến công trình di tích.

- Bảo vệ các công trình kiến trúc có giá trị: Phải tuân thủ các quy định về bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích theo Luật di sản. Các công trình kiến trúc cần được phân loại một cách rõ ràng giữa các không gian tĩnh và các

không gian động, các không gian đóng, không gian mở, không gian linh thiêng với các không gian vui chơi nghỉ ngơi thư giãn nhưng phải liên kết với nhau thành một thể thống nhất. Đối với công trình xây mới tiếp giáp với khu di tích, cần thiết kế hình khối, màu sắc, ánh sáng hài hòa với cảnh quan xung quanh; tầng cao  $\leq 5$  tầng tùy theo khoảng cách từ công trình đến di tích (càng gần di tích, công trình có chiều cao thấp dần).

- Trật tự xây dựng: Việc đầu tư xây dựng phải tuân thủ theo đúng QH, hồ sơ thiết kế được phê duyệt và giấy phép xây dựng được cấp. Đối với mặt chính của công trình: màu sắc, kiến trúc, phải được chú trọng, hài hòa với cảnh quan chung của khu vực; kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện xây dựng theo QH và giấy phép được cấp; tuân thủ các quy định về mật độ xây dựng, khoảng lùi, tầng cao;

+ Các cơ quan chức năng của TP phải tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng.



Hình 3.6. Quản lý chỉ giới xây dựng, chiều cao các tuyến phố chính.



*Hình 3.7. Quản lý mặt đứng kiến trúc của phố đi bộ khu đô thị phía Nam.*

*Hình 3.8. Quản lý KG, KT, CQ của phố đi bộ khu đô thị phía Nam.*

*Hình 3.9. Quản lý chỉ giới xây dựng, chiều cao các tuyến phố chính.*

- Kiểm soát hình ảnh đô thị:

+ Quản lý KG KT CQ hai bên tuyến phố chính, các nút giao thông, tạo dựng bộ mặt kiến trúc công trình đẹp, văn minh, hiện đại, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ kiến trúc trên toàn tuyến; xử lý triệt để các trường hợp nhà siêu mỏng, siêu méo kết hợp với chỉnh trang đô thị.

+ Các công trình điểm nhấn: Quảng trường mừng 3/2; trung tâm biểu diễn nghệ thuật, rạp chiếu phim, khu triển lãm trưng bày, khách sạn, tổ hợp trung tâm thương mại, toà nhà văn phòng, trung tâm tài chính, ngân hàng.... những công trình này được bố trí chủ yếu trên các trục chính đô thị, tại các nút giao thông giữa trục chính đô thị với trục đại lộ, khu vực cửa ngõ tạo điểm nhấn cho đô thị.

+ Hình thức kiến trúc hiện đại, độc đáo và bản sắc. Công trình phải có khoảng lùi thích hợp để tổ chức quảng trường rộng tạo tầm nhìn, tổ chức vườn hoa, cây xanh, biểu tượng trang trí nghệ thuật. Mật độ xây dựng công trình 30-60%, bố trí KGX, mặt nước, khuyến khích sử dụng hàng rào thấp bằng cây xanh để ngăn chia các không gian đường phố và công trình.

- Quản lý chỉnh trang và cải tạo công trình kiến trúc tuyến phố cũ: Cần lập thiết kế DT để cải tạo, chỉnh trang hình ảnh tuyến phố cũ, đảm bảo phù hợp với KG KT CQ chung của khu vực; tổ chức mặt đứng tuyến phố chính để có cơ sở đề xuất chiều cao tối đa, tối thiểu và khoảng lùi cho các công trình.

- Quản lý công trình công cộng: Phải được thiết kế xây dựng theo tiêu chí công trình xanh, phù hợp với QHKP, QHCT, đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng (phải dành tối thiểu 20% diện tích để trồng cây xanh).

+ Có giải pháp ứng phó với BĐKH, bức xạ khí nhà kính, tiết kiệm năng lượng, sử dụng ánh sáng tự nhiên, thân thiện với môi trường; sử dụng tái tạo năng lượng.

+ Sử dụng vật liệu có độ bền cao, tránh rêu mốc và phải đảm bảo chức năng bao che, thông gió, chiếu sáng tự nhiên... Khuyến khích sử dụng các vật liệu mới, ứng phó với BĐKH.

+ Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng ngoài các bản vẽ theo quy định, cần có bản vẽ phối cảnh tổng thể, phối cảnh các mặt của công trình (trong đó phải thể hiện rõ ràng màu sắc vật liệu sẽ sử dụng).

- Quản lý nhà ở liên kề: Nhà ở tại các khu vực đô thị mới, khu dân cư mới phải tuân thủ theo đúng QHPK, QHCT được duyệt.

+ Nhà ở tại khu vực chưa có QHPK, QHCT thì thực hiện theo quy chuẩn 01:2008 “Quy hoạch xây dựng” và tiêu chuẩn thiết kế nhà ở liên kề.

+ Chỉ giới xây dựng: Được xác định cụ thể dựa vào chiều cao công trình và lộ giới đường, những nhà xây dựng sau hạn chế xây nhô ra so với nhà xây trước để tạo sự đồng bộ toàn dãy phố.

+ Khoảng lùi tuân thủ theo QHCT và quy chuẩn QH xây dựng 01:2008.

+ Số tầng tối đa 7 tầng (chưa kể tầng tum). Chiều cao tầng 1 đối với các tuyến đường có lộ giới  $\leq 15\text{m}$  là 4,1m, đối với các tuyến đường có lộ giới  $> 15\text{m}$  là 4,2m, đối với các ngõ phố là 3,9m, từ tầng 2- tầng 7 chiều cao tầng là +3,3m – 3,6m.

+ Phải có giải pháp ứng phó với BĐKH, bức xạ khí nhà kính, tiết kiệm năng lượng, sử dụng ánh sáng tự nhiên, thân thiện với môi trường. Sử dụng vật liệu có độ bền cao, đảm bảo chức năng bao che, thông gió, chiếu sáng tự nhiên... Màu sắc của công trình hài hòa với cảnh quan xung quanh.

- Hướng dẫn, đăng ký, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận công trình xanh:

+ UBND thành phố Bắc Giang cần hướng dẫn các hộ dân khi nộp hồ sơ xin cấp phép xây dựng, thực hiện việc đăng ký xây dựng công trình theo tiêu chí của công trình xanh;

- + Tuyên truyền, phát động thi đua đến các hộ dân, cam kết xây dựng công trình xanh theo đúng giấy phép xây dựng được cấp;
- + Kiểm tra giám sát việc thực hiện xây dựng công trình xanh theo đúng hồ sơ đã cam kết;
- + Tổ chức nghiệm thu và cấp giấy chứng nhận công trình xanh cho các hộ dân khi hoàn thành xây dựng công trình.

### ***c) Quản lý cảnh quan đô thị***

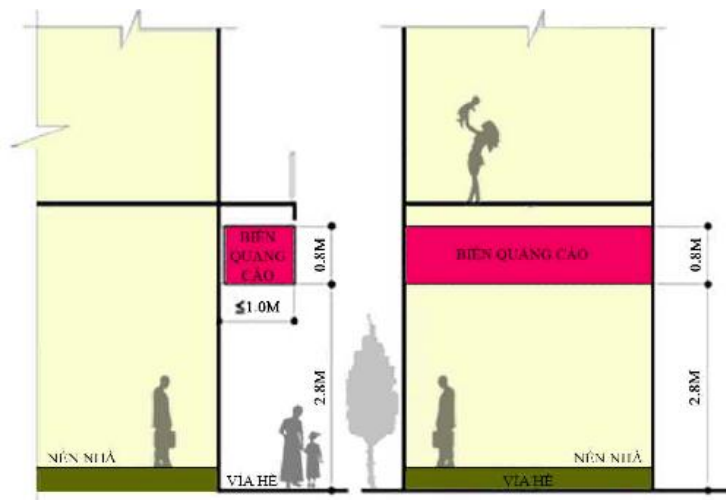
#### **- Chiều sáng đô thị:**

- + Hệ thống điện chiếu sáng của TP khi đầu tư xây dựng phải tuân thủ theo QH và hồ sơ thiết kế được duyệt; hệ thống dây điện phải đi ngầm;
- + Sử dụng các loại đèn chiếu hắt lên cây xanh, chiếu sáng vào công trình phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực;
- + Chiều sáng đường phố, sử dụng chiều cao và cần đèn theo đúng tiêu chuẩn xây dựng;
- + Chiều sáng cảnh quan hai bên trục đường theo chủ đề, sử dụng các gam màu tạo sự tương đồng với kiến trúc, cảnh quan khu vực, bố trí các loại đèn hắt, đèn trang trí phù hợp với không gian chung, tránh bị tương phản, ảnh hưởng đến tín hiệu của đèn chỉ dẫn giao thông.

#### **- Quản lý biển quảng cáo:**

- + Vật quảng cáo độc lập ngoài trời hoặc gắn với các công trình kiến trúc đô thị phải tuân thủ quy định của pháp luật về Luật Quảng cáo; Quy chuẩn QCVN 17:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BXD ngày 20/5/2018 của Bộ Xây dựng.

- + Chỉ được đặt biển ở giới hạn mặt đứng tầng 1 cho mỗi công trình, diện tích biển không lớn hơn 30% diện tích mặt đứng tầng 1. Biển quảng cáo treo vuông góc với mặt đứng công trình không được vưon quá 1.0m so với chỉ giới xây dựng và mép dưới của biển phải cách mặt vỉa hè 2.8 m;



Hình 3.10. Kích thước và hình thức treo biển quảng cáo.

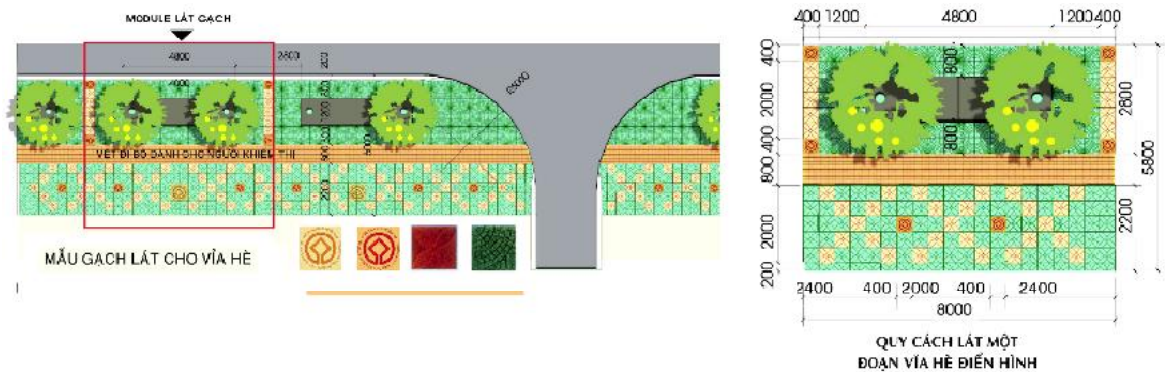
+ Các hình thức quảng cáo bị cấm: Quảng cáo rao vặt bằng hình thức in, sơn, vẽ, treo, dán trực tiếp trên tường nhà, gốc cây, trụ điện... Đặt biển quảng cáo trên vỉa hè, dưới lòng đường. Quảng cáo hạn chế tầm nhìn giao thông, che biển báo hiệu giao thông.

- Màu sắc công trình: không sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác và an toàn giao thông; trên mặt tiền không sử dụng quá 2 màu chủ đạo; thống nhất màu sắc cho từng dãy nhà, sử dụng màu sắc phù hợp tính chất của công trình và hài hòa với cảnh quan xung quanh.

d) *Quản lý kết cấu hạ tầng xanh bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.*

- *Hệ thống giao thông:* Tăng cường phát triển hệ thống giao thông công cộng; khuyến khích phát triển phương tiện cá nhân xe đạp, xe điện; hạn chế xe cơ giới, giảm thiểu phát thải ra môi trường ( tỷ lệ người dân tham gia giao thông công cộng đến năm 2035 tối thiểu 35%; người dân sử dụng xe đạp, xe điện  $\geq 20\%$ ).

+ Xây dựng vỉa hè theo mẫu thống nhất trong toàn đô thị, đảm bảo việc dắt xe đạp, xe máy lên xuống được dễ dàng.



Hình 3.11. Quy định sử dụng vỉa hè.

+ Công trình xây dựng, cây xanh trên vỉa hè không được làm hạn chế tầm nhìn và che khuất các biển báo, tín hiệu điều khiển giao thông.

+ Cấm các phương tiện giao thông, kể cả xe thô sơ đi lại trên vỉa hè. Các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng khi lưu thông trên đường phố phải có các thiết bị che đậy, không gây bụi hoặc rơi vãi vật liệu ra ngoài.

- *Hệ thống đường dây điện, cáp thông tin:* Hệ thống chiếu sáng của đô thị khi được đầu tư xây dựng phải tuân thủ theo QH và hồ sơ thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đến năm 2035 đạt 70% hệ thống thông tin được ngầm hóa.

+ Đối với các tuyến phố cũ từng bước hạ ngầm; một số khu vực chưa có điều kiện hạ ngầm, trước mắt phải có phương án bó gọn dây dẫn và sử dụng chung hạ tầng (cột điện, cột đèn, hào cáp, mương cáp) để đảm bảo thông thoáng đường phố và an toàn giao thông.

+ Đối với khu đô thị mới: Phải tiến hành hạ ngầm toàn bộ dây dẫn; giải pháp hạ ngầm phải đảm bảo sử dụng chung giữa các ngành và phải ngầm hóa đến chân công trình.

- *Hệ thống thoát nước mưa:* Phải lập đồ án QH hệ thống thoát nước riêng cho TP; thường xuyên duy tu, nạo vét đường ống thoát nước và hồ điều hòa; cải tạo nâng công suất hệ thống trạm bơm của TP (trạm bơm Văn Sơn, Tân Tiến, Đồng Cửa, Chi Ly, Thùng Dấu);

- *Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng cho TP; cải tạo nâng cấp trạm xử lý nước thải hiện có, xây mới thêm trạm xử lý nước thải, đảm bảo đủ công suất để xử lý nước thải cho toàn TP;

+ Các hộ dân, công trình công cộng, công trình công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải riêng trước khi xả ra hệ thống thu nước thải chung của TP. Không được phép xả nước thải khi chưa qua xử lý xuống lòng hồ, kênh, mương đô thị. Khi đầu nối vào hệ thống công cộng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chịu sự giám sát thực hiện của đơn vị quản lý vận hành;

+ Sử dụng hệ thống nước thải theo mô hình đô thị tuần hoàn (theo hình sơ đồ tại Hình 3.12)



Hình 3.12. Sơ đồ xử lý nước thải theo mô hình tuần hoàn.

+ Rác thải phải được thu gom và phân loại rác thải tại nguồn xử lý theo công nghệ 3R ( hữu cơ, vô cơ và chất thải nguy hại), sử dụng công nghệ tái chế chất thải rắn như: phát điện, làm phân bón, gạch không nung hoặc tạo ra các vật liệu khác để sử dụng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn.

- *Quản lý nghĩa trang*: Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nghĩa trang; tổ chức di chuyển, thu gom các nghĩa trang nhỏ lẻ về nghĩa trang tập trung của TP; xây dựng cơ chế chính sách để khuyến khích người dân tự nguyện di chuyển mồ mã từ nơi phân tán về nghĩa trang tập trung của TP.

Khi thực hiện QH, xây dựng các khu nghĩa trang, khoảng cách ly vệ sinh đến điểm dân cư, công trình công cộng phải tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành; tuyên truyền, vận động và có cơ chế chính sách để

khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng; hạn chế việc hungr táng hoặc chôn cất một lần.

*- Quản lý tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí phát thải nhà kính*

+ Quy định các cơ quan, đơn vị trên địa bàn TP mỗi năm phải tiết kiệm tối thiểu 10% lượng tiêu thụ điện, nước theo định mức.

+ Phát động phong trào toàn dân tham gia trồng cây xanh tại cơ quan, đơn vị, trường học, công trình công cộng, công viên, vườn hoa... vào 1 ngày hàng năm. Quản lý chặt chẽ việc chặt phá, đốt rừng tại các khu vực Đồi Quảng Phúc, Núi Nham Biền.

+ Thành phố Bắc Giang có chính sách hỗ trợ người dân về cây giống trồng rừng, con giống để phát triển nông nghiệp sạch, không sử dụng chất hóa học vào trồng trọt và chăn nuôi.

+ Hội phụ nữ TP phát động phong trào đến chị em hạn chế sử dụng túi nilon khi đi mua sắm; mỗi hộ gia đình được phát 1 lần sách tay để đi chợ.

+ Xây dựng các cơ quan, hành chính tập trung, trường học liên cấp để hạn chế di chuyển giảm thiểu khí phát thải CO<sub>2</sub> ra môi trường, đồng thời tiết kiệm năng lượng, thời gian khi di chuyển.

#### ***3.5.4. Nhóm giải pháp 4: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan TP Bắc Giang hướng tới đô thị xanh***

*a) Đối với đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý*

- Nâng cao nhận thức, mức hiểu biết của lãnh đạo, cán bộ công chức ở các cấp ( Tỉnh, TP, phường/ xã) về ĐTX, hướng tới ĐTX;

- Tuyển chọn, bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực QH, KT, quản lý ĐT cho phòng Quản lý đô thị và Đội quản lý trật tự giao thông xây dựng và môi trường TP Bắc Giang;

- Tăng cường công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, bổ sung kiến thức về quản lý đô thị cho lãnh đạo các cấp, trong đó chú trọng đến cán bộ của UBND thành phố và các phường xã;

- Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị của TP Bắc Giang với các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Sở Xây dựng như (Phòng Quy hoạch kiến trúc; Quản lý nhà và thị trường Bất động sản; Phát triển đô thị và hạ tầng; Thanh tra Sở);

- Nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ công chức, nhất là đối với cán bộ có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đô thị, KG KT CQ; trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố;

- Chọn phương pháp, quy trình xử lý khoa học; thường xuyên cải cách các thủ tục hành chính, tránh những thủ tục rườm rà không cần thiết; xây dựng bộ máy tinh nhuệ, trong sạch, hiện đại phù hợp nhu cầu phát triển ĐT.

*b) Đối với công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch.*

- Cấp uỷ, chính quyền các cấp của TP Bắc Giang phải coi công tác QH, quản lý QH là nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị; đơn vị nào để xảy ra công trình vi phạm QH, cấp phép, trật tự xây dựng thì người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm;

- Tăng cường chỉ đạo về công tác lập, thẩm định và quản lý QH trên địa bàn TP; nâng cao chất lượng các đồ án QH xây dựng (lựa chọn đơn vị tư vấn lập QH có đủ năng lực, kinh nghiệm để triển khai thực hiện);

- Phát huy vai trò của các Hội nghề nghiệp như ( Hội Kiến trúc sư, Hội Xây dựng, Hội Quy hoạch); Thành lập Hội đồng thẩm định các đồ án quy hoạch đô thị với cơ cấu bao gồm các cơ quan chức năng quản lý nhà nước, chính quyền địa phương và các hội nghề nghiệp có liên quan;

- Khuyến khích tư duy, sáng tạo trong công tác QH, để nâng cao chất lượng đồ án QH; quy hoạch phải đáp ứng tính kế thừa, phù hợp với điều kiện kinh tế

- xã hội của TP, phải đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu về không gian đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan theo hướng đơn giản thủ tục, giảm thời gian thực hiện. Xây dựng và giám sát thực hiện tốt các Quy chế quản lý

- Thực hiện tốt việc quản lý KG KT CQ; quản lý trật tự xây dựng; tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quy hoạch, trật tự xây dựng.

### ***3.5.5. Nhóm giải pháp 5: Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX***

Quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX là một lĩnh vực liên ngành, đòi hỏi có sự tương tác, phối kết giữa chính quyền đô thị, mặt trận tổ quốc và cộng đồng dân cư nhằm đạt được mục đích là tạo ra bộ mặt KG KT CQ đẹp cho ĐT; nâng cao chất lượng ĐT, xây dựng TP “*xanh, sạch, đẹp*” hướng tới trở thành ĐTX.

*Hình 3.14. Sơ đồ vai trò của cộng đồng trong quản lý KG KT CQ.*

Để đạt được mục tiêu trên, thì vai trò của cộng đồng dân cư là hết sức quan trọng, người dân vừa là chủ vừa khách, do đó cần phải phát huy, nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư trong việc quyết sách các vấn đề về quản lý đô thị và quản lý KG KT CQ bằng các biện pháp cụ thể như sau:

*a) Huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác lập quy hoạch:*

- *Trong giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch:* Nhiệm vụ quy hoạch là các yêu cầu về nội dung nghiên cứu để lập đồ án quy hoạch đô thị. Do vậy việc tham gia của cộng đồng ngay từ giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch rất cần thiết: (i) Người dân biết và bàn về ranh giới, phạm vi nghiên cứu, tính chất của đồ án quy hoạch; (ii) Hiểu được tâm tư, nguyện vọng và đề xuất của người dân; (iii) khai thác được phong tục, tập quán, văn hóa bản địa, lối sống của người dân địa phương.

- *Trong giai đoạn lập, thẩm định và quản lý đồ án quy hoạch:* Trong quá trình lập đồ án quy hoạch đơn vị tư vấn phải phối hợp với chính quyền địa

phương (cấp huyện, cấp xã, thôn) tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và cộng đồng dân cư trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể: (i) Cộng đồng dân cư tham gia, thống nhất các mục tiêu, mục đích, tính chất của đồ án quy hoạch; (ii) Tham gia vào đánh giá hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và các số liệu đầu vào của đồ án quy hoạch hay định hướng, dự báo của quy hoạch; (iii) Tham gia lựa chọn phương án tốt, phù hợp với đặc điểm, địa hình, phong tục tập quán và tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu nguyện vọng của cộng đồng dân cư; (iv) Huy động cộng đồng tham gia vào giải pháp thực hiện đồ án quy hoạch (tính khả thi của quy hoạch, sử dụng đất, kế hoạch thực hiện, phân kỳ đầu tư, nguồn lực thực hiện và tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng); (v) Cộng đồng dân cư tham gia vào công tác tuyên truyền, công bố quy hoạch; (vi) Cộng đồng dân cư tham gia vào công tác cấm mốc giới và bảo vệ mốc giới quy hoạch; (vii) Cộng đồng dân cư tham gia vào công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

*b) Huy động sự tham gia của cộng đồng trong đầu tư xây dựng và khai thác sử dụng:*

- *Cộng đồng tham gia đầu tư xây dựng:* (i) Cộng đồng dân cư tham gia đầu tư xây dựng theo quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được phê duyệt; (ii) xây dựng theo đúng giấy phép xây dựng được cấp; (iii) cử người đại diện cộng đồng dân cư tham gia cùng với chính quyền địa phương trong công tác đầu tư xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác khi được mời tham gia; (iv) tham gia trông và bảo vệ cây xanh; (v) tham gia vào công tác vệ sinh môi trường; (vi) cộng đồng dân cư tham gia phân loại rác thải tại nguồn, quét dọn vệ sinh, làm sạch đường phố.

- *Quản lý và khai thác sử dụng:* Việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác sử dụng là hết sức cần thiết. Đây là quá trình tham gia lâu dài, do vậy cần tuyên truyền, tổ chức để mọi người dân tham gia quản lý một cách tự giác; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, quản lý và khai thác công trình đảm bảo môi trường bền vững, nếp sống văn minh DT; khai thác tối đa về KTCQ của DT.

*Hình 3.15. Sơ đồ mối quan hệ tương hỗ giữa KG, KT, CQ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư.*

*c) Huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc kiểm tra, giám sát:*

Để việc quản lý KG KT CQ trên địa bàn TP Bắc Giang được tốt và việc đầu tư xây dựng đúng theo quy hoạch, giấy phép xây dựng được cấp thì công tác kiểm tra, giám sát là một việc làm thường xuyên và liên tục: (i) Thành lập ra Ban giám sát cộng đồng để kiểm tra, giám sát các công trình trên địa bàn mình quản lý (tổ dân phố, phường, xã); (ii) giám sát việc thực hiện quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc của nhà nước và các tổ chức, cá nhân; (iii) giám sát việc xây dựng theo hồ sơ thiết kế được duyệt; (iv) giám sát việc chặt hạ và quản lý cây xanh; (v) giám sát việc xả thải, gây ô nhiễm môi trường; (vi) giám sát việc quản lý trật tự đô thị, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè; (vii) cử đại diện cộng đồng dân cư tham gia đoàn kiểm tra của phường xã; (viii) giám sát các hộ dân xây dựng theo giấy phép xây dựng được cấp, khi phát hiện sai phạm phải báo ngay cho có thẩm quyền xử lý nghiêm, đúng theo quy định.

*d) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân, hiểu rõ về ý nghĩa và tầm quan trọng của quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX. Qua đó, khơi dậy ý thức, trách nhiệm và tinh thần tự giác, tích cực của người dân tham gia trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý QH đô thị, gìn giữ, phát huy giá trị KG KT CQ hướng tới ĐTX của thành phố;

- Phát huy vai trò của Chi bộ, Tổ dân phố trong việc tham gia thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Tích cực tham gia vận động, tuyên truyền người dân tự giác chấp hành giảm thiểu các hành vi, vi xây dựng thông qua các cuộc họp chi bộ, tổ dân phố;

- Thường xuyên phát động các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình tự quản như tuyến phố văn minh đô thị, xây dựng các điển hình để nhân rộng trên địa bàn;

- Thường xuyên nêu gương, động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, đồng thời cũng phê bình, xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng;

- Có cơ chế điểm thưởng cho các hộ dân xây dựng nhà đúng giấy phép, đăng ký công trình xanh là tiêu chí để bình xét gia đình văn hóa hàng năm;

- Hỗ trợ đầu tư hệ thống thông tin liên lạc như: hệ thống loa công cộng, truyền hình, internet để người dân thuận tiện tiếp cận, trao đổi thông tin và tra cứu quy hoạch.

- Khuyến khích người dân sử dụng Facebook để giám sát, tố cáo những trường hợp vi phạm trật tự xây dựng đến các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Tuyên truyền bằng hình ảnh về công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường và nếp sống văn minh đô thị.

- Thực hiện tốt việc phân rác tại nguồn, sử dụng rác tái chế, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên bằng việc TP phát cho mỗi gia đình 3 loại thùng rác khác nhau (rác hữu cơ, vô cơ, tái chế).

Bảng 3.4. Các hình thức và nội dung tham gia của cộng đồng.

| Cộng đồng tham gia                                                                                                                                                                   | Hình thức                                                                                                                                                                                 | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai thông tin quy hoạch; thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc.</li> <li>- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Niêm yết tại phường, nhà văn hóa của tổ dân phố;</li> <li>- Hệ thống truyền thanh</li> <li>- Phổ biến tới tổ trưởng; mặt trận tổ quốc</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- QH chung đô thị</li> <li>- QH phân khu</li> <li>- QH chi tiết</li> <li>- Thiết kế đô thị</li> <li>- Quy chế quản lý QH</li> <li>- Các dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng, QH và kế hoạch sử dụng đất</li> </ul> |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi phản biện</li> </ul>                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc họp tiếp xúc cử tri</li> <li>- Cuộc họp tổ dân phố</li> <li>- Lấy ý kiến góp ý ( hỏi trực tiếp hoặc phát phiếu điều tra)</li> </ul>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ trương xây dựng.</li> <li>- QH xây dựng.</li> <li>- Huy động nguồn lực xã hội và ý kiến về tổ chức thực hiện.</li> <li>- Công tác GPMB.</li> </ul>                                                         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia hội đồng thẩm định, đóng góp ý kiến, biểu quyết.</li> </ul>                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội cử tri, đại diện hộ gia đình</li> <li>- Xây dựng các ban thanh tra nhân dân; ban giám sát cộng đồng</li> </ul>                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dự thảo QHXD, quy chế.</li> <li>- Kế hoạch, chương trình, lộ trình triển khai các dự án.</li> </ul>                                                                                                        |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, giám sát</li> </ul>                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua ban giám sát</li> <li>- Giám sát trực tiếp, kiến nghị với mặt trận tổ quốc, kiến nghị với cử tri HĐND cấp xã, TP, tỉnh</li> </ul>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát công tác quản lý và thực hiện quy hoạch;</li> <li>- Giám sát các dự án do nhà nước và doanh nghiệp đầu tư;</li> <li>- Giám sát nhà ở riêng lẻ do các cá nhân đầu tư XD.</li> </ul>                    |

### 3.6. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

#### 3.6.1. Các kết quả nghiên cứu chủ yếu của luận án

a) Luận án đã nghiên cứu tổng quan về công tác quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX trên thế giới và Việt Nam. Đánh giá thực trạng và rút ra các vấn đề cần giải quyết, khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về

KG KT CQ hướng tới đô thị xanh tại TP Bắc Giang. Nhận diện được 04 vấn đề cần giải quyết của luận án đó là: (1) Làm rõ khái niệm về ĐTX, các vấn đề về nhận thức, lợi ích phát triển ĐTX; (2) Đưa ra quan điểm, mục tiêu, cụ thể để làm cơ sở quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (3) Phát triển TP Bắc Giang theo hướng xanh hóa cảnh quan, nâng cao chất lượng KG KT CQ, cải thiện hình ảnh đô thị, Bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH; (4) Đưa ra các nguyên tắc và tiêu chí để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang. (chi tiết, cụ thể được nêu tại Chương 1).

b) Nghiên cứu, tổng hợp cơ sở khoa học trong việc quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại thành phố Bắc Giang. Phân tích, tổng hợp làm rõ được khái niệm và tiêu chí của đô thị xanh trên Thế giới và Việt Nam, từ đó luận án đã đề xuất được khái niệm và tiêu chí ĐTX cho thành phố Bắc Giang; rút ra được 6 bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý KG KT CQ của Thế giới và Việt Nam để áp dụng cho TP Bắc Giang. (chi tiết, cụ thể được nêu tại Chương 2).

c) Để khắc phục những tồn tại, yếu kém và từng bước xây dựng TP Bắc Giang trở thành ĐTX, luận án đề xuất 05 giải pháp thiết thực, hiệu quả và cụ thể, có khả năng đáp ứng tốt nhất các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu quản lý KG KT CQ như: (1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (2) Phân vùng để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (3) Triển khai các hoạt động quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (4) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (5) Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX. (chi tiết, cụ thể được nêu tại Chương 2).

### ***3.6.2. Những đóng góp mới của luận án.***

Từ những kết quả nghiên cứu, luận án đã đưa ra 03 đóng góp mới:

a) *Đóng góp mới thứ nhất:* Nhận diện các vấn đề về quản lý KG KT CQ ở thành phố Bắc Giang; trên cơ sở đó hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý KG

KT CQ theo hướng ĐTX; làm rõ khái niệm Đô thị xanh và hướng tới Đô thị xanh (tại mục 2.1.1).

*b) Đóng góp mới thứ hai:* Xây dựng các tiêu chí để đánh giá hiệu quả quản lý KG KT CQ TP Bắc Giang hướng tới đô thị xanh:

Trước mắt, để xây dựng TP Bắc Giang hướng tới ĐTX đến năm 2035, cần tập trung vào 3 nhóm tiêu chí chính như: (1) Xanh hóa cảnh quan; (2) Nâng cao chất lượng KG KT CQ; (3) Bảo vệ môi trường thích ứng phó với BĐKH và 16 chỉ số để đánh giá mức độ hiệu quả trong công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX đến năm 2035. (tại mục 3.3).

*c) Đóng góp mới thứ ba:* Đề xuất 05 nhóm giải pháp quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX để làm cơ sở quản lý, sát thực, cụ thể và hiệu quả như: (1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (2) Phân vùng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (3) Triển khai các hoạt động quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (4) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (5) Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX. (tại mục 3.5).

### **3.6.3. Bàn luận về kết quả nghiên cứu có đóng góp mới**

*a) Bàn luận về các tiêu chí quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh:*

Hiện nay, ở Việt Nam các tiêu chí về ĐTX chưa được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật, mới chỉ dừng lại ở các dự án, các đề tài nghiên cứu khoa học. Do đó luận án đề xuất các tiêu chí để đánh giá mức độ hiệu quả trong công tác quản lý về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX đến năm 2035. Đề xuất tiêu chí quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX là nội dung quan trọng, góp phần cụ thể hóa các chỉ tiêu quy hoạch, tăng không gian xanh cho ĐT; bảo tồn phát huy các công trình di tích, kiến trúc có giá trị; phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh, cải thiện hình ảnh ĐT và bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH; là công cụ để quản

lý, đánh giá mức độ hiệu quả trong công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại TP Bắc Giang nói riêng và các đô thị khác nói chung.

- Các tiêu chí do luận án đề xuất để quản lý KG KT CQ này, ngoài việc áp dụng cho TP Bắc Giang thì có thể áp dụng được cho các đô thị có tính chất tương đồng ở trong và ngoài tỉnh như tiêu chí xanh hóa cảnh quan, đây là tiêu chí quan trọng đồng thời cũng là tiêu chí dễ thực hiện ở bất kỳ một đô thị nào; các đô thị muốn phát triển trở thành ĐTX thì việc quy hoạch tạo ra không gian xanh, bảo vệ, khai thác và phát triển không gian xanh là yếu tố quan trọng để tăng diện tích phủ xanh cho đô thị, đồng thời điều hòa không khí, ứng phó với BĐKH.

- Tiêu chí nâng cao chất lượng không gian, kiến trúc, cảnh quan; việc áp dụng cho thành phố Bắc Giang và các đô thị có tính chất tương đồng khác cũng dễ dàng, thuận lợi để thực hiện; chỉ tiêu trật tự xây dựng tại các ĐT nào cũng phải thực hiện; đối với những đô thị khác đã phát triển tốt công trình xanh, kiến trúc xanh thì có thể không cần áp dụng các chỉ tiêu này.

- Tiêu chí bảo vệ môi trường thích ứng với Biến đổi khí hậu. Hiện nay các đô thị của Việt Nam đang phải đối diện với nhiều thách thức do BĐKH ngày càng gay gắt, nên tiêu chí bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH là một trong những tiêu chí mà các đô thị của Việt Nam và trên thế giới đều phải nghiên cứu thực hiện và hướng tới. Các đô thị có quy mô, tính chất tương đồng có thể áp dụng hết chỉ số của tiêu chí này; đối với các đô thị đã có hệ thống thu gom và xử lý rác thải tập trung thì không cần áp dụng chỉ số “Vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu xử lý tập trung của thành phố và xử lý đạt tiêu chuẩn 3R”. Các đô thị không có nghĩa trang nhỏ lẻ nằm trong khu vực phát triển đô thị thì không phải thu gom, di dời về nghĩa trang tập trung.

- Việc xây dựng, áp dụng các tiêu chí do luận án đề xuất là phù hợp với quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang, đồng thời phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ của TP Bắc Giang; phù hợp với Nghị Quyết của Tỉnh ủy, Chương trình phát triển ĐT của tỉnh; các quy hoạch của TP; đúng với

chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển đô thị “Xanh- sạch- đẹp”, ứng phó với BĐKH.

*b) Bàn luận về các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh:*

Việc đề xuất các nhóm giải pháp quản lý KG KT CQ quan TP Bắc Giang hướng tới ĐTX là nội dung quan trọng trong công tác quản lý, là cơ sở để các cấp chính quyền, tổ chức, cá nhân căn cứ để triển khai thực hiện.

- Giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX là một trong những giải pháp không thể thiếu ở mỗi đô thị, tuy nhiên ở mỗi đô thị có quy mô, tính chất, điều kiện khác nhau thì có thể ban hành các cơ chế, chính sách khác nhau làm cơ sở, công cụ pháp lý để thu hút đầu tư, quản lý và thực hiện cấp phép xây dựng, các quy hoạch xây dựng đô thị, Chương trình phát triển đô thị, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị của TP Bắc Giang chưa gắn với mô hình và tiêu chí của ĐTX nên cần phải bổ sung để triển khai thực hiện.

- Giải pháp phân vùng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh. Trong công tác quản lý đô thị hiện nay nói chung và công tác quản lý KG KT CQ cảnh quan TP Bắc Giang hướng tới ĐTX nói riêng, thì công tác phân vùng là một nội dung quan trọng; việc phân vùng đã tìm ra được các khu vực có đồng tính chất với nhau, tạo thành nhóm, chia nhỏ các đối tượng để quản lý, làm cơ sở để phân công trách nhiệm cho các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương được thuận lợi trong công tác quản lý. Việc phân vùng này có thể áp dụng cho các đô thị trong tỉnh và các đô thị tương tự khác; tuy nhiên số lượng vùng, quy mô của vùng có thể thay đổi theo địa hình, ranh giới, tính chất của từng đô thị, nhưng vẫn có điểm thống nhất với nhau về nguyên tắc và phương pháp phân vùng.

- Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX là giải pháp quan trọng của TP Bắc Giang nói riêng và các đô thị khu vực trung du miền núi nói chung. Vì cán bộ là cái gốc của mọi công việc, sự thành công phần lớn phụ thuộc cán bộ, do đó để nâng

cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX luận án đề xuất phải đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, mức độ hiểu biết của lãnh đạo, cán bộ công chức ở các cấp về ý nghĩa, tầm quan trọng của ĐTX; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ gắn với trách nhiệm của cán bộ trong thực thi công vụ, tăng cường đội ngũ cán bộ có chuyên môn về lĩnh vực kiến trúc, QH cho phòng quản lý đô thị của thành phố; đổi mới công tác lập quy hoạch, nâng cao chất lượng QH và quản lý QH.

- Giải pháp triển khai các hoạt động quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh, luận án đã tập trung vào 04 nội dung chính, cụ thể khả thi, thiết thực với TP Bắc Giang như: (Quản lý về không gian; Quản lý về kiến trúc; Quản lý về cảnh quan đô thị; Quản lý kết cấu hạ tầng xanh bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu). Quy định cụ thể từng khu vực để bảo tồn và phát huy các không gian xanh tự nhiên; bán tự nhiên; Bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị như khu di tích lịch sử; đưa ra các quy định để kiểm soát trật tự xây dựng và hình ảnh đô thị và quản lý hạ tầng đô thị gắn với tiêu chí của ĐTX. Quy định Quản lý tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí phát thải nhà kính (các cơ quan, đơn vị trên địa bàn TP mỗi năm phải tiết kiệm tối thiểu 10% lượng tiêu thụ điện, nước theo định mức; toàn dân tham gia trồng cây xanh tại cơ quan, đơn vị vào 1 ngày hàng năm.

- Giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX. Hiện nay một số nước trên thế giới đã thành công về mô hình ĐTX, do biết phát huy sức mạnh của cộng đồng dân cư; luận án đề xuất phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong việc xây dựng, giám sát, kiểm tra và quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; “ dân biết, dân bàn, dân tham gia, dân kiểm tra” là những nội dung quan trọng để phát triển ĐTX cho TP Bắc Giang.

Việc áp dụng các giải pháp quản lý KG KT CQ phố Bắc Giang hướng tới ĐTX là phù hợp với các quy định pháp luật của cấp trên, đồng thời phù hợp với tình hình điều kiện thực tế của TP Bắc Giang

*c) Những nội dung nghiên cứu tiếp theo mà luận án chưa giải quyết được:*

Quản lý KG KT CQ theo hướng ĐTX là một đề tài rộng, mới và phức tạp, nhất là trong bối cảnh ở Việt Nam chưa có ĐTX đúng nghĩa. Do đó, trong giai đoạn trước mắt phát triển TP Bắc Giang dần đạt được các tiêu chí của ĐTX đến năm 2035. Luận án chỉ tập trung nghiên cứu vào 3 vấn đề cốt lõi, khả thi, hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang dựa trên ba trụ cột: “*Sinh thái, mỹ quan và sạch*”; nhằm xây dựng TP Bắc Giang theo hướng: (1) Xanh hóa cảnh quan thông qua các giải pháp quản lý phát triển hệ thống KGX theo quy hoạch; (2) Nâng cao chất lượng KG KT CQ gắn với bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử có giá trị; phát triển công trình xanh và kiến trúc xanh; tăng cường quản lý trật tự xây dựng và cải thiện hình ảnh đô thị; (3) Bảo vệ môi trường trong đó tập trung làm sạch TP dựa trên việc áp dụng mô hình “Đô thị tuần hoàn” trong điều kiện thực tiễn của TP Bắc Giang và có biện pháp ứng phó với BĐKH.

Để TP Bắc Giang trở thành ĐTX với đầy đủ các tiêu chí ở chương 2, luận án đề xuất cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung thêm các lĩnh vực còn thiếu như sau: (1) Nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm chi tiêu, hướng tới tiêu dùng xanh; (2) Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch đối với Nhà máy phân đạm hóa chất Hà Bắc và các cơ sở sản xuất khí đốt trên địa bàn thành phố...; (3) Sử dụng tái tạo năng lượng tái tạo cho các nhà máy, các công trình công cộng, trung tâm hành chính trên địa bàn TP; (4) Nghiên cứu phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp sạch; (5) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo hướng giảm khí thải, nước thải, tiết kiệm điện, tài nguyên thiên nhiên; (6) Hợp tác, liên kết và tham gia mạng lưới ĐTX trên thế giới và Việt Nam.

Trên đây là 6 nội dung chủ yếu mà luận án đề xuất cần được tiếp tục nghiên cứu, đề xuất trong các đề án, dự án tiếp theo của TP Bắc Giang.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Công tác quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX giữ một vai trò hết sức quan trọng trong công tác phát triển đô thị; nó phản ánh hình thái, bản sắc, nét văn hóa, đặc trưng của mỗi đô thị; giúp cho ĐT cân bằng sinh thái, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, giảm thiểu khí phát thải gây ô nhiễm môi trường, khai thác tối đa các giá trị cảnh quan tự nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, trong thực tế công tác này chưa được quan tâm đúng mức, nội dung quy hoạch, KG KT CQ hướng tới ĐTX còn mờ nhạt, nên đề tài *“Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh”* là đề tài mang tính thời sự cao, hướng đi mới trong bối cảnh BĐKH của nước ta đang ngày càng gay gắt.

*a) Kết quả nghiên cứu tổng quan về quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX luận án đã rút ra được 06 bài học kinh nghiệm và nhận diện được các vấn đề tồn tại cần giải quyết:*

(1) Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về ĐTX về quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX còn hạn chế;

(2) Cơ sở khoa học để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại TP Bắc Giang còn thiếu và chưa rõ;

(3) Cần làm rõ khái niệm về ĐTX; đưa rúc các quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc để quản lý cho TP Bắc Giang;

(4) Cần xây dựng tiêu chí để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho TP Bắc Giang;

(5) Cần phân vùng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX để quản lý;

(6) Cần đề xuất các nhóm giải pháp đồng bộ để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX tại TP Bắc Giang.

*b) Để giải quyết những tồn tại, bất cập cho TP Bắc Giang, luận án đã tập trung nghiên cứu tổng quan và hoàn thiện cơ sở khoa học quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX, từ đó Luận án đề xuất:*

- Làm rõ khái niệm về ĐTX và khái niệm hướng tới ĐTX: Theo quan điểm luận án thì ĐTX phải đáp ứng được 3 vấn đề: (1) giảm thiểu khí phát thải gây ô nhiễm môi trường; (2) khai thác tối đa các giá trị cảnh quan tự nhiên; (3) nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Đưa ra 5 quan điểm, 3 mục tiêu cụ thể và 8 nguyên tắc để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX cho thành phố Bắc Giang.

- Đưa ra 05 định hướng và 03 yêu cầu đối với công tác quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX (yêu cầu về xanh hóa cảnh quan; về quản lý KG KT CQ và nâng cao chất lượng mỹ quan đô thị; về phát triển kết cấu hạ tầng xanh và bảo vệ môi trường TP).

- Xây dựng các tiêu chí và bộ chỉ số để đánh giá mức độ hiệu quả quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh;

- Đề xuất 05 nhóm giải pháp quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh bao gồm:

(1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (2) Phân vùng quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (3) Triển khai các hoạt động quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (4) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới ĐTX; (5) Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh.

*c) Áp dụng kết quả nghiên cứu:* Từ những kết quả nghiên cứu ở trên, luận án có thể áp dụng thành công trong công tác quản lý KG KT CQ hướng tới đô thị xanh đối với TP Bắc Giang và các đô thị có tính chất, quy mô, điều kiện tự nhiên và điều kiện thực tế tương đồng với thành phố Bắc Giang.

## 2. Kiến nghị

### *a) Đối với Trung ương:*

- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng bổ sung khái niệm về đô thị xanh, khái niệm hướng tới ĐTX và các tiêu chí quản lý KG KT CQ đô thị xanh vào Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác có liên quan.

- Đề nghị Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn 01/2008/BXD, tiêu chuẩn xây dựng và các Thông tư hướng dẫn về xây dựng ĐTX và quản lý KG KT CQ cho các đô thị xanh và các đô thị hướng tới ĐTX.

### *b) Đối với UBND tỉnh Bắc Giang*

- Lồng ghép mục tiêu, tiêu chí đô thị xanh vào QHC thành phố Bắc Giang và Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh làm cơ sở để quản lý đô thị;

- Phân công, phân cấp, ủy quyền quản lý quy hoạch, thẩm định, cấp phép và quản lý trật tự xây dựng phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của từng địa phương; Ban hành các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội vào đầu tư xây dựng;

- Bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; cắm mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa;

- Thành lập hội đồng thẩm định quy hoạch, tổ chức thi tuyển thiết kế quy hoạch và thiết kế công trình đối với những khu vực trung tâm, điểm nhấn và có ý nghĩa quan trọng của tỉnh và thành phố trong đó cần chú trọng đến tiêu chí đô thị xanh và kiến trúc xanh.

### *c) Đối với UBND thành phố Bắc Giang*

Đề nghị UBND TP Bắc Giang căn cứ kết quả nghiên cứu của Luận án để tham khảo, vận dụng, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn để quản lý KG KT CQ hướng tới ĐTX đối với thành phố Bắc Giang cụ thể như:

- Xây dựng Chương trình phát triển đô thị TP Bắc Giang gắn với tiêu chí quản lý KG KT CQ hướng tới đô thị xanh;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung QHC, QHCT, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc TP Bắc Giang theo hướng lồng ghép các tiêu chí của ĐTX và các giải pháp của Luận án đã đề xuất vào quy hoạch để quản lý;

- Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù để thu hút các nguồn lực xã hội, các nhà đầu tư vào đầu tư phát triển đô thị;

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KG KT CQ thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh;

- Ban hành cơ chế điểm thưởng và cấp giấy chứng nhận công trình xanh cho chủ đầu tư xây dựng đúng tiêu chí;

- Xét tiêu chí chỉ gia đình văn hóa gắn với tiêu chí thực hiện tốt giấy phép xây dựng và trật tự xây dựng.

*d) Đối với chủ đầu tư:*

- Thực hiện đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, giấy phép xây dựng được cấp và các tiêu chí của đô thị xanh;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo đúng chấp thuận đầu tư được duyệt; chủ động phối hợp với TP Bắc Giang trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng;

- Nâng cao chất lượng công trình, quản lý dự án, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định;

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản.

## **DANH MỤC CÁC BÀI BÁO CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đào Công Hùng, *Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan Khu dân cư mới số 2, thành phố Bắc Giang theo hướng phát triển bền vững*, tạp chí Quy hoạch xây dựng số 75, ISSN 1859 - 3054.
2. Đào Công Hùng, *Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan thành phố Bắc Giang theo hướng đô thị xanh - một mục tiêu cần hướng tới trong tương lai*, tạp chí Quy hoạch xây dựng số 81, ISSN 1859 - 3054.
3. Đào Công Hùng, *Kinh nghiệm về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị xanh ở thành phố Bắc Giang*, tạp chí Quy hoạch xây dựng số 88, ISSN 1859 - 3054.
4. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, (đồng tác giả), *Nghiên cứu, khảo sát đánh giá thực trạng kiến trúc cảnh quan và đề xuất giải pháp kiểm soát để quản lý không gian các tuyến phố chính thành phố Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn 2050*.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Thế Bá (1997), *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng.
2. Bộ Xây dựng (2008), *Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng*.
3. Bộ Xây dựng (2005), *TCXDVN 362, Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị*.
4. Bộ Xây dựng (2018), *Thông tư 01/2018/TT-BXD, Quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh*.
5. Bocharov.IU.P- Kudriavxev.O.K, *Cơ cấu quy hoạch thành phố hiện đại*, Lê Phục Quốc dịch, NXB Xây dựng 2006.
6. Phạm Hùng Cường (2007), *Phân tích và cảm nhận không gian đô thị*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
7. Chính phủ (2010), *Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị*.
8. Lương Tiến Dũng, *Quản lý hệ thống không gian xanh các đô thị du lịch vùng ĐBSH&DHĐB Việt Nam, lấy đô thị Ninh Bình làm ví dụ*, Luận án tiến sĩ.
9. Đỗ Hậu, *Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về sự tham gia cộng đồng trong quá trình quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị*.
10. Trần Thọ Hiền, *Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến phố chính khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội, lấy địa bàn quận Ba Đình làm ví dụ nghiên cứu*, Luận án tiến sĩ.

11. Vũ Thị Hương Giang, *Khai thác các yếu tố tự nhiên, lịch sử - văn hóa trong quy hoạch xây dựng xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
12. Trần Trọng Hanh (2011), *Đô thị Việt Nam thế kỷ XXI*, Báo cáo tại diễn đàn Arcasian thành phố Đà Nẵng năm 2011.
13. Trần Trọng Hanh (2015), *Quy hoạch Vùng*, Nhà xuất bản Xây dựng.
14. Trần Trọng Hanh (2017), *Quy hoạch đô thị ở châu Á*, Nhà xuất bản Xây dựng.
15. Đặng Thái Hoàng (1999), *Kiến trúc Hà Nội thế kỷ XIX - thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Hà Nội.
16. Đặng Thái Hoàng (2008), *Hợp tuyển thiết kế đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng.
17. Nguyễn Xuân Ninh (2013), *Tổ chức không gian cảnh quan đô thị theo hướng sinh thái - Định hướng quy hoạch đô thị vùng duyên hải Nam Trung Bộ*.
18. Lê Hồng Kế (2009), *Quy hoạch môi trường đô thị và phát triển bền vững*, Nhà xuất bản Xây dựng.
19. Nguyễn Tố Lăng (2003), *Thiết kế đô thị*, Bài giảng cao học Kiến trúc và Quy hoạch, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
20. Đỗ Tú Lan (2004), *Nghiên cứu sinh thái đô thị du lịch trong qui hoạch xây dựng các đô thị ven biển Việt Nam, lấy ví dụ thành phố Nha Trang*, Luận án tiến sĩ.
21. Vũ Tự Lập (1999), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục.
22. Phạm Trọng Mạnh (2011), *Quản lý đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
23. Hàn Tất Ngạn (1996), *Kiến trúc cảnh quan đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

24. Hàn Tất Ngạn (2003), *Kiến trúc cảnh quan*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
25. Hàn Tất Ngạn (1992), *Khai thác và tổ chức cảnh quan trong sự hình thành và phát triển đô thị Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ.
26. Đào Ngọc Nghiêm (2010), *Quá trình phát triển của Hà Nội qua các thời kỳ trong “Hà Nội thiên niên kỷ - Bài học từ quá trình đô thị hóa”*.
27. Đào Thị Tiến Ngọc (2010), *Mô hình và giải pháp tổ chức hệ thống không gian xanh khu đô thị mới Hà Nội*, Luận án tiến sĩ.
28. Vũ Văn Phái, *Hà Nội, địa chất địa mạo và tài nguyên liên quan*, Nhà xuất bản Hà Nội.
29. Đàm Trung Phùng, Lê Trọng Bình (1997), *Nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị*, Giáo trình chuyên đề cho đào tạo trên đại học và nghiên cứu sinh trường ĐHKT Hà Nội.
30. Nguyễn Thị Lan Phương (2011), *Mô hình tổ chức không gian làng sinh thái ven đô Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ.
31. Pierre Clement, Nathalie Lancret (2005), *Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.
32. Trương Văn Quảng (2005), *Một vài ý kiến trao đổi về phát triển đô thị bền vững*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, số 9/2005.
33. Kim Quảng Quân (2000), *Thiết kế đô thị có minh họa*, Đặng Thái Hoàng dịch, Nhà xuất bản Xây dựng.
34. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2001), *Luật Di sản văn hóa*.
35. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*.
36. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Luật Đất đai*.
37. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017), *Luật Quy hoạch*.

38. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Luật Quy hoạch đô thị*.
39. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Luật Xây dựng*.
40. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*.
41. KOICA, JUNGDO UIT Inc, *Dự án hỗ trợ kỹ thuật Quy hoạch Đô thị xanh Việt Nam*.
42. Nguyễn Thị Kim Thái, Lê Thị Hiền Thảo (2003), *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*, Nhà xuất bản Xây dựng .
43. Trương Quang Thao (2011), *Đô thị học - Những khái niệm mở đầu*, Nhà xuất bản Xây dựng.
44. Vũ Trọng Thắng (2006), *Môi trường trong Quy hoạch xây dựng*, Nhà xuất bản Xây dựng.
45. Ngô Thế Thi (1997), *Giải pháp thẩm mỹ trong kiến trúc cảnh quan*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam số 4,5/1997.
46. Ngô Thế Thi (2007), *Tổ chức không gian trống trong các đô thị*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam.
47. Nguyễn Thị Thanh Thủy (1997), *Tổ chức và quản lý môi trường cảnh quan đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng.
48. Đàm Thu Trang (2009), *Thiết kế kiến trúc cảnh quan khu ở*, Nhà xuất bản Xây dựng.
49. Đàm Thu Trang (2003), *Tổ chức kiến trúc cảnh quan trong các khu ở của Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị*, Luận án Tiến sĩ.
50. Vũ Ngọc Tuấn, *Giải pháp quy hoạch xây dựng Côn Đảo - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu hướng tới đô thị du lịch sinh thái*, Luận văn thạc sỹ - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

51. Hoàng Đình Tuấn (1999), *Tổ chức không gian kiến trúc làng ngoại thành trong quá trình đô thị hóa ở Hà Nội đến năm 2020 với việc giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống*, Luận án Tiến sĩ.
52. Đỗ Trần Tín (2012), *Khai thác yếu tố cây xanh mặt nước trong tổ chức không gian công cộng tại các đô thị mới tại Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ.
53. Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia, *Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050*.

## TIẾNG ANH

54. Ali Manipour (1996), *Design of Urban Space*, Wiley and Sons LTD.
55. Burton, I (1987), *Report on Reports: Our Common Future: The World Commission on Environment and Development, Environment: Science and Policy for Sustainable Development*.
56. Brillhante Ogenis and Jannes Klaas, (2018), *Green City Concept and a Method to Measure Green City Performance over Time Applied to Fifty Cities Globally: Influence of GDP, Population Size and Energy Efficiency*, MDPI, Basel, Switzerland, (<http://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>).
57. Chua Lee Hoong (2012). *The Singapore green plan 2012 – Beyond Clean and Green towards environmental Sustainability*.
58. Economist Intelligence Unit (2012). *The Green City Index. A summary of the Green City Index research series*. Munich: Siemens AG.
59. Enrico Tedeschi (1968), *Teoria de la arquitectura*, La Habana.
60. European Landscape Contractors Association (ELCA) (2011). *Green City Europe – for a better life in European cities*. ELCA Research Workshop.
61. Healey, Patsy (1995). *Managing Cities: The New Urban Context*, New York: John Wiley and Sons.
62. Hillier, Jean (2002). *Shadows of Power: An Allegory of Prudence in Land-*

*Use Planning*. London: Routledge.

63. Honistère de l'Équipement de logement, de transport et du tourisme (1992), *L'aménagement des Espaces verts*, Moniteus.

64. Jean – Claude Marson, (2001), *Histoire des formes urbaines*, Université de Montréal, Canada.

65. John Ormsbee Simonds, *Landscape architecture*, Mac Graw - Hill Inc, United States of America

66. Kahn, M. E. (2006). *Green cities: urban growth and the environment*. Washington, DC: Brookings Institution Press.

67. Kevin Lynch (1960), *The Images of the city*; The MIT Press, Boston - Jersey City - Los Angeles.

68. Lewis, E. (2015). *Green City Development Tool Kit*. Manila: Asian Development Bank.

69. Li Liu (2008), *Status and prospects for urban green structure planning in China - Weihai city as a case study*, faculty of life sciences – university of Copenhagen.

70. Peter Hall, (2002), *Urban and regional planning fourth edition*, Routledge, London and New York.

71. Rocco Pace, Galina Churkina, Manuel Rivera, (2016), *How green is a "Green City"?*, Institute for Advanced Sustainability Studies (IASS), Potsdam.

72. Roger Trancik (1986), *Finding Lost Space - Theories of Urban Design*, Van Nostrand Reinhold Company, New York.

73. R.Flores & Kholocotsi (2012), *Incorporando desarrollo sustentable y gobernanza a la gestión y planificación de áreas verdes urbanas*, Tlaxcala A.C University.

74. R.Riddell (2004), *Sustainable urban planning*; Blackwell.

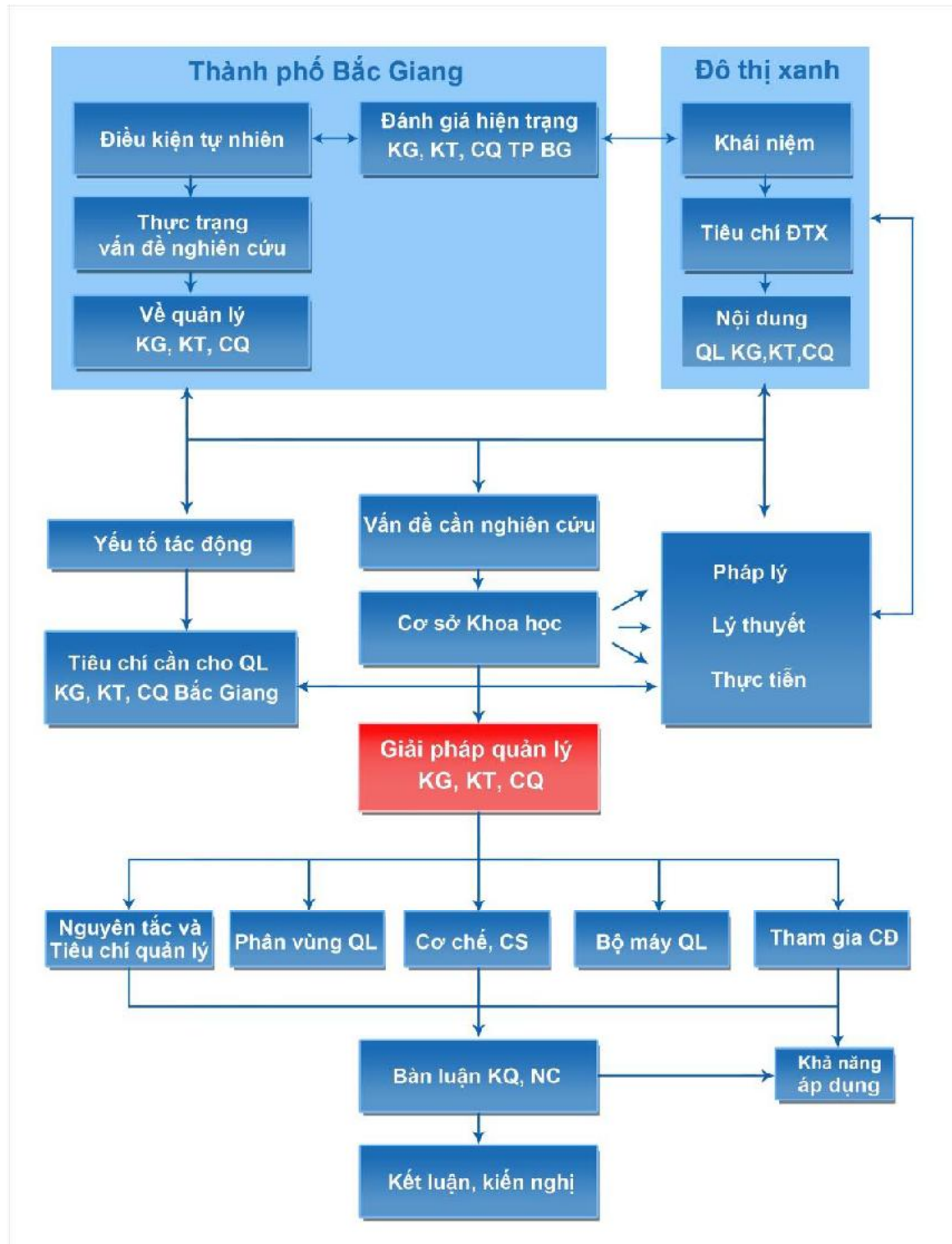
75. Real Academia Espanola, (2014), *Diccionario de la lengua Espanola*.
76. UNEP (2011). *Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication*. A synthesis for policy makers.
77. Worldbank, (2014), *Eco2 Cities*.

#### **WEBSITE**

78. [www.ashui.com](http://www.ashui.com)
79. [www.kienviet.net](http://www.kienviet.net)
80. [www.vnra.mt.gov.vn](http://www.vnra.mt.gov.vn)
81. [www.wikipedia.org](http://www.wikipedia.org)
82. [www.qhkt.hanoi.gov.vn](http://www.qhkt.hanoi.gov.vn)
83. Google Earth
84. [phumyhung.vn](http://phumyhung.vn)
85. [ecopark.com.vn](http://ecopark.com.vn)
86. [congtrinhxanhvietnam.vn](http://congtrinhxanhvietnam.vn)
87. [dothiphattrien.vn](http://dothiphattrien.vn)
88. [baoquocte.vn](http://baoquocte.vn)
89. [e-csr.net/sustainable-green-cities-world-characteristics-ranking](http://e-csr.net/sustainable-green-cities-world-characteristics-ranking)

## PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Sơ đồ nghiên cứu của luận án.



*Phụ lục 2. Các tiêu chí của hệ thống LEED-ND.*

| <b>Tiêu chí</b>                                   | <b>Nội dung</b>                                                                       | <b>Điểm</b> |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>Vị trí và liên kết thông minh - 27 điểm</b>    |                                                                                       |             |
| ĐKTQ 1                                            | Địa điểm thông minh                                                                   | Bắt buộc    |
| ĐKTQ 2                                            | Các loài nguy hiểm và cộng đồng sinh thái                                             | Bắt buộc    |
| ĐKTQ 3                                            | Bảo tồn vùng đất ngập nước và nước                                                    | Bắt buộc    |
| ĐKTQ 4                                            | Bảo tồn đất nông nghiệp                                                               | Bắt buộc    |
| ĐKTQ 5                                            | Tránh lũ                                                                              | Bắt buộc    |
| 1                                                 | Địa điểm                                                                              | 10          |
| 2                                                 | Tái phát triển khu đất đã sử dụng                                                     | 2           |
| 3                                                 | Địa điểm để giảm phụ thuộc xe ô tô                                                    | 7           |
| 4                                                 | Mạng lưới và nơi để xe đạp                                                            | 1           |
| 5                                                 | Nhà ở gần nơi làm việc                                                                | 3           |
| 6                                                 | Bảo vệ xói, tràn                                                                      | 1           |
| 7                                                 | Có vùng đất ngập nước và bảo tồn sinh vật nước                                        | 1           |
| 8                                                 | Phục hồi nơi sinh sống sinh vật nước                                                  |             |
| 9                                                 | Quản lý việc Bảo tồn lâu dài môi trường sống hoặc vùng đất ngập nước và sinh vật nước | 1           |
| <b>Mô hình và thiết kế khu xây dựng - 44 điểm</b> |                                                                                       |             |
| ĐKTQ 1                                            | Phô đi bộ                                                                             | Bắt buộc    |
| ĐKTQ 2                                            | Phát triển nhỏ gọn                                                                    | Bắt buộc    |
| ĐKTQ 3                                            | Cộng đồng mở và kết nối                                                               | Bắt buộc    |
| 1                                                 | Các phố đi bộ                                                                         | 12          |
| 2                                                 | Phát triển chặt chẽ                                                                   | 6           |
| 3                                                 | Sử dụng phối hợp trung tâm khu ở                                                      | 4           |
| 4                                                 | Có thu nhập đa dạng của cộng đồng                                                     | 7           |
| 5                                                 | Giảm đầu chân sinh thái                                                               | 1           |

|                                             |                                                                |          |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------|
| 6                                           | Mạng lưới đường phố                                            | 2        |
| 7                                           | Bến xe                                                         | 1        |
| 8                                           | Quản lý vận tải                                                | 2        |
| 9                                           | Tiếp cận không gian công cộng                                  | 1        |
| 10                                          | Tiếp cận cơ sở giải trí                                        | 1        |
| 11                                          | Thiết kế tổng hợp                                              | 1        |
| 12                                          | Tham gia của cộng đồng                                         | 2        |
| 13                                          | Sản xuất thực phẩm tại địa phương                              | 1        |
| 14                                          | Cây xanh đường phố và bóng mát                                 | 2        |
| 15                                          | Trường học                                                     | 1        |
| <b>Hạ tầng và công trình xanh - 29 điểm</b> |                                                                |          |
| ĐKTQ 1                                      | Chứng nhận công trình xanh                                     | Bắt buộc |
| ĐKTQ 2                                      | Hiệu quả năng lượng công trình nhỏ nhất                        | Bắt buộc |
| ĐKTQ 3                                      | Hiệu quả nước công trình nhỏ nhất                              | Bắt buộc |
| ĐKTQ 4                                      | Phòng chống ô nhiễm trong hoạt động xây dựng                   | Bắt buộc |
| 1                                           | Được nhận chứng chỉ CTX                                        | 5        |
| 2                                           | Hiệu quả năng lượng tòa nhà                                    | 2        |
| 3                                           | Hiệu quả nước tòa nhà                                          | 1        |
| 4                                           | Hiệu quả nước cảnh quan                                        | 1        |
| 5                                           | Tái sử dụng tòa nhà đã có                                      | 1        |
| 6                                           | Bảo tồn tài nguyên lịch sử và sử dụng thích hợp                | 1        |
| 7                                           | Giảm tối thiểu sự xáo trộn địa điểm trong thiết kế và xây dựng | 1        |
| 8                                           | Quản lý ứng lự                                                 | 4        |
| 9                                           | Giảm Đảo nhiệt                                                 | 1        |
| 10                                          | Định hướng theo Mặt trời                                       | 1        |
| 11                                          | Năng lượng tái tạo tại chỗ                                     | 3        |

|                                                |                             |       |
|------------------------------------------------|-----------------------------|-------|
| 12                                             | Sưởi ấm và làm mát cục bộ   | 2     |
| 13                                             | Hiệu quả năng lượng hạ tầng | 1     |
| 14                                             | Quản lý chất thải           | 2     |
| 15                                             | Tái sử dụng hạ tầng         | 1     |
| 16                                             | Quản lý chất thải rắn       | 1     |
| 17                                             | Giảm ô nhiễm ánh sáng       | 1     |
| <b>Sáng tạo và quá trình thiết kế - 6 điểm</b> |                             |       |
| 1                                              | Sáng tạo                    | 1 – 5 |
| 2                                              | Tư vấn chuyên nghiệp LEED   | 1     |
| 3                                              | Tính địa phương             | 4     |

Điểm và xếp hạng:

Tổng số điểm: 100 + 10

Xếp hạng: Đạt Chứng chỉ: 40 – 49 điểm; Chứng chỉ Bạc: 50 – 59 điểm;  
Chứng chỉ Vàng: 60 – 79 điểm; Chứng chỉ Bạch kim:  $\geq 80$  điểm.

*Phụ lục 3. Các nhóm tiêu chí phát triển đô thị bền vững. [18]*

| TT | NHÓM TIÊU CHÍ                                                                                                                                     | CÁC TIÊU CHÍ                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phân bố và quy hoạch đô thị phù hợp với các vùng địa lý và điều kiện sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường                                        | Có 4 tiêu chí: 1) 6 vùng địa lý; 2) Các thông số điều kiện tự nhiên tại 6 vùng địa lý; 3) Khai thác tốt các vùng sinh thái tự nhiên; 4) Đảm bảo tốt môi trường đất, nước, bờ biển, rừng, sông, hồ...                                                                                                                  |
| 2  | Nền kinh tế đô thị phát triển ổn định và bền vững nhằm tạo nhiều việc làm đô thị ổn định, bền vững cho mọi thành phần kinh tế và mọi người dân DT | Có 5 tiêu chí: 1) Tăng trưởng các ngành công nghiệp; 2) Tăng trưởng thương mại và dịch vụ; 3) Tăng thu nhập từ thuế cho thành phố; 4) Có nền kinh tế đô thị mang tính cạnh tranh phát triển giữa các đô thị; 5) Tạo nhiều việc làm cho khu vực dân nghèo, thu nhập thấp và khu vực cư dân không chính thức khác.      |
| 3  | Trình độ dân trí đô thị và nguồn lực phát triển đủ mạnh                                                                                           | Có 5 tiêu chí: 1) Đại học; 2) Cao đẳng; 3) Trung học; hoặc tương đương; 4) Tiểu học; 5) Thất học (thấp nhất có thể)                                                                                                                                                                                                   |
| 4  | Trình độ quản lý phát triển đô thị đủ mạnh và bền vững                                                                                            | Có 3 tiêu chí: 1) Có đủ số cán bộ có trình độ trên đại học và có kỹ năng quản lý đô thị theo hướng bền vững; 2) Có đủ số cán bộ có trình độ đại học và có kỹ năng quản lý đô thị; 3) Có đủ số cán bộ có kỹ năng quản lý phát triển đô thị có trình độ trung học. Số lượng cán bộ theo 3 tiêu chí trên với tỷ lệ 2/5/3 |
| 5  | Dịch vụ đô thị đáp ứng yêu cầu cuộc sống đô thị ngày càng cao                                                                                     | Có 6 tiêu chí: 1) Chăm sóc sức khỏe đầy đủ; 2) Giáo dục đào tạo tốt; 3) Vui chơi giải trí thỏa mãn; 4) Tạo được không khí hoà nhập cộng đồng đô thị; 5) Thỏa mãn các nhu cầu dịch vụ, mua sắm; 6) Thỏa mãn các nhu cầu đặc biệt khác.                                                                                 |
| 6  | Cơ sở xã hội đô thị đầy đủ, ổn định và phát triển bền vững                                                                                        | Có 6 tiêu chí: 1) Nhà ở đô thị đủ, tiện nghi; 2) Cây xanh đô thị thỏa mãn; 3) Có đủ các loại công trình giáo dục, đào tạo; 4) Có đủ các công trình chăm sóc sức khỏe; 5) Có đủ các công trình vui chơi giải trí; 6) Có đủ các cơ sở sinh hoạt văn hoá, mở mang trí tuệ.                                               |

|    |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị đầy đủ, ổn định và phát triển bền vững                                       | Có 7 tiêu chí: 1) Giao thông trong đô thị và đối ngoại; đáp ứng đầy đủ, an toàn và hiện đại; 2) Cấp nước đô thị đảm bảo chất lượng, đủ khối lượng; 3) Thoát nước đô thị với 2 hệ thống riêng; 4) Chất thải đô thị phải được xử lý 100%; 5) Sử dụng năng lượng đô thị theo hướng tự nhiên ngày càng tăng; 6) Thông tin truyền thông đô thị thỏa mãn ở trình độ cao; 7) Tiếp cận kịp thời các yêu cầu về kỹ thuật hạ tầng và công nghệ đô thị tiên tiến. |
| 8  | Lồng ghép quy hoạch môi trường trong quy hoạch đô thị                                                      | Có 5 tiêu chí: 1) Tổ chức không gian xanh vùng và đô thị hợp lý; 2) Khai thác mặt nước tối đa có thể; 3) Giữ gìn tốt môi trường xã hội; 4) Đề xuất các giải pháp bảo tồn môi trường di sản đô thị hiệu quả nhất; 5) Thực hiện các quy hoạch môi trường chuyên ngành trong đô thị và vùng khi cần thiết.                                                                                                                                                |
| 9  | Huy động sự tham gia của cộng đồng người dân đô thị trong công tác quy hoạch, phát triển và quản lý đô thị | Có 5 tiêu chí: 1) Đóng góp ý kiến trong công tác quy hoạch đô thị; 2) Đóng góp ý kiến đầu tư phát triển đô thị; 3) Đóng góp ý kiến trong công tác quản lý đô thị; 4) Đóng góp ý kiến trong các điều hành của bộ máy quản lý đô thị liên quan; 5) Vai trò phụ nữ trong công tác đóng góp ý kiến về quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý đô thị.                                                                                                      |
| 10 | Hợp tác, phối hợp điều hành Vùng hợp lý, hiệu quả, cùng có lợi và cùng phát triển                          | Có 5 tiêu chí: 1) Hình thành ranh giới và không gian vùng hợp lý; 2) Hình thành một cơ chế điều hành bình đẳng, hiệu quả; 3) Đảm bảo đem lại lợi ích cho các đô thị trong vùng; 4) Hợp tác để cùng nhau bảo vệ môi trường và PTBV; 5) Đảm bảo cân bằng các hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái đô thị.                                                                                                                                               |

Phụ lục 4. Các tiêu chí và chỉ số thành phố xanh Châu Âu năm 2009. [71]

| ST T | Danh mục                                          | Chỉ số                                 | Thể loại   | Trọng số | Mô tả                                                                                                                                | Kỹ thuật hóa                                                                               |
|------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | Khí thải CO <sub>2</sub>                          | Khí thải Co <sub>2</sub>               | Định lượng | 33%      | Tổng lượng khí thải, hang tấn                                                                                                        | Nhỏ nhất, lớn nhất                                                                         |
|      |                                                   | Cường độ Co <sub>2</sub>               | Định lượng | 33%      | Tổng lượng phát thải CO, tính bằng gam trên một đơn vị GDP thực tế                                                                   | Nhỏ nhất lớn nhất; thấp hơn điểm chuẩn 1.000 gram chèn vào ngăn chặn ngoại lệ.             |
|      |                                                   | Kế hoạch giảm Co <sub>2</sub>          | Định lượng | 33%      | Đánh giá về các triển vọng của chiến lược giảm khí thải Co <sub>2</sub> .                                                            | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10.                 |
| 2    | Sử dụng năng lượng tái tạo                        | Năng lượng tiêu dùng                   | Định lượng | 25 %     | Tổng năng lượng tiêu thụ, trong giới hạn bình quân đầu người.                                                                        | Nhỏ nhất lớn nhất.                                                                         |
|      |                                                   | Cường độ năng lượng                    | Định lượng | 25 %     | Tổng mức tiêu thụ năng lượng cuối cùng, trong megejoules cho mỗi đơn vị GDP thực (bằng Euro, năm cơ sở 2000).                        | Nhỏ nhất lớn nhất; Thấp hơn điểm chuẩn của BMJ/€ GDP. Chèn vào để ngăn chặn ngoại lệ       |
|      |                                                   | Tái tạo năng lượng tiêu thụ            | Định lượng | 25 %     | Tỷ lệ phần trăm của tổng số năng lượng bắt nguồn từ gia hạn-nguồn có thể, như là một phần của tổng năng lượng của thành phố tiêu thụ | Giá trị 20% (mục tiêu của EU).                                                             |
|      |                                                   | Sạch và hiệu quả năng lượng chính sách | Định lượng | 25 %     | Đánh giá mở rộng của chính sách thúc đẩy việc sử dụng sạch và năng lượng hiệu quả.                                                   | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10                  |
| 3    | Năng lượng tiêu dùng của dân cư trong các tòa nhà | Năng lượng tiêu thụ của dân cư tòa nhà | Định lượng | 33 %     | Tổng số năng lượng tiêu hao cuối cùng trong lĩnh vực dân cư, cho mỗi mét vuông không gian sàn dân cư.                                | Nhỏ nhất lớn nhất.                                                                         |
|      |                                                   | Năng lượng Hiệu quả Tòa nhà Tiêu chuẩn | Định lượng | 33 %     | Đánh giá tổng quát của hiệu quả các thành phố năng lượng tiêu chuẩn cho các tòa nhà.                                                 | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10 |

|   |                                                             |                                                |            |      |                                                                                                                             |                                                                                                                         |
|---|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                             | Năng lượng hiệu quả các tòa nhà sáng kiến      | Định lượng | 33 % | Đánh giá tổng quát của những nỗ lực để thúc đẩy hiệu quả năng lượng của các tòa nhà.                                        | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10                              |
| 4 | Người dân đi làm bằng giao thông công cộng, xe đạp và đi bộ | Sử dụng phi phương tiện vận chuyển             | Định lượng | 29%  | Tổng tỷ lệ phần trăm của dân số làm việc đi du lịch để làm việc trên phương tiện giao thông công cộng, bởi xe đạp và đi bộ. | Chuyển đổi sang quy mô từ 0 đến 10                                                                                      |
|   |                                                             | Kích thước của phi phương tiện vận chuyển mạng | Định lượng | 14%  | Chiều dài của tuyến đường đi xe đạp và các phương tiện công cộng mạng, trong mỗi km vuông mét của khu vực thành phố.        | Nhỏ nhất lớn nhất. tiêu chuẩn của 4 km / km <sup>2</sup> và 5 km / km <sup>2</sup> chèn vào để ngăn chặn các bên ngoài. |
|   |                                                             | Trồng nhiều cây xanh                           | Định lượng | 29%  | Đánh giá tổng quát của những nỗ lực để tăng việc sử dụng các phương tiện giảm bụi để vận chuyển.                            | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10                              |
|   |                                                             | Khuyến nghị giảm chính sách                    | Định lượng | 29%  | Đánh giá những nỗ lực để làm giảm lưu lượng xe trong thành phố                                                              | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10                              |
| 5 | Nước tiêu dùng                                              | Nước tiêu thụ                                  | Định lượng | 25%  | Tổng lượng nước hàng năm tiêu thụ trong m3/người                                                                            | Nhỏ nhất, lớn nhất                                                                                                      |
|   |                                                             | Hệ thống nước rò rỉ                            | Định lượng | 25%  | Tỷ lệ nước bị mất trong việc phân phối nước của hệ thống                                                                    | Mục tiêu trên của 5%                                                                                                    |
|   |                                                             | Xử lý nước thải                                | Định lượng | 25%  | Tỷ lệ nhà ở kết nối với hệ thống xử lý nước thải                                                                            | Tiêu chuẩn trên 100% và thấp hơn tiêu chuẩn là 80%                                                                      |
|   |                                                             | Hiệu quả làm sạch nước và chính sách           | Định lượng | 25%  | Đánh giá các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng nước và xử lý nước thải                                                 | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10                              |

|   |                                |                                    |            |     |                                                                                                                       |                                                                                                   |
|---|--------------------------------|------------------------------------|------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | Xử lý chất thải và sử dụng đất | Sản xuất chất thải từ thành phố    | Định lượng | 25% | Tổng số rác thải đô thị hàng năm thu thấp theo kg/người                                                               | Tiêu chuẩn trên 300kg (mục tiêu của EU). Tiêu chuẩn thấp hơn 1.000kg chèn vào ngăn chặn ngoại lệ. |
|   |                                | Chất thải tái chế                  | Định lượng | 25% | Phần trăm thành phố tái chế rác thải                                                                                  | Tiêu chuẩn trên 50% (mục tiêu EU)                                                                 |
|   |                                | Chất thải giảm thiểu và chính sách | Định lượng | 25% | Đánh giá của các chuyên gia về biện pháp để giảm tổng thể sản xuất chất thải và tái chế sử dụng chất thải             | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10        |
|   |                                | Chính sách sử dụng đất xanh        | Định lượng | 25% | Đánh giá của các chuyên gia về chính sách để chứa các đô thị có vùng đất rộng, thúc đẩy sự sẵn có của không gian xanh | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10        |
| 7 | Chất lượng không khí           | Nitơ dioxide                       | Định lượng | 20% | Ngày thường niên của không khí                                                                                        | Tiêu chuẩn thấp hơn 40 ug / m <sup>3</sup> (EU mục tiêu).                                         |
|   |                                | Khí quyển                          | Định lượng | 20% | Ngày thường niên của O <sub>3</sub>                                                                                   | Tiêu chuẩn thấp hơn 120 ug / m <sup>3</sup> (EU mục tiêu).                                        |
|   |                                | Vấn đề                             | Định lượng | 20% | Ngày thường niên của PM                                                                                               | Tiêu chuẩn thấp hơn 50 ug / m <sup>3</sup> (EU mục tiêu).                                         |
|   |                                | Lưu huỳnh Đioxit                   | Định lượng | 20% | Ngày thường niên của SO                                                                                               | Tiêu chuẩn thấp hơn 40 ug / m <sup>3</sup> (EU mục tiêu).                                         |
|   |                                | Không khí trong lành               | Định lượng | 20% | Đánh giá triển vọng và tính toàn diện để cải thiện và làm sạch môi trường                                             | Ghi bởi Nhà kinh tế, các nhà phân tích trên quy mô 0 đến 10                                       |
| 8 | Quản trị môi trường            | Kế hoạch hành động xanh            | Định lượng | 33% | Đánh giá tham vọng và tính toàn diện của chiến lược để cải thiện hiệu suất môi trường                                 | Được ghi điểm bởi doanh nghiệp, đơn vị tình báo, các nhà phân tích trên thang điểm từ 0-10        |

Phụ lục 5. Các chỉ tiêu đô thị xanh của dự án hỗ trợ thuật

QH ĐTX Việt Nam của KoiCa [41]

| Khái niệm ĐTX                                                                                                    | Phân loại chỉ số ĐTX |                        | Chính sách ĐT xanh |                                                           | QH Đô thị xanh                 | Danh sách chỉ tiêu đô thị xanh         |                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                                                                                                  |                      |                        | 3 lĩnh vực         | 3 mục tiêu                                                | 14 yếu tố                      | 35 chỉ tiêu                            | Đơn vị         |
| Đô thị sử dụng tài nguyên bền vững, hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính và có đủ khả năng ứng phó với BĐKH | Chỉ số đô thị xanh   | Chỉ số môi trường xanh | Môi trường xanh    | Giảm phát thải khí nhà kính và Sử dụng năng lượng tái tạo | Cấu trúc không gian đô thị (4) | Mật độ xây dựng                        | %              |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Tỷ lệ đô thị hoá                       | %              |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Tỷ lệ diện tích cây xanh đô thị        | %              |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Mật độ dân số                          | người/m2       |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           | Sử dụng đất (3)                | Diện tích cây xanh bình quân đầu người | m2/người       |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Đất đô thị bình quân đầu người         | m2/người       |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị  | %              |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           | Công trình xanh (2)            | Lượng tiêu thụ NL của công trình ở     | Toe            |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Số công trình xanh                     | số lượng       |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           | Giao thông xanh (3)            | Số xe máy bình quân đầu người          | Số lượng/người |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Tỷ lệ sử dụng giao thông công cộng     | %              |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           |                                | Tỷ lệ phương tiện GT công cộng         | %              |
|                                                                                                                  |                      |                        |                    |                                                           | Sinh thái & môi trường         | Lượng phát thải KNK                    | Ton eq/người   |

|  |  |                     |              |                                                             |                              |                                      |                      |
|--|--|---------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
|  |  |                     |              |                                                             | xanh (2)                     | BQ đầu người                         |                      |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Lượng hấp thụ KNK của cây rừng       | Ton eq               |
|  |  |                     |              |                                                             | Năng lượng mới, tái tạo (3)  | Lượng tiêu thụ NL BQ                 | Toe/người            |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ trọng NL tái tạo                  | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ lệ hộ GD sử dụng NL tái tạo       | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             | Rác thải (2)                 | Lượng CTR bình quân đầu người        | kg/người/ngày        |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ lệ tái chế rác thải               | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             | Tuần hoàn tài nguyên (2)     | Lượng sử dụng nước BQ                | lít/người            |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ lệ xử lý nước thải                | %                    |
|  |  | Chỉ số kinh tế xanh | Kinh tế xanh | Xanh hoá phương thức sản xuất và thúc đẩy tiêu dùng ổn định | Sản xuất, công nghệ xanh (3) | Tỷ trọng đầu tư vào CN xanh          | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ lệ việc làm xanh                  | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ lệ dự án đầu tư ứng phó BĐKH      | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             | Tiêu dùng xanh (2)           | Lượng phát thải KNK trên GRDP        | Ton eq/GRDP          |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm than, dầu mỏ | %                    |
|  |  |                     |              |                                                             | Hợp tác xanh (1)             | Mức độ tự chủ về tài chính           | %                    |
|  |  | Chỉ số xã hội xanh  | Xã hội xanh  | Xanh hoá đời sống                                           | Quản trị xanh (3)            | Đã có chính sách ứng phó BĐKH chưa   | establishment or not |
|  |  |                     |              |                                                             |                              | Đã có điều lệ về TTX ít              | establishment or not |

|  |  |  |  |  |                      |                                                  |                         |
|--|--|--|--|--|----------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|
|  |  |  |  |  |                      | khí thải chưa                                    |                         |
|  |  |  |  |  |                      | Tỷ lệ cán bộ được đào tạo về TTX                 | %                       |
|  |  |  |  |  | Đời sống xanh<br>(3) | Đã lập kế hoạch thực hiện xanh hoá               | establsihment<br>or not |
|  |  |  |  |  |                      | Tỷ lệ tham gia của người dân vào chính sách xanh | %                       |
|  |  |  |  |  |                      | Tỷ lệ dân số nghèo                               | %                       |
|  |  |  |  |  | An toàn xanh<br>(2)  | Tổng thiệt hại do thiên tai                      | Đồng                    |
|  |  |  |  |  |                      | Tỷ lệ dân tại khu vực nguy cơ thiên tai          | %                       |
|  |  |  |  |  |                      |                                                  |                         |